



DSPACE

<https://dspace.org/>

**Nhng vn lý lun và thc tin v bin pháp iu tra t tng c bit:
Sách tham kho dùng cho ào to trình i hc Cnh sát nhân
dân, h Chính quy 4 nm theo tín ch - Lu hành ni b**

D Hoàng Châu; Nguyn Tin Nam

2024

Trng i hc CSND

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/63>

BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN

SÁCH THAM KHẢO

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
VỀ BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỔ TỤNG ĐẶC BIỆT

(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học CSND hệ Chính quy)

04 năm theo tín chỉ

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Thành phố Hồ Chí Minh 2024

ThS DƯ HOÀNG CHÂU

SÁCH THAM KHẢO

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
VỀ BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỔ TỤNG ĐẶC BIỆT

(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học CSND hệ Chính quy

04 năm theo tin chỉ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2024

BAN BIÊN SOẠN

**Chủ biên: ThS. Dư Hoàng Châu - Giảng viên chính - Khoa luật -
Trường Đại học CSND**

Tham gia biên soạn:

- 1. ThS. Dư Hoàng Châu - Giảng viên chính - Chương I;**
- 2. TS. Nguyễn Tiên Nam - Giảng viên chính - Chương II;**

thuvienso.dhcs.vn

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

Hội đồng thẩm định tài liệu dạy học

Dùng cho đào tạo trình độ Đại học CSND hệ Chính quy 04 năm theo tín chỉ

(Ban hành kèm theo quyết định số 637/QĐ-T05 ngày 09 tháng 04 năm 2024 của

Hiệu trưởng Trường Đại học CSND)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh trong hội đồng
1.	PGS.TS Nguyễn Giang Nam	Phó Hiệu trưởng	T05	Chủ tịch
2.	PGS.TS Trần Thảo	Trưởng khoa	T05	UV phản biện 1
3.	ThS Lê Trung Ái	Trưởng CA.TP	Công an tỉnh Tây Ninh	UV phản biện 2
4.	ThS Nguyễn Quốc Khánh	Phó Trưởng phòng	T05	Thư ký
5.	PGS.TS Trần Ngọc Đức	Trưởng khoa	T05	Ủy viên
6.	PGS.TS Bùi Ngọc Hà	Trưởng phòng	T05	Ủy viên
7.	TS Ngô Quang Cảnh	Phó Trưởng khoa	T05	Ủy viên

LỜI NÓI ĐẦU

Thời gian qua, dưới tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, tình hình tội phạm ở Việt Nam vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp với phương thức, thủ đoạn gây án ngày càng tinh vi và xảo quyệt, nhiều băng nhóm tội phạm với quy mô lớn, hoạt động có tổ chức, hoạt động phạm tội xuyên quốc gia, cấu kết chặt chẽ gây nhiều khó khăn cho công tác đấu tranh của các lực lượng chức năng, trong đó nổi lên một số loại tội phạm về tham nhũng, ma túy, khủng bố hay rửa tiền... những tội phạm này đã không còn là vấn đề riêng của mỗi quốc gia nào mà trở thành vấn đề có tính toàn cầu.. Đứng trước sự lo ngại về tính nghiêm trọng của các loại tội phạm trên đối với sự ổn định về tình hình an ninh trật tự, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều văn kiện thể hiện tại các Đại hội Đảng, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chỉ thị thể hiện tinh thần chủ động trong phòng ngừa với các loại tội phạm nói chung và các loại tội phạm đặc thù này.

Để đảm bảo việc điều tra khám phá các loại tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, ma túy, khủng bố, rửa tiền, tội phạm về tham nhũng... có kết quả cao, Bộ luật TTHS năm 2015 đã ghi nhận nhóm biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như ghi âm, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật, thu thập bí mật dữ liệu điện tử nhằm tạo ra một hành lang pháp lý đảm bảo thời hạn, tiến độ, hiệu quả việc tiến hành điều tra. Trên thực tế, trước khi Bộ luật TTHS năm 2015 có hiệu lực, các biện pháp điều tra đặc biệt đã được lực lượng trinh sát ngành Công an, Quân đội thực hiện trong quá trình điều tra. Tuy nhiên, những thông tin thu được từ những biện pháp này không được coi là chứng cứ. Chế định về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được quy định trong Bộ luật TTHS 2015 đã hợp pháp hóa quá trình, từ đó những thông tin thu được từ các hoạt động này đã được coi là chứng cứ.

Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt với mong muốn làm giàu thêm về lý luận và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật; góp phần vào quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự trong thời gian tới cũng như là nguồn tài liệu tham khảo trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu môn Luật Tố tụng hình sự cho sinh viên đang học tập tại trường, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân tổ chức biên soạn sách tham khảo ***“Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt - Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng”***

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, chuyên đề được kết cấu thành 02 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Chương 2: Thực tiễn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và một số định hướng hoàn thiện

Trong quá trình biên soạn sẽ không tránh khỏi thiếu sót, nhóm tác giả mong nhận được những góp ý về chuyên môn để nội dung được hoàn thiện và phục vụ tốt cho việc nghiên cứu, học tập của sinh viên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CSND

thuvienso.dhcs.vn

Chương 1.
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP
ĐIỀU TRA TỔ TỤNG ĐẶC BIỆT

I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỔ TỤNG ĐẶC BIỆT

1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của biện pháp điều tra tổ tụng đặc biệt

a. Khái niệm biện pháp điều tra tổ tụng đặc biệt

Điều tra vụ án hình sự là giai đoạn tố tụng hình sự bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, trong đó các cơ quan và người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế và tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự để thu thập chứng cứ xác định tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết cần thiết khác làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Điều tra vụ án hình sự bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự và kết thúc khi Cơ quan điều tra làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc đình chỉ điều tra.

Điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn trong trình tự tố tụng, đồng thời là quá trình áp dụng pháp luật rất phức tạp, được tiến hành nhằm làm rõ sự thật khách quan toàn diện về vụ án hình sự. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra được tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự để thu thập chứng cứ, bao gồm chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, chứng cứ xác định tình tiết tăng nặng, chứng cứ xác định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can cũng như những chứng cứ xác định các tình tiết khác của vụ án.

Chủ thể của điều tra vụ án hình sự bao gồm Cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Các biện pháp điều tra là các biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định mà các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng để thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án. Các biện pháp điều tra gồm:

- Khởi tố bị can; Hỏi cung bị can (chương XI, từ Điều 179 - 184).
- Lấy lời khai người bị hại; người làm chứng; nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Đối chất; Nhận dạng (chương XII, từ Điều 185 - 191).

- Khám xét, thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật (chương XIII, từ Điều 192 - 200).
- Khám nghiệm hiện trường, tử thi, xem xét dấu vết, thực nghiệm điều tra (chương XIV, từ Điều 201 - 204).
- Trưng cầu giám định và định giá tài sản (chương XV, từ Điều 205 - 222).
- Các biện pháp điều tra đặc biệt (chương XVI, từ Điều 223 - 228).

Trong quá trình điều tra, tùy từng vụ án cụ thể mà các biện pháp điều tra được thực hiện toàn bộ hay một phần. Có những biện pháp luôn luôn bắt buộc phải thực hiện (như khởi tố bị can, hỏi cung bị can, lấy lời khai người tham gia tố tụng), có những biện pháp có thể không bắt buộc phải thực hiện tùy theo nhu cầu điều tra. Trong số các biện pháp điều tra được quy định trong Bộ luật TTHS thì biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là một trong số nhóm biện pháp điều tra mới được ghi nhận trong Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập chứng cứ chứng minh làm rõ sự thật khách quan của vụ án hình sự.

Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Bộ luật TTHS năm 2015 gồm có: Ghi âm, ghi hình bí mật; Nghe điện thoại bí mật; Thu thập bí mật dữ liệu điện tử. So với các nhóm biện pháp điều tra được quy định từ chương XI- XV trong Bộ luật TTHS, nhóm các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được tiến hành một cách bí mật không để các đối tượng trong vụ án có điều kiện tiêu hủy tài liệu chứng cứ. Những biện pháp này về bản chất giống với các biện pháp trinh sát kỹ thuật của lực lượng Công an. Tuy nhiên, khi được Cơ quan điều tra có thẩm quyền áp dụng sau khi có quyết định khởi tố vụ án thì đây là một hoạt động điều tra, được áp dụng theo trình tự, thủ tục tố tụng chặt chẽ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kết quả thu được có thể được coi là chứng cứ của vụ án nếu đảm bảo các thuộc tính khách quan, liên quan và hợp pháp.

Về chủ thể tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Cơ quan điều tra là chủ thể có thẩm quyền quyết định đề nghị áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Viện kiểm sát là chủ thể quyết định có áp dụng hay không áp dụng và cơ quan chuyên trách chính là chủ thể trực tiếp tiến hành.

Theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học Việt Nam thì thuật ngữ “đặc biệt” được hiểu là “*khác hẳn những trường hợp thông thường về tính chất, chức năng hoặc mức độ*”¹. Bộ luật TTHS năm 2015 quy định 03 biện pháp được gọi là biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Bản chất đây là những biện pháp kỹ thuật

¹ Viện Ngôn ngữ học Việt Nam, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2018.

nghiệp vụ bí mật mà các đơn vị kỹ thuật nghiệp vụ trong lực lượng Công an tiến hành và được gọi là các biện pháp hỗ trợ điều tra.

Khi nghiên cứu về khái niệm về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, có một số công trình đã đề cập như PGS Phạm Quang Phúc, trong một nghiên cứu của mình đã cho rằng “*biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là biện pháp trình sát có tính chất đặc thù, rõ nét nhất đó là tính chất bí mật*”². Hoặc có tác giả lại cho rằng: “*Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là một trong các biện pháp điều tra tố tụng được các cơ quan chuyên trách trong lực lượng công an nhân dân và quân đội nhân dân tiến hành sau khi khởi tố vụ án, trong quá trình điều tra nhằm áp dụng các biện pháp điều tra bí mật do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án hình sự*”³. Trong 2 cách tiếp cận về điều tra tố tụng đặc biệt nêu trên, các tác giả đã: i) đồng nhất biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt với biện pháp trình sát và nhấn mạnh đặc điểm “bí mật” khi tiến hành để phân biệt với các hoạt động điều tra khác mang tính công khai và ii) đặc điểm, chủ thể tiến hành, thời điểm tiến hành, mục đích của điều tra tố tụng đặc biệt. Điểm giống nhau giữa hai quan niệm này đó là đều thừa nhận đặc điểm về tính bí mật của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Nhất trí với cả hai quan điểm nêu trên nhưng để bảo đảm đầy đủ hơn chúng tôi cho rằng cần tổng hợp, bổ sung để đưa ra khái niệm biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như sau: “*Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là biện pháp điều tra bí mật do Cơ quan điều tra có thẩm quyền phối hợp cùng lực lượng chuyên trách tiến hành theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với một số tội phạm nhất định nhằm thu thập âm thanh, hình ảnh, dữ liệu điện tử có liên quan đến tội phạm và người phạm tội*”.

Được gọi là biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt bởi lẽ về bản chất biện pháp này giống với các biện pháp trình sát kỹ thuật của lực lượng Công an. Tuy nhiên, khi được Cơ quan điều tra có thẩm quyền áp dụng sau khi có quyết định khởi tố vụ án thì đây là một hoạt động điều tra, được áp dụng theo trình tự, thủ tục tố tụng chặt chẽ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kết quả thu được có thể được coi là chứng cứ của vụ án nếu đảm bảo các thuộc tính khách quan, liên quan và hợp pháp. Có thể nói đây là việc tố tụng hóa biện pháp trình sát kỹ thuật. Biện pháp này được tiến hành “bí mật” với đối tượng bị áp dụng, không giống như

² Phạm Quang Phúc, Tìm hiểu quy định trong Bộ luật TTHS năm 2015 về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Những điểm mới của Bộ luật TTHS 2015, Khoa Luật Hình sự, Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh, tháng 4/2016

³ Phan Văn Chánh, Khái niệm và một số vấn đề về áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong TTHS Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 04/2017

những hoạt động điều tra khác như hỏi cung bị can, lấy lời khai, khám xét... được tiến hành công khai

b. Đặc điểm của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

So với các biện pháp điều tra khác để thu thập chứng cứ, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được tiến hành bí mật theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, tài liệu thu thập được có đủ các thuộc tính của chứng cứ có giá trị trong việc làm rõ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự. Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt khác với hoạt động nghiệp vụ trinh sát của lực lượng Công an nhân dân, thể hiện ở chỗ các biện pháp nghiệp vụ trinh sát do lực lượng trinh sát tiến hành, những tài liệu thu thập qua hoạt động nghiệp vụ trinh sát không có giá trị pháp lý để làm rõ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự. Để có thể sử dụng tài liệu thu thập qua hoạt động nghiệp vụ trinh sát phải chuyển hóa từ biện pháp thu thập bí mật sang biện pháp công khai.

Tính “đặc biệt” của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt biểu hiện tập trung ở chỗ: Phần chiến thuật tiến hành của biện pháp này vừa có tính nghiệp vụ vừa có tính tố tụng (được pháp luật TTHS thừa nhận); là biện pháp chỉ được sử dụng trong những trường hợp đặc biệt (những tội có tính chất đặc biệt nguy hiểm), trong những giai đoạn đặc biệt (chỉ sau khi đã khởi tố vụ án), do các chủ thể ở vị trí nhất định mới có thẩm quyền quyết định sử dụng.

Nếu so với các biện pháp điều tra tố tụng khác, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thể hiện sự “đặc biệt” ở chỗ bản thân nó chính là biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ được pháp luật TTHS “luật hoá” thành biện pháp điều tra tố tụng (công nhận về biện pháp), nhưng lại là biện pháp điều tra tố tụng chỉ công khai kết quả thu thập mà không công khai phần chiến thuật tiến hành (thủ thuật thu thập); còn các biện pháp điều tra tố tụng khác, phần nghiệp vụ (chiến thuật) là phần không được “luật hoá” bởi pháp luật TTHS. Các biện pháp điều tra tố tụng khác được pháp luật TTHS quy định về các tiến hành (trình tự, thủ tục) và kết quả thu thập được pháp luật thừa nhận. Nếu so về tính bí mật thì phần nghiệp vụ của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cũng là phần bí mật nhất (tuyệt mật) so với phần nghiệp vụ trong các biện pháp điều tra tố tụng khác.

Trong mối quan hệ với các biện pháp điều tra trinh sát, tính “đặc biệt” của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được thể hiện ở chỗ: Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là biện pháp trinh sát duy nhất được “luật hoá” trở thành biện pháp điều tra tố tụng. Trong điều tra vụ án hình sự, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có vị trí độc lập và chỉ được sử dụng trong điều tra tội phạm sau khi đã khởi tố vụ án;

còn các biện pháp điều tra trinh sát, tuy được sử dụng trong phạm vi rộng hơn nhưng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, nó chỉ là một trong các biện pháp hỗ trợ điều tra.

Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, trước hết đó là những biện pháp điều tra tố tụng, do đó quá trình áp dụng phải tuân thủ nghiêm quy định của Bộ luật TTHS về trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng. Tuy nhiên, đây lại là những biện pháp điều tra đặc biệt, khác các biện pháp điều tra khác ở tính “đặc biệt” được thể hiện ở quy trình áp dụng, nội dung thực hiện, cơ quan thực hiện, kết quả sử dụng, kết thúc và tiêu huỷ kết quả.

Thứ hai, trình tự, thủ tục tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt khác biệt so với các biện pháp điều tra tố tụng khác, các biện pháp điều tra tố tụng từ chương XI đến chương XV được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2015 được tiến hành công khai về thẩm quyền, căn cứ, trình tự, thủ tục tiến hành, một số biện pháp điều tra như khám xét, nhận dạng, xem xét dấu vết trên thân thể...khi tiến hành còn có người chứng kiến, đối tượng bị áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng công khai đều nhận thức được mình là chủ thể đang bị áp dụng biện pháp điều tra; biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ công khai về tên gọi và thẩm quyền, không quy định về trình tự thủ tục tiến hành, vì vậy cách tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể xác định là “rất đặc biệt”, đối tượng bị áp dụng không thể biết được mình đang bị theo dõi, đang bị ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật và thu thập dữ liệu điện tử một cách bí mật.

Thứ ba, đối tượng bị áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng có thể là con người như cá nhân, đối tượng nghi thực hiện tội phạm hoặc ổ nhóm tội phạm, hoặc cũng có thể là địa điểm nơi có thể xảy ra tội phạm, tồn tại những tin tức, tài liệu, dấu vết cần theo dõi, tìm kiếm thu thập trong quá trình giải quyết vụ án liên quan đến các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ tư, thời điểm áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, so với các biện pháp điều tra tố tụng thì biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ áp dụng sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự và biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được áp dụng có thời hạn. Với các biện pháp điều tra khác, Điều tra viên thụ lý vụ án có thể áp dụng từ khi tiếp nhận, phân loại nguồn tin tội phạm, việc lựa chọn biện pháp được sử dụng xuyên suốt đến khi kết luận điều tra. Lý giải cho sự khác biệt này xuất phát từ việc khi áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có ảnh hưởng đến quyền con người, quyền công dân được ghi nhận trong Hiến pháp 2013, nếu

áp dụng tùy tiện sẽ ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng và bản chất tốt đẹp của Nhà nước.

Thứ năm, về chủ thể áp dụng: căn cứ theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 thì chỉ Cơ quan điều tra mới có thẩm quyền lựa chọn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác như Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư, các cơ quan khác trong CAND, Quân đội nhân dân không có thẩm quyền áp dụng. Khi tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì ngoài Cơ quan điều tra còn có cơ quan chuyên trách. Theo Thông tư số 11/2020/TT-BCA quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Công an nhân dân thì chỉ Cơ quan chuyên trách được giao nhiệm vụ phối hợp với Cơ quan điều tra của CAND khi tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Đây được hiểu là các lực lượng nghiệp vụ của Bộ Công an được đào tạo chuyên sâu, được trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại để tiến hành các hoạt động ghi âm, ghi hình, nghe điện thoại bí mật, thu thập dữ liệu điện tử bí mật.

c) Vai trò của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong hoạt động điều tra hình sự

- Thứ nhất, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là cơ sở pháp lý đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra đối với các loại tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về tham nhũng, ma túy, rửa tiền, khủng bố, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có tổ chức. Sự phát triển về mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là công nghệ thông tin, tội phạm cũng hoạt động với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, tính nguy hiểm cao, đặc biệt là với các loại tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền, tội phạm có tổ chức. Đối với những loại tội phạm này, trong nhiều trường hợp nếu chỉ tiến hành các biện pháp điều tra theo tố tụng thông thường mang tính “truyền thống” như từ trước đến nay thì không thể thu thập được chứng cứ để chứng minh tội phạm. Trong Bộ luật TTHS năm 2003, để thu thập được những thông tin có giá trị, liên quan trực tiếp đến vụ án, đến đối tượng thì chỉ có thể tiến hành các biện pháp trinh sát, trong đó có các biện pháp như Giám sát viễn thông (KT5), Kiểm tra, giám sát hoạt động của đối tượng qua nghe nhìn (KT7)⁴, nhưng việc chuyển hóa tài liệu trinh sát thành chứng cứ gặp khó khăn, thậm chí không thể chuyển hóa được. Như vậy, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trước đây đã được thực hiện

⁴ Thông tư số 17/2019-BCA ngày 26/6/2019 của Bộ trưởng BCA quy định trình tự, cách thức tiến hành các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ

nhưng với vai trò là biện pháp trinh sát, hiện nay đã được quy định trong luật TTHS nên sẽ tiến hành với vai trò là biện pháp điều tra, kết quả thu được là chứng cứ, không cần phải chuyên hóa. Do đó, có thể nói, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là sự giao thoa giữa các biện pháp điều tra tố tụng và các biện pháp trinh sát. Trong thời đại phát triển khoa học - công nghệ nhanh chóng như hiện nay, các biện pháp điều tra đặc biệt là biện pháp rất hiệu quả trong phát hiện, điều tra thu thập chứng cứ về tội phạm và người phạm tội, nhất là đối với các loại tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng khoa học - công nghệ cao...

- Thứ hai, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt giúp thu thập tài liệu chứng cứ nhanh chóng, chính xác và khách quan. Những thông tin, chứng cứ thu được từ các biện pháp tố tụng điều tra tố tụng đặc biệt có tính chính xác, giá trị chứng minh cao, không chỉ phản ánh nội dung, bản chất của vụ án mà còn xác định được động cơ, mục đích của đối tượng. Bên cạnh đó, khi áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt sẽ được tiến hành liên tục 24/24 giờ đảm bảo không bỏ sót bất kỳ thông tin nào liên quan đến hoạt động của đối tượng để từ đó có thể nhận biết được mọi hành động, âm mưu, thủ đoạn của đối tượng đã, đang và sắp tiến hành.

- Thứ ba, việc quy định các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt góp phần khẳng định vị thế và cam kết của Việt Nam khi gia nhập các điều ước quốc tế liên quan đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm như Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng 2003 (UNCAC 2003) cũng như đảm bảo các quy định của pháp luật liên quan đến đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong trường hợp cần thiết. Kết quả việc tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt góp phần nhanh chóng làm rõ sự thật khách quan của vụ án, từ đó góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích của công dân, từng bước khẳng định uy tín và vị thế của Việt Nam khi tham gia quan hệ quốc tế.

2. Sự cần thiết và nguyên tắc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

a) Sự cần thiết của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân là một trong những tư tưởng chủ đạo của Đảng, Nhà nước ta trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 2013, đã khẳng định “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật”. Vì vậy, việc thu thập, kiểm tra đánh giá và sử dụng chứng cứ nói chung và trong điều tra vụ án hình sự nói riêng đều không được xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân.

Trước yêu cầu trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới với nhiều loại tội phạm phức tạp như tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm tham nhũng, khủng bố, rửa tiền... với phương thức thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội và che giấu tội phạm ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Đặc biệt các đối tượng phạm tội sử dụng nhiều công cụ, phương tiện công nghệ cao, do đó nếu Cơ quan điều tra chỉ áp dụng các biện pháp điều tra công khai thì trong nhiều trường hợp việc phát hiện, thu thập tài liệu, chứng cứ gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, đòi hỏi phải có quy định để tạo điều kiện cho các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Đó là biện pháp điều tra có các yếu tố bí mật về phương pháp tiến hành, bí mật về đối tượng áp dụng, bí mật về các thông tin, tài liệu không liên quan... nhưng lại được công khai về chứng cứ phục vụ công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Đây cũng là điểm khác biệt cơ bản với biện pháp điều tra tố tụng thông thường hay biện pháp điều tra trinh sát. Biện pháp điều tra này có thể dẫn đến những hạn chế nhất định quyền con người, quyền công dân. Vì vậy cần thiết phải có những quy định chặt chẽ về việc áp dụng biện pháp này trong tố tụng hình sự.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sau đây gọi là Bộ luật TTHS) lần đầu tiên quy định về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt tại Chương XVI, gồm các biện pháp sau: Ghi âm, ghi hình bí mật; Nghe điện thoại bí mật; Thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Các biện pháp này có thể được áp dụng khi điều tra tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.⁵ Bộ luật TTHS quy định các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là cần thiết, bởi những lí do sau đây:

- Một là, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, Điều 14 Hiến pháp quy định “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật*”⁶. Đây là những biện pháp điều tra có tính chất nhạy cảm, khi thực hiện sẽ có thể có những tác động lớn tới các quyền cơ bản của con người, của công dân. Đặc biệt là quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác, do đó cần được luật hóa, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng. Đồng thời, khi áp dụng các biện pháp này sẽ tạo điều kiện cho thuận lợi Cơ quan điều tra chủ động thu thập chứng cứ, xác định, chứng minh người thực hiện hành vi phạm tội trong quá trình điều tra các vụ án hình sự, tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh chống tội phạm thời gian qua.

⁵ Xem Điều 223, 224 Bộ luật Tố tụng hình sự.

⁶ Điều 14 Hiến pháp năm 2013

Hai là, Bộ luật TTHS quy định về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là minh chứng cho việc thực hiện các cam kết quốc tế trong các công ước mà Việt Nam đã tham gia về tăng cường đấu tranh với một số loại tội phạm nghiêm trọng trên cơ sở vẫn bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tạo điều kiện tốt cho việc hội nhập và hợp tác quốc tế. Để đáp ứng được nhiệm vụ của Bộ luật TTHS đề ra, cần phải tạo điều kiện cho Cơ quan điều tra chủ động thu thập chứng cứ, xác định đối tượng tình nghi phạm tội trong quá trình điều tra các vụ án tham nhũng phức tạp, có tổ chức, đặc biệt nghiêm trọng. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) cũng đòi hỏi mọi quốc gia phải áp dụng các biện pháp cần thiết, đủ mạnh và biện pháp này cũng là một biện pháp đặc biệt trong việc đấu tranh phòng, chống các tội phạm tham nhũng, các tội phạm ma túy và các tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Theo đánh giá của UNCAC và kinh nghiệm của nhiều quốc gia thành viên, các biện pháp điều tra đặc biệt được quy định bao gồm: kiểm soát vận chuyển (thường áp dụng trong các vụ án ma túy, tham nhũng, rửa tiền); giám sát, theo dõi điện tử (theo dõi điện thoại, thư điện tử...); giám sát, theo dõi đối tượng tình nghi; hoạt động tình báo, hoạt động “chìm”; kiểm tra liên chính; giám sát giao dịch tài chính và một số biện pháp khác. Qua đánh giá không đầy đủ của các quốc gia đã áp dụng biện pháp điều tra đặc biệt, các biện pháp này rất có hiệu quả trong việc thu thập thông tin, đấu tranh phòng, chống tham nhũng tại một số quốc gia. Việc áp dụng các biện pháp này cũng giúp xử lý “sớm” hành vi có dấu hiệu tham nhũng và giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có được thông tin và chủ động trong việc áp dụng các biện pháp phong tỏa, tạm giữ, kê biên để thu hồi tài sản tham nhũng. Do vậy, việc luật hóa biện pháp điều tra đặc biệt trong Bộ luật TTHS năm 2015 là hoàn toàn phù hợp với Công ước về đấu tranh chống tội phạm tham nhũng, ma túy, chống tội phạm có tổ chức mà Việt Nam đã tham gia. Như vậy, việc luật hóa các biện pháp điều tra đặc biệt trong Bộ luật TTHS lần này là hết sức cần thiết, nhằm cụ thể hóa yêu cầu của Hiến pháp năm 2013, trong đó có yêu cầu bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự, song vẫn bảo đảm nhiệm vụ “...*Phát hiện chính xác và xử lý công minh kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội...*”⁷.

Thứ ba, Xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn cần nâng cao hiệu quả điều tra đối với các tội phạm về an ninh quốc gia, ma túy, tham nhũng, khủng bố và rửa tiền. Trong thực tiễn, để phát hiện, điều tra, xử lý nhóm các tội phạm trên, có những khó khăn, vướng mắc, bất cập mà Bộ luật hình sự (BLHS) và các văn bản dưới luật chưa kịp điều chỉnh và hướng dẫn. Các đối tượng phạm tội đã lợi dụng triệt

⁷ Điều 1 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)

đề kế hở của pháp luật và những hạn chế trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội của Nhà nước để thực hiện hành vi phạm tội rất tinh vi, gây ra hậu quả rất lớn, làm ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả hoạt động quản lý của Nhà nước nhưng không dễ để phát hiện, xử lý. Nếu có phát hiện thì việc xử lý gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp cả về quy mô, tính chất của vụ án, ý thức chống đối pháp luật của người phạm tội và mối quan hệ của họ. Việc áp dụng pháp luật giữa các Cơ quan tố tụng có nhiều vụ cũng không được thống nhất, gây rất nhiều khó khăn trong quá trình xử lý vụ án trong các nhóm tội này. Thực tế trong bối cảnh hiện nay, nếu chỉ có điều tra công khai như Bộ luật TTHS năm 2003 thì hiệu quả điều tra mang lại không cao, dẫn đến sự hoài nghi trong nhân dân cho rằng tham nhũng rất nhiều nhưng phát hiện, xử lý được rất ít, nhất là việc thu hồi tài sản tham nhũng. Hơn nữa, đa số các trường hợp phạm tội về an ninh quốc gia, ma túy, tham nhũng, khủng bố và rửa tiền đa phần là phạm tội có tổ chức. Người phạm tội liên kết với nhau lên kế hoạch cụ thể, có sự bàn bạc, thống nhất, phân công nhiệm vụ theo từng vị trí chức vụ mà người phạm tội đảm nhận. Việc phạm tội có sự chuẩn bị kỹ càng về phương thức, thủ đoạn phạm tội cũng như che dấu tội phạm tinh vi, xảo quyệt. Thông thường, đối với các tội phạm về tham nhũng thì người phạm tội thường là người giữ chức vụ, có trình độ chuyên môn, nhận thức sâu trong lĩnh vực, công việc mà mình đảm nhiệm, có điều kiện để phát sinh tham nhũng và có mối quan hệ xã hội, nghề nghiệp rộng rãi. Do đó, việc điều tra, thu thập chứng cứ nếu theo quy định hiện hành sẽ gặp rất nhiều khó khăn, người phạm tội sẽ có nhiều thời gian để tiêu hủy các chứng cứ quan trọng hoặc thông đồng với nhau để đối phó với cơ quan pháp luật. Để đấu tranh phòng, chống các tội phạm về tham nhũng, ma túy và các vụ án đặc biệt khác đạt được kết quả cao nhất, đòi hỏi phải có quy định để tạo điều kiện cho hoạt động điều tra sử dụng biện pháp đặc biệt được pháp luật thừa nhận, đồng thời cũng phù hợp với quy định của một số nước như Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc... Do vậy, Bộ luật TTHS năm 2015 dành 01 chương (chương XVI) với 08 điều, từ Điều 223 đến Điều 228 để quy định biện pháp này.

Thứ tư, Đáp ứng yêu cầu cải cách, xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đặt ra nhiệm vụ trọng tâm xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó có cải cách tư pháp. Để thực hiện thành công Nghị quyết của Đảng, đòi hỏi phải đẩy mạnh cải cách tư pháp, phát huy những thành quả đạt được, khắc phục những hạn chế, khó khăn, bất cập, xây dựng nền tư pháp nước nhà tương đồng với trình độ chung của thế giới. Đây là con đường tất yếu để đạt được các mục tiêu, yêu cầu của Đảng và

đáp ứng sự mong đợi của nhân dân, hướng tới xây dựng nền tư pháp ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, với định hướng cải cách tư pháp phải kế thừa truyền thống pháp lý dân tộc, những thành tựu đã đạt được của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế; đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong tương lai. Thực hiện chủ trương cải cách bộ máy nhà nước, các cơ quan tư pháp đã tham gia tích cực và chủ động vào việc soạn thảo văn bản pháp luật, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật. Công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng pháp luật được mở rộng. Hoàn thiện các quy định về các biện pháp tố tụng đặc biệt theo quy định của Bộ luật TTHS là phục cho quá trình cải cách tư pháp của nước ta hiện nay trong điều kiện toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đặt quyết tâm đẩy mạnh quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì yêu cầu đối với quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm là phải hết sức chú trọng đến mục tiêu đề cao công lý, không làm oan người vô tội, bảo vệ đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân, phải xem đây là yêu cầu tối quan trọng đối với quá trình giải quyết vụ án.

Vì vậy việc quy định và áp dụng các biện pháp tố tụng đặc biệt cũng là góp phần xây dựng và hoàn thiện thể chế, ghi nhận những nguyên tắc pháp lý tiên bộ và văn minh của các nước nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay, đáp ứng quy trình, thủ tục tố tụng thật sự khoa học, hợp lý để ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với các loại tội phạm.

b) Nguyên tắc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Đây là những biện pháp điều tra tố tụng lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật TTHS nên bước đầu triển khai thực hiện trong thực tiễn của các lực lượng Công an nhân dân đã nảy sinh lúng túng và những khó khăn, vướng mắc. Để kịp thời hướng dẫn các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015, ngày 06/02/2020, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 11/2020/TT-BCA quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Công an nhân dân. Thông tư số 11/2020/TT-BCA có quy định đầy đủ nguyên tắc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Nguyên tắc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là tổng thể tư tưởng, chi phối toàn bộ quá trình tổ chức và áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng

đặc biệt, cụ thể:

Thứ nhất, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ lợi ích của Nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 6 đã thể hiện sâu sắc quan điểm của Đảng ta về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bổ sung nhiều nguyên tắc tư pháp tiến bộ, bổ sung và làm rõ hơn nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân khi thực hiện chức năng Hiến định. Những sửa đổi, bổ sung này đòi hỏi phải được cụ thể hóa trong Bộ luật TTHS. Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”⁸. Theo đó, mọi biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong quá trình giải quyết vụ án hình sự phải được quy định trong Bộ luật TTHS, trong đó bao gồm cả các biện pháp điều tra đặc biệt. Như vậy, việc luật hóa các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Bộ luật TTHS năm 2015 chính là nhằm cụ thể hóa yêu cầu của Hiến pháp 2013 về đảm bảo quyền con người.

Cụ thể hóa yêu cầu của Hiến pháp năm 2013 được ghi nhận và quy định, bao gồm tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, đây là nguyên tắc có tính chất bao trùm, xuyên suốt trong giai đoạn điều tra cũng như trong hoạt động tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nhằm đảm bảo không một công dân nào bị xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp:

Bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật: Pháp luật TTHS tiến hành theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, nam nữ, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội. Bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lý theo pháp luật. Quyền này là tiền đề cho việc bảo đảm các quyền con người trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, nhưng đặc biệt có ý nghĩa rất lớn trong việc tôn trọng và bảo đảm các quyền con người trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử.

Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân: Là một quyền con người quan trọng được Bộ luật TTHS bảo vệ, quy định cụ thể việc không ai bị bắt hoặc bị giam giữ vô cớ, việc tước đi tự do của một người phải có lý do và theo đúng những thủ tục luật pháp, đồng thời nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình trong thực hiện nhiệm vụ.

Trong tố tụng hình sự thì quyền con người dễ bị xâm phạm nhất và hậu quả

⁸ Khoản 2, Điều 14, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

của sự xâm phạm đó thường là rất nghiêm trọng cả về vật chất, thể chất và tinh thần. Bảo đảm quyền con người được thực hiện trong pháp luật TTHS bằng các quy định đúng đắn, hợp lý, khả thi và đảm bảo thực hiện các quy định đó trên thực tế là quan trọng nhất. Quyền được bảo vệ đời tư trước hết được đề cập trong Điều 12 Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (UDHR) như sau: *“Không ai phải chịu sự can thiệp một cách tùy tiện vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nơi ở hoặc thư tín, cũng như bị xúc phạm danh dự hoặc uy tín cá nhân. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp và xâm phạm như vậy”*. Quyền được bảo vệ đời tư được tái khẳng định trong Điều 17, Phần III Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) năm 1966: *“Không ai bị can thiệp một cách độc đoán hoặc bất hợp pháp đến đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xúc phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo hộ chống lại những can thiệp hoặc xúc phạm như vậy. Quy định này làm phát sinh nghĩa vụ của quốc gia trong việc quy định các biện pháp bảo hộ quyền riêng tư của các cá nhân trong hệ thống pháp luật của mình”*.

Để bảo vệ lợi ích của Nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, nhiều quốc gia có nền tư pháp hình sự tiên bộ trên thế giới đều ghi nhận biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Bộ luật TTHS của mình và quy định rất chặt chẽ về các biện pháp cụ thể, căn cứ áp dụng, thẩm quyền quyết định, thủ tục và thời hạn tiến hành, đặc biệt đều cho phép sử dụng các kết quả thu được từ hoạt động này làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án.

Thứ hai, chỉ được áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt vào mục đích khởi tố, điều tra, xử lý vụ án hình sự

Khoản 1, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như sau:

“1. Thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự; thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời. Nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác.

2. Thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể dùng làm chứng cứ để giải quyết vụ án”.

Khi áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, dựa vào các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, các loại thông tin, tài liệu có thể thu thập được bao gồm tệp tin hình ảnh, âm thanh và các dữ liệu điện tử khác. Theo quy định, các tài liệu, thông tin được thu thập từ các biện pháp này sẽ được xử lý theo hai hướng:

Hướng thứ nhất, các tài liệu, thông tin có liên quan đến vụ án có thể được sử dụng làm chứng cứ trong khởi tố, điều tra, truy tố, và xét xử vụ án hình sự.

Hướng thứ hai, các tài liệu, thông tin không liên quan đến vụ án phải được tiêu hủy kịp thời. Có thể thấy rằng, thông tin, tài liệu thu thập được từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được quản lý rất chặt chẽ vì nó liên quan tới bí mật đời tư của cá nhân. Những chứng cứ nếu có liên quan đến vụ án thì chỉ được sử dụng trong quá trình tố tụng, những chứng cứ không liên quan thì sẽ buộc phải tiêu hủy để tránh việc thông tin bị phát tán, rò rỉ ra bên ngoài. Nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác hoặc các hành vi bị nghiêm cấm như: Tự ý chỉnh sửa, cắt, ghép, giả mạo, hủy trái phép, làm sai lệch, làm hư hỏng, làm thất lạc dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sao chép, phát tán, khai thác, sử dụng kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh làm lộ, lọt thông tin vụ án hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp, uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể dùng làm chứng cứ bởi vì chứng cứ là yếu tố quan trọng, giữ vai trò mấu chốt trong quá trình giải quyết một vụ án hình sự. Việc quy định về chứng cứ không chỉ có ý nghĩa pháp lý mà còn góp phần quan trọng vào thực tiễn đấu tranh tội phạm. Hơn nữa, đây được coi là một trong những nguồn chứng cứ mới hết sức quan trọng có giá trị trực tiếp chứng minh tội phạm. Cơ quan tiến hành tố tụng và Cơ quan thi hành quyết định phải phân tích, đánh giá, chọn lọc những thông tin, tài liệu có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội, ngăn chặn người phạm tội bỏ trốn, truy tìm tài sản bị tội phạm chiếm đoạt... và sử dụng làm chứng cứ phục vụ việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Thứ ba, Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật và quy định của ngành Công an

Cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt ở Bộ Công an gồm: Cục Kỹ thuật nghiệp vụ, Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục Ngoại tuyến.

Cơ quan chuyên trách ở Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm: Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ; Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Phòng Ngoại tuyến (hoặc Phòng nghiệp vụ thực hiện công tác ngoại tuyến).

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật và quy định của ngành Công an theo quy định tại Điều 225 Bộ

luật TTHS năm 2015 quy định thẩm quyền, trách nhiệm quyết định và thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong đó quy định về trách nhiệm của Cơ quan điều tra cấp tỉnh trở lên, Cơ quan điều tra cấp huyện, Cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Thứ tư, Công tác phối hợp đảm bảo đúng nội dung và thời gian yêu cầu

Đảm bảo thực hiện mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát - Cơ quan điều tra theo quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của liên ngành Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật TTHS năm 2015. Ngoài ra, đảm bảo quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra - Cơ quan chuyên trách theo quy định tại Khoản 3 Điều 225 Bộ luật TTHS năm 2015: “*Cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*”.

Cơ chế kiểm soát và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan phải được xây dựng trên nền tảng các văn bản pháp luật và các quy chế phối hợp cụ thể. Các cơ quan đều thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình trên cơ sở các quy định chung tại Hiến pháp, Bộ luật Tố tụng hình sự.... Bên cạnh hệ thống các văn bản pháp luật quy định chung thì mỗi cơ quan còn phải tuân thủ các quy định riêng về cơ cấu, tổ chức như Luật Công an nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân... Trên cơ sở luật tổ chức của từng ngành sẽ quy định cụ thể các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và thời gian yêu cầu trong phối hợp thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, đòi hỏi phải xây dựng cơ chế phối hợp, kết hợp với nhau để đảm bảo tiến độ giải quyết vụ án và đường lối xử lý đúng quy định pháp luật. Đồng thời để tránh sai sót, vi phạm pháp luật của các cơ quan tố tụng và các cơ quan khác liên quan cũng xây dựng cơ chế kiểm soát lẫn nhau trong khi thực hiện nhiệm vụ để cùng thực hiện mục tiêu giải quyết các vụ án khẩn trương, nhanh, gọn, chính xác, đúng quy định pháp luật, có tình có lý, góp phần đảm bảo quyền con người.

Thứ năm, Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Điều 2 Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước năm 2018 có quy định: *Bí mật nhà nước là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm*

quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật này, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Lộ bí mật nhà nước là trường hợp người không có trách nhiệm biết được bí mật nhà nước.

Trong thực tiễn, khi áp dụng quy định tại Điều 177 Bộ luật TTHS năm 2015, các cơ quan tiến hành tố tụng phải căn cứ vào danh mục bí mật Nhà nước của các bộ, ngành và các địa phương để xác định cụ thể những thông tin, tài liệu nào thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì bí mật Nhà nước trong lĩnh vực điều tra của Bộ Công an gồm những thông tin về điều tra vụ án hình sự, từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự đến khi có kết luận điều tra của Cơ quan điều tra thuộc Công an nhân dân. Bí mật Nhà nước trong lĩnh vực điều tra của ngành Kiểm sát gồm những thông tin về tình hình và kết quả kiểm sát điều tra; hồ sơ, tài liệu các vụ án do ngành kiểm sát xác lập đang trong quá trình kiểm sát điều tra; lệnh bắt giữ, khám xét, quyết định trả tự do, trả vật chứng tạm giữ khi chưa thi hành... Bí mật Nhà nước trong lĩnh vực điều tra của Bộ Quốc phòng gồm thông tin về những hồ sơ vụ án hình sự, xác minh vụ việc trong Quân đội có nội dung liên quan đến bí mật Nhà nước. Ngoài ra, còn những thông tin, tài liệu khác về hoạt động điều tra, những thông tin khác về bí mật công tác và bí mật công tác quân sự, nếu tiết lộ sẽ gây khó khăn cho việc điều tra vụ án, tạo điều kiện cho kẻ phạm tội lẩn trốn, đối phó lại công tác điều tra hoặc sẽ gây thiệt hại cho Nhà nước... cũng cần giữ bí mật.

Cần đảm bảo hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt được tiến hành đúng trình tự, thủ tục, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 và Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước năm 2018. Mọi trình tự, thủ tục khi áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đã được quy định cụ thể tại các Điều 224, 225, 226, 227, 228 Bộ luật TTHS năm 2015. Trước hết, chỉ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các loại tội phạm quy định tại Điều 224 Bộ luật TTHS năm 2015. Đồng thời, quá trình tiến hành cần đảm bảo đúng thẩm quyền, trách nhiệm quyết định và thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của các cơ quan và người tiến hành tố tụng có liên quan. Bên cạnh đó, cần chú ý mối quan hệ phối hợp trong việc phê chuẩn quyết định và thực hiện quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát; mối quan hệ phối hợp trong việc tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt giữa Cơ quan điều tra và cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân. Trong quá trình tiến hành hoạt động

điều tra tố tụng đặc biệt cũng cần tuân thủ quy định về thời hạn áp dụng, thời gian gia hạn; các trường hợp và thủ tục hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và việc sử dụng thông tin, tài liệu thu thập bằng biện pháp này được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2015

II. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỐ TỤNG ĐẶC BIỆT

1. Quy định chung về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Điều 223 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về “Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt” có quy định như sau:

“Sau khi khởi tố vụ án, trong quá trình điều tra, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.:

- 1. Ghi âm, ghi hình bí mật;*
- 2. Nghe điện thoại bí mật;*
- 3. Thu thập bí mật dữ liệu điện tử”*

Như vậy, có ba biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; Nghe điện thoại bí mật; Thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Điểm chung nhất của 03 biện pháp này là được tiến hành “bí mật”.

Trong Từ điển Tiếng Việt của tác giả Bùi Đức Thịnh tại trang 49 có giải thích bí mật là *giữ kín, không lộ ra ngoài*. Tại Điều 2 Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước năm 2018 có giải thích:

Bí mật nhà nước là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật này, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Lộ bí mật nhà nước là trường hợp người không có trách nhiệm biết được bí mật nhà nước.

Bí mật được hiểu là việc làm nào đó được giữ kín, không lộ ra ngoài cho bất kỳ người không có trách nhiệm biết được.

Biện pháp điều tra đặc biệt đầu tiên là ghi âm, ghi hình bí mật. Trong Bộ luật TTHS không có giải thích thế nào là ghi âm, ghi hình bí mật, nhưng theo Điều 2 Thông tư số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 1/2/2018 của Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thì:

“Ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh là việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật để ghi lại âm thanh hoặc hình ảnh có âm thanh trong quá trình hỏi cung bị can; lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội; lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, đương sự; đối chất; tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Phương tiện, thiết bị kỹ thuật sử dụng để ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh là phương tiện, thiết bị ghi âm thanh hoặc ghi hình có âm thanh gồm: Thiết bị thu hình ảnh, âm thanh, đầu ghi hình, máy chủ, các phương tiện thiết bị kỹ thuật khác sử dụng để ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

Phòng ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh tại cơ sở giam giữ, trụ sở Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là phòng chuyên dụng bảo đảm đủ điều kiện về diện tích, ánh sáng, an toàn và được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật sử dụng để ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh đạt chất lượng về âm thanh và hình ảnh.

Cán bộ chuyên môn là cán bộ thuộc biên chế của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, có trình độ chuyên môn kỹ thuật và sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, có trách nhiệm quản lý hệ thống phương tiện, thiết bị kỹ thuật sử dụng để ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh và bảo quản, lưu trữ kết quả dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh”.

Như vậy, ghi âm, ghi hình có âm thanh công khai (không bí mật) trong hoạt động TTHS là việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật để ghi lại âm thanh hoặc hình ảnh có âm thanh đối với những đối tượng nhất định bằng những thiết bị thu hình ảnh, âm thanh, đầu ghi hình, máy chủ, các phương tiện thiết bị kỹ thuật khác sử dụng để ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh tại các cơ sở giam giữ, trụ sở Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra do người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện.

Căn cứ vào quy định này, biện pháp ghi âm, ghi hình bí mật chỉ được sử dụng trong giai đoạn điều tra là việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật để ghi lại âm thanh hoặc hình ảnh đối với những đối tượng bị điều tra được tiến hành tại bất kỳ nơi nào (không nhất thiết phải ở các cơ sở giam giữ, trụ sở Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra) để nắm được các hoạt động tội phạm của người phạm tội, cũng như sự đi lại, quan hệ, diễn biến, thái độ không bình thường, những biểu hiện hoạt động như tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, che dấu hoặc xóa dấu vết tội phạm hoặc có dấu hiệu bỏ trốn... nhằm thu thập chứng cứ phục vụ cho

hoạt động chứng minh tội phạm. Các hoạt động ghi âm, ghi hình này được tiến hành bí mật mà các đối tượng bị ghi âm, bị ghi hình và những người khác không có trách nhiệm thì không thể biết được hoạt động này của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Trong công tác phòng, chống tội phạm máy ghi âm của lực lượng CSND được trang bị gồm 2 loại chính, gồm loại máy ghi âm thông thường - loại máy ghi trực tiếp lên thẻ nhớ, băng từ lắp sẵn trong máy và loại máy ghi âm thu - phát không dây. Tùy theo nhu cầu nhiệm vụ của hoạt động phát hiện, điều tra, tính năng, tác dụng, kiểu dáng của máy ghi âm và tình huống cụ thể mà sử dụng hình thức ghi âm phù hợp. Trinh sát viên, điều tra viên, cán bộ điều tra có thể sử dụng các hình thức như: mang máy theo trong người khi tiếp xúc đối tượng; bí mật lắp đặt máy vào nơi ở, nơi làm việc, phương tiện giao thông, đồ dùng cá nhân hay khu vực hoạt động của đối tượng để thu thập thông tin tài liệu. Ngoài ra có một loại máy được lực lượng trinh sát sử dụng trong trường hợp cần ghi âm đối tượng đang ở trong phòng kín, có tường bao bọc, khả năng để đặt máy ghi âm là rất khó khăn, đó là máy xung động tần số âm thanh (hay còn gọi là máy nghe xuyên tường). Loại máy này có cấu tạo đặc thù hơn, gồm bộ phận thu xung động âm thanh và bộ phận phát âm thanh bằng sóng vô tuyến. Khoảng cách giữa đầu thu và nghe đảm bảo chất lượng âm thanh tốt nhất là vòng bán kính khoảng từ 100 mét đến 150 mét. Khi áp dụng loại máy này, Trinh sát viên, Điều tra viên, cán bộ điều tra gắn đầu thu máy nghe vào tường ngoài của căn phòng các đối tượng đang trao đổi, thỏa thuận hay bàn bạc phương án, kế hoạch phạm tội. Còn ngòi để ghi âm thì ở nơi khác thuận lợi và bảo đảm bí mật tốt nhất.

Công cụ để ghi hình bí mật có thể là máy ảnh, máy quay camera. Máy ảnh của lực lượng CSND sử dụng gồm có 2 loại: máy ảnh kỹ thuật số và máy ảnh bán tự động. Tùy theo tình hình cụ thể và yêu cầu hóa trang mà lực lượng trinh sát, điều tra có thể lựa chọn loại máy phù hợp. Đối với máy kỹ thuật số, do có trọng lượng và kích cỡ nhỏ nên thuận lợi cho việc ghi hình đối tượng, địa điểm cần theo dõi, giám sát. Đối với loại máy ảnh bán tự động, thông thường có kích thước và trọng lượng lớn hơn, khi sử dụng có thể gắn các bộ phận phụ kiện như ống tê-lê, ống ngắm hồng ngoại... nên thường dùng để quan sát theo dõi hoạt động của đối tượng ở cự ly xa, hay diễn biến vụ việc ở trên địa điểm có cự ly xa, trong điều kiện thời tiết, ánh sáng không thuận lợi. Máy quay camera là một loại phương tiện được sử dụng phổ biến trong giai đoạn hiện nay. Camera thường được sử dụng để giám sát một tụ điểm phức tạp về ma túy; một địa điểm mà đối tượng phạm tội thường ra vào, lui tới hoặc ghi hình, giám sát sự di chuyển của đối tượng ngoại tuyến. Trong các vụ án, chuyên án về tham nhũng có thể sử dụng máy V - camera,

vì loại máy này có thể vừa ghi âm, vừa ghi hình tự động, bộ phận ghi hình, ghi âm trong một hệ thống, phía dưới có gắn USB nhỏ với dung lượng lớn, thời gian ghi âm, ghi hình kéo dài đến 120 phút; hơn nữa loại máy này nhỏ gọn, có thể giống như chiếc bút bi, bút mực thông thường; cũng có loại đầu camera giống như nút áo được đính vào vị trí của nút áo mà Trinh sát viên mặc, còn trong túi quần hay vị trí bí mật trong áo, quần là gắn ghi âm. Hiện nay, có loại máy đặc biệt hơn - đó là loại máy ghi âm và ghi hình có chế độ chờ (chế độ ngủ). Cấu trúc của nó gồm camera và thẻ sim - card điện thoại di động. Camera và thẻ sim - card được giấu trong một mẫu vật nhỏ có hình dáng như một vật dụng thường ngày, màu sắc đẹp; tùy theo nơi gắn camera mà lựa chọn đầu camera về màu sắc, kiểu dáng nhằm tránh phát hiện. Còn đầu ghi hình, ghi âm có thể cách xa vài chục, vài trăm km. Khi cần ghi âm, ghi hình thì khởi động (thức dậy) tại nơi đặt bộ phận ghi, bằng cách bấm số sim - card. Thông qua sử dụng camera, lực lượng trinh sát thu được các thông tin, tài liệu có giá trị phục vụ cho việc dựng lên một đường dây, ổ, nhóm tội phạm, xác định vai trò của từng đối tượng; tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của băng, nhóm, của từng đối tượng, từ đó có điều kiện xây dựng kế hoạch đấu tranh có hiệu quả.

Tóm lại, máy camera có nhiều chủng loại, kiểu dáng, kích cỡ song nhìn chung chia làm 2 loại chính: Máy quay camera thông thường bằng kỹ thuật số và loại camera kích cỡ nhỏ vừa ghi âm vừa ghi hình dạng không dây. Tùy thuộc vào yêu cầu của nhiệm vụ trinh sát, điều tra và thực tế về không gian, thời gian, thời tiết mà cán bộ trinh sát sử dụng cho hợp lý và mang lại hiệu quả cao.

Thứ hai, biện pháp điều tra đặc biệt tiếp theo là nghe điện thoại bí mật. Trong thời đại hiện nay, điện thoại được sử dụng như một phương tiện phục vụ cho việc giao tiếp, truyền đạt thông tin giữa mọi người một cách nhanh chóng và thuận lợi. Những đối tượng phạm tội thường sử dụng điện thoại để thông tin cho nhau những việc có liên quan đến việc thực hiện tội phạm. Do vậy, việc nghe được những thông tin này là rất quan trọng để các cơ quan điều tra có phản ứng kịp thời, không chỉ ngăn chặn tội phạm mà còn giúp cho việc điều tra, thu thập chứng cứ được nhanh chóng trong giải quyết vụ án.

Cũng như là ghi âm, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật được hiểu là sử dụng các thiết bị nghe được các cuộc gọi điện thoại của các đối tượng nói chuyện với nhau mà chúng không thể biết được. Việc nghe điện thoại bí mật có thể sử dụng qua nhiều phương pháp như mã hóa thiết bị nghe điện thoại, phối hợp với tổng đài mạng hoặc gắn thiết bị nghe bí mật tại nơi đối tượng thường cư trú. Phần mềm nghe lén điện thoại là một ứng dụng điện thoại cho phép bạn nghe lén điện

thoại, theo dõi các cuộc gọi đến, gọi đi, nghe lén ghi âm các cuộc gọi trên điện thoại của đối tượng và được coi như một phần mềm gián điệp.

Để phục vụ công tác điều tra, phòng chống tội phạm, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông. Nội dung, khối lượng, phạm vi thông tin yêu cầu cung cấp phải phù hợp với quy định, khả năng lưu trữ, và phải đảm bảo an toàn (không gây sự cố) cho mạng viễn thông đang vận hành. Thông thường, nghe điện thoại bí mật được ghi âm bí mật để các cơ quan có thẩm quyền sử dụng không phải một lần để phục vụ công tác điều tra, truy bắt, truy tìm dấu vết tội phạm. Hiện nay, có rất nhiều cách để nghe điện thoại bí mật. Loại được mã hóa chi tiết thiết bị nghe trộm ngay ở trong máy điện thoại di động; hoặc loại gắn thiết bị đầu thu ở phòng làm việc, phòng ở, phòng ngủ hay trên phương tiện của đối tượng nghi vấn. Đặc biệt loại phương tiện sử dụng vừa quay camera, ghi âm và định vị - X9, phiên bản X009DZ - FLASH128 32 - LBS - 01020111116. Việc lắp đặt thiết bị đầu thu để nghe điện thoại bí mật đòi hỏi ở trình sát viên, công tác viên thực sự là người có kinh nghiệm và tài năng trong thủ thuật. Tùy thuộc vào bàn làm việc, phòng nghỉ, loại xe, nội thất trong xe, thời gian hoạt động của đối tượng nghi vấn mà bố trí gắn đầu thu hợp lý

Thứ ba, biện pháp điều tra đặc biệt được sử dụng trong giai đoạn điều tra là thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Theo quy định của Điều 99 Bộ luật TTHS năm 2015:

“1. Dữ liệu điện tử là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện điện tử.

2. Dữ liệu điện tử được thu thập từ phương tiện điện tử, mạng máy tính, mạng viễn thông, trên đường truyền và các nguồn điện tử khác.

3. Giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử được xác định căn cứ vào cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác”.

Mặc dù dữ liệu điện tử được lưu giữ trên các phương tiện điện tử, mạng máy tính, mạng viễn thông, trên đường truyền và các nguồn điện tử khác, nhưng để trở thành chứng cứ vụ án cần tuân thủ quy trình thu thập chứng cứ trong TTHS, có nghĩa khi thu thập chứng cứ được chứa đựng trong dữ liệu điện tử cần phải lập biên bản theo đúng quy định, nêu rõ nguồn điện tử được thu thập; nội dung dữ liệu điện tử; hình thức của dữ liệu điện tử là những tài liệu phải đọc được, nghe

được, nhìn được và thể hiện ở những bản cứng kèm theo bản mềm và được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu nghe được, nhìn được được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản xác nhận xuất xứ của tài liệu đó. Do vậy, về bản chất, dữ liệu điện tử được lưu và truyền đi bởi thiết bị có bộ nhớ kỹ thuật số, có thể phục hồi, phân tích, tìm được dữ liệu, kể cả đã bị xóa, bị ghi đè, dưới dạng ẩn, đã mã hóa, có thể đọc được, nhìn thấy được, ghi lại, sử dụng làm chứng cứ. Có thể phân chia dữ liệu điện tử thành 02 loại:

- Một là: Dữ liệu điện tử do máy tính tự động tạo ra như: “cookies”, “URL”, E-mail logs, webserver logs, firewallserver logs, IP, thông tin truy cập, website, mã độc... chứng minh về nguồn gốc truy cập, tấn công vào website, cơ sở dữ liệu, thư điện tử, tài khoản, dấu vết hoạt động của thủ phạm (cài trojan, keylogger, sniffer nghe lén, lấy cắp dữ liệu...);

- Hai là: Dữ liệu điện tử do người sử dụng tạo ra như văn bản, bảng biểu, hình ảnh, thông tin... Trong file dữ liệu còn có thể tìm được siêu dữ liệu (thông tin về cá nhân, tổ chức liên quan đến dữ liệu metadata), có giá trị chứng minh về người và máy tính đã tạo ra dữ liệu, nguồn gốc dữ liệu.

Dữ liệu điện tử được lưu trữ trên các phương tiện điện tử (như máy tính, điện thoại di động, các thiết bị ghi âm, ghi hình, các thiết bị lưu trữ: thẻ nhớ, USB, ổ cứng, ổ đĩa quang...) hoặc được lưu trên mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc đường truyền internet (như trong hộp thư điện tử, phần mềm liên lạc viễn thông Facebook, Zalo, Skyper, Messenger, Viber... hay nick chat của tội phạm).

Cho nên, thu thập bí mật dữ liệu điện tử là việc ghi nhận hình ảnh với độ phân giải tốt, âm thanh chất lượng và những thông tin, tài liệu khác, đồng thời đảm bảo yếu tố bí mật với đối tượng bị áp dụng và những người không liên quan không thể biết được.

So với các biện pháp điều tra bí mật mà pháp luật quốc tế khuyến nghị sử dụng, nhà làm luật Việt Nam mới chỉ bước đầu thừa nhận những biện pháp cơ bản, thiết yếu. Ngoài ra, còn có các biện pháp phổ biến chưa được ghi nhận vào trong Bộ luật tố tụng hình sự là: khám xét bí mật, nhận dạng bí mật; xem xét bí mật các dấu vết tội phạm trên thân thể... cũng như việc đưa người thâm nhập tổ chức và tiếp cận cá nhân phạm tội để thu thập chứng cứ.

Thời điểm để áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là sau khi khởi tố vụ án hình sự, nếu cơ quan chuyên trách của lực lượng Công an nhân dân áp dụng những biện pháp tương tự trước khi khởi tố thì phải xác định đó là các biện pháp nghiệp vụ trinh sát bí mật và kết quả đó để sử dụng làm chứng cứ cần phải có sự chuyển hóa.

2. Các trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Điều 224 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định có thể áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các trường hợp:

- Tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- Tội phạm về ma túy;
- Tội phạm về tham nhũng;
- Tội khủng bố;
- Tội rửa tiền;
- Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Theo nội dung của điều luật này, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể được áp dụng đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội phạm về ma túy; tội phạm về tham nhũng; tội khủng bố; tội rửa tiền; hoặc các tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền, đây các loại tội phạm được quy định tại chương 13 (các tội xâm phạm an ninh quốc gia từ điều 108 đến điều 121), chương 20 (các tội về ma túy, từ điều 247 đến điều 259), mục 1 chương 23 (các tội về tham nhũng từ điều 353 đến 359), điều 299 và điều 324 của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là những tội thuộc loại đặc biệt nguy hiểm và những tội phạm này thường hoạt động bí mật rất khó bị phát hiện nên cần phải áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt bằng sự bí mật.

Thứ hai, tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tội phạm khác có tổ chức được hiểu là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Đồng thời loại tội phạm có tổ chức này phải là loại tội đặc biệt nghiêm trọng tức là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật hình sự quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Điều 224 Bộ luật TTHS năm 2015 cho thấy đối tượng áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể là con người như cá nhân, đối tượng nghi thực hiện tội phạm hoặc ở nhóm tội phạm, hoặc cũng có thể là địa điểm nơi có thể xảy ra tội phạm, tồn tại những tin tức, tài liệu, dấu vết cần theo dõi, tìm kiếm thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc quy định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các tội phạm: Tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Đây là những loại tội phạm có tổ chức chặt chẽ, phương thức, thủ đoạn phạm tội và che dấu tội phạm hết sức tinh vi, xảo quyệt, đối tượng phạm tội thường ngoan cố, chống đối đến cùng, thiếu hợp tác với Cơ quan tố tụng dẫn tới các biện pháp điều tra tố tụng thông thường không mang lại hiệu quả hay hiệu quả thấp.

Đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, không gian mạng và một số loại hình dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin đang bị các thế lực thù địch, phản động sử dụng để thực hiện các âm mưu xóa bỏ chế độ chính trị. Tình trạng thông tin sai sự thật, làm nhục, vu khống tổ chức, cá nhân bị đăng tải tràn lan. Khủng bố mạng nổi lên như một thách thức đe dọa nghiêm trọng tới an ninh quốc gia. Các đối tượng đã lập và sử dụng hàng ngàn website, blog, mạng xã hội, diễn đàn trực tuyến để tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước theo một số phương thức chủ yếu như: Tuyên truyền phá hoại tư tưởng, tấn công chia rẽ nội bộ, xuyên tạc, bịa đặt, bôi nhọ, hạ uy tín lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang; kêu gọi tập hợp lực lượng, hình thành và công khai hóa tổ chức chính trị đối lập trá hình trên không gian mạng; sử dụng Internet để công khai bày tỏ quan điểm đối lập, đòi đa nguyên, đa đảng. Từ đó lôi kéo, phát triển lực lượng và hoạt động chống phá; lợi dụng các vấn đề nhạy cảm chính trị xã hội, các vụ việc phức tạp để kích động biểu tình, gây bất ổn về an ninh chính trị. Cá biệt nhiều tờ báo phản động hải ngoại và báo chí nước ngoài đã thi nhau tung hứng, suy diễn hoạt động các trang mạng này và lôi kéo, hướng lái dư luận ngả theo quan điểm sai trái, thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và tạo sự hoài nghi, mất lòng tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng.

Đối với tội phạm mua bán, vận chuyển ma túy hoạt động rất tinh vi với nhiều phương thức khác nhau, tính chất cực kỳ nguy hiểm, hoạt động mạnh động, ngày càng mang tính quốc tế cao, được hình thành bởi các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia và vì thế có mối quan hệ chặt chẽ với nhiều loại tội phạm có tổ chức khác như: Tham nhũng, khủng bố, rửa tiền, mua bán trái phép vũ khí, gian lận tài chính, buôn lậu cổ vật, động vật hoang dã, mua bán người... Chúng giấu ma túy trong các bình gas, ép vào ván gỗ, giấu vào hàng hóa, các vùng kín trong cơ thể nhằm trốn tránh sự kiểm soát của các lực lượng chức năng để đưa vào Việt Nam tiêu thụ.

Đối với tội phạm tham nhũng xảy ra trên nhiều lĩnh vực như lĩnh vực quản lý tài sản công và hoạt động trong doanh nghiệp Nhà nước; Lĩnh vực quản lý đất đai và xây dựng cơ bản và đặc biệt trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng. Các đối tượng làm giả hợp đồng để tham ô, rút ruột tiền dự án nhằm chiếm đoạt tài sản nhà nước hay lợi dụng hoạt động nghiệp vụ tài chính, ngân hàng, thông đồng với đối tác nước ngoài chiếm đoạt tài sản Nhà nước.

Đối với tội phạm rửa tiền phương thức rửa tiền phổ biến nhất là thông qua các hoạt động đầu tư vào doanh nghiệp, đầu tư bất động sản, kinh doanh chứng khoán và giao dịch các dịch vụ ngân hàng. Các tổ chức tham gia rửa tiền chủ yếu là các doanh nghiệp được hình thành một cách hợp pháp hoặc một số hình thức rửa tiền như chúng thường lợi dụng thói quen giao dịch bằng tiền mặt của người dân để mua tài sản có giá trị cao như bất động sản, ô tô, vàng bạc... sau đó nhờ người khác đứng tên, cất giấu nhằm hợp pháp hóa nguồn tiền thu được từ các hoạt động tội phạm.

Đối với nhóm tội phạm có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Các băng tội phạm có tổ chức đã phát triển ở mức cao hơn so với loại tội phạm đơn giản mang tính truyền thống nặng về sử dụng bạo lực. Chúng tạo vỏ bọc hợp pháp, gây án một cách kín đáo với nhiều hình thức che đậy rất khôn khéo. Hầu hết các băng nhóm tội phạm có tổ chức cao và số lượng trên dưới 20 tên đều núp dưới danh nghĩa các tổ chức doanh nghiệp, đội bốc xếp, kinh doanh khách sạn, nhà hàng... để hoạt động phạm tội. Ở nước ta hiện nay hình thành 2 loại cơ bản.

- Tội phạm có tổ chức có cơ cấu tổ chức đơn giản (tội phạm có tổ chức đơn giản). Đây là những nhóm quan hệ với nhau nhất thời, tổ chức thiếu chặt chẽ với số lượng thành viên không nhiều. Lúc đầu, chúng hoạt động đơn lẻ hoặc chỉ 2-3 tên, phạm tội có tính bột phát ít gây hậu quả nghiêm trọng. Sau đó chúng móc nối với nhau cấu kết thành nhóm với sự cầm đầu của một tên có tai tiếng trong giới giang hồ. Tuy vậy, tội phạm có tổ chức đơn giản không có sự phân chia thứ bậc một cách rõ ràng. Chủ yếu chúng sử dụng bạo lực để ra tay mạnh động, nhanh chóng, rồi giải tán ngay khi giải quyết xong một “phi vụ”. Nhóm này gây ra các loại án như giết người, cướp của, trộm cắp, lừa đảo... Tội phạm có tổ chức đơn giản không có tài chính riêng, không có “điều lệ” hoạt động một cách chính thức mà chủ yếu quan hệ với nhau theo quy ước đơn giản. Mục đích chính của chúng là chiếm đoạt tài sản và khi chiếm đoạt được tài sản chúng thường chia nhau ngay theo công lao của mỗi thành viên hoặc sử dụng ngay cho những việc nhất thời: ăn chơi, cờ bạc, chích hút ma túy, chơi số đề, cá cược... Loại tội phạm này hoạt động

trắng trợn, lỏng lẻo, nhất thời, nên dễ bị tan rã khi một tên trong nhóm bị bắt hoặc bị truy đuổi. Những tên trốn thoát thường chuyển sang địa bàn khác lần trốn để rồi nếu có cơ hội và điều kiện có thể tiếp tục nhen nhóm thành nhóm tội phạm khác. Thành phần phạm tội thường là những tên có nhiều tiền án tiền sự, tính tình thô bạo, tàn ác, côn đồ, trình độ văn hóa thấp, không có công ăn việc làm, hoặc làm lao động đơn giản, mức thu nhập thấp. Thành phần xuất thân thường là trong gia đình (cha, mẹ, anh, chị em) là những người đã có tiền án, tiền sự. Một số khác do điều kiện hoàn cảnh khó khăn vì miếng cơm manh áo phải làm thuê rồi bị khống chế, ép buộc từng lao vào con đường phạm tội. Tuy có cơ cấu tổ chức đơn giản nhưng chúng lại thường gây ra các vụ án cực kỳ nghiêm trọng.

- Tội phạm có tổ chức ở mức cao hoạt động theo kiểu “xã hội đen” (gọi tắt là tội phạm có tổ chức cao). Loại này đã tồn tại ở nước ta ở một số tỉnh phía Nam từ những năm trước giải phóng. Tội phạm có tổ chức cao bắt đầu được xuất hiện trở lại ở nước ta cách đây 5-7 năm. Chúng thường hiện diện ở các thành phố và các tỉnh lớn có nền công nghiệp, dịch vụ và du lịch phát triển, những địa bàn có khai thác khoáng sản quý (vàng, đá quý) mà những người lao động tự do ở khắp nơi kéo đến đông để khai thác hoặc làm thuê. Đây là những tổ chức tội phạm bí mật, khép kín với cơ cấu tổ chức rõ ràng, bền vững có mục tiêu hoạt động lâu dài, có cơ cấu tổ chức rõ ràng, chặt chẽ, bền vững với hai hoặc ba cấp. Cấp cầm đầu (thủ lĩnh) có thể là 1 hoặc 2, 3 tên, nhưng thường có một tên đứng đầu chúng gọi là boss, thủ lĩnh, đại ca, băng trưởng. Được chọn làm “thủ lĩnh” của tổ chức tội phạm ở mức cao, thường là những tên có đầu óc tổ chức, có hiểu biết khá rộng (về luật pháp, về xã hội...) và mối quan hệ rộng rãi trong xã hội, có quá khứ “oanh liệt” trong giới giang hồ hoặc các “thế giới ngầm”. Cấp cầm đầu quyết định mọi hoạt động của tổ chức tội phạm này. Những tên này thường ít trực tiếp tham gia vào việc gây án, mà điều hành qua số chỉ huy. Sự “chỉ đạo” gián tiếp này ngày càng làm cho tên cầm đầu ít có nguy cơ bị sa lưới pháp luật. Ở cấp chỉ huy, mỗi tổ chức tội phạm cao có nhiều nhóm. Mỗi nhóm lại có 1 hoặc 2 tên chỉ huy do thủ lĩnh trực tiếp chỉ định. Những tên này điều hành các hoạt động cụ thể của các tổ, nhóm theo lệnh của “thủ lĩnh” và có trách nhiệm báo cáo cho thủ lĩnh về mọi hoạt động của thành viên trong nhóm, thu tiền kiếm được nộp cho chỉ huy. Trong các tổ chức tội phạm số tiền thu nhập (chúng gọi là trả lương) của cấp chỉ huy rất cao so với cấp tay chân. Các thành viên của các băng, nhóm tội phạm là những tên trực tiếp thực hiện các hành vi phạm tội, cũng như mọi nhiệm vụ do nhóm trưởng, tổ trưởng giao.

Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cho phép Cơ quan điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ trực tiếp chứng minh tội phạm, xác định nhanh chóng, chính xác,

toàn diện vụ án, chứng minh tội phạm và người phạm tội, truy nguyên tài sản bị tội phạm chiếm đoạt, tránh tình trạng đóng băng tài sản gây lãng phí và nhiều hệ lụy khác.

Tuy nhiên, cần chú ý trong quy định tại Điều 224 Bộ luật TTHS năm 2015 chỉ đề cập đến quy định là “*có thể áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*”. Điều này có nghĩa các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là các biện pháp được áp dụng có tính lựa chọn, nghĩa là trong quá trình giải quyết vụ án hình sự thuộc các trường hợp trên, Cơ quan điều tra sẽ đánh giá tính cần thiết phải áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt hay không. Tính cần thiết này được xác định dựa trên các tiêu chí:

+ Một là, sự thật khách quan của vụ án hình sự có được chứng minh toàn diện hay không nếu không áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Để xác định vấn đề này cần dựa vào yêu cầu của quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, nếu có căn cứ đánh giá hiệu quả các biện pháp điều tra tố tụng công khai sẽ không thể thu thập được tài liệu chứng cứ thì phải tính đến phương án áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

+ Hai là, hiệu quả của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có mang lại kết quả, thu được tài liệu chứng cứ cho hoạt động điều tra hay không. Vì biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có ảnh hưởng đến quyền con người, quyền công dân được ghi nhận trong Hiến pháp, khi áp dụng phải đánh giá đến tính hiệu quả của nó, nếu không sẽ lãng phí nguồn lực, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người dân.

+ Ba là, điều kiện để tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như thế nào, phải đánh giá được tổ chức lực lượng, trang thiết bị phương tiện, mối quan hệ giữa các chủ thể trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Tóm lại việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải chú ý đến quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 về điều kiện áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là chỉ áp dụng với 06 nhóm tội tại Điều 224 Bộ luật TTHS và cần đánh giá tính cần thiết và hiệu quả khi áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

3. Thẩm quyền áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Điều 225 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định:

1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên tự mình hoặc theo yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp huyện, Cơ quan điều tra quân sự khu vực thụ lý, điều tra thì

Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự khu vực đề nghị Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu xem xét, quyết định áp dụng.

2. Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt ghi rõ thông tin cần thiết về đối tượng bị áp dụng, tên biện pháp được áp dụng, thời hạn, địa điểm áp dụng, cơ quan tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

3. Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng có trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ việc áp dụng biện pháp này, kịp thời đề nghị Viện kiểm sát hủy bỏ nếu xét thấy rằng không còn cần thiết.

Cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

4. Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền và người thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải giữ bí mật.

- Về thẩm quyền áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Theo đó, những người có thẩm quyền quyết định và thi hành quyết định bao gồm: Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan Điều tra cấp quân khu trở lên ra quyết định và Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Trường hợp vụ án đang được thụ lý, điều tra ở cấp huyện, cấp khu vực thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện, cấp khu vực đề nghị Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, cấp quân khu xem xét, quyết định áp dụng. Bộ luật TTHS năm 2015 và Thông tư liên tịch số 04 của liên ngành tư pháp trung ương không quy định cụ thể cơ quan chuyên trách là cơ quan nào. Để làm rõ Cơ quan chuyên trách thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Công an nhân dân ở Trung ương và địa phương thì tại Điều 5 Thông tư số 11/TT-BCA ngày 06/02/2020 đã quy định rõ cơ quan chuyên trách có trách nhiệm thi hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là:

Cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt ở Bộ Công an gồm: Cục Kỹ thuật nghiệp vụ, Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục Ngoại tuyến. Cơ quan chuyên trách ở Công an các tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương gồm: Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ; Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Phòng Ngoại tuyến (hoặc Phòng nghiệp vụ thực hiện công tác ngoại tuyến).⁹

Một số Công an các tỉnh, thành phố có Phòng Ngoại tuyến, một số Công an các tỉnh, thành phố không có, để đảm bảo đầy đủ và chặt chẽ, Thông tư số 11 đã quy định tại một số Công an các tỉnh, thành phố không có phòng Ngoại tuyến thì cơ quan chuyên trách thực hiện sẽ là Phòng nghiệp vụ thực hiện công tác ngoại tuyến. Trong thực tiễn khi nghiên cứu về vấn đề này có một số ý kiến cho rằng: Đội kỹ thuật nghiệp vụ của Trại tạm giam cũng có thể thực hiện ghi âm, ghi hình bí mật, thực tiễn điều tra cũng có những lúc cần áp dụng ghi âm, ghi hình bí mật người bị tạm giữ, tạm giam. Vậy có nên quy định Đội kỹ thuật của Trại là cơ quan chuyên trách không. Tuy nhiên khi đánh giá về vấn đề này, Bộ Công an nhận thấy: Các đơn vị C02, C03, C04 cũng có các Phòng trinh sát, cũng có thể ghi âm, ghi hình bí mật trong quá trình trinh sát, nhưng họ không đề nghị đưa các Phòng này vào đơn vị chuyên trách. Vì các cơ quan chuyên trách cần thực hiện đúng nội dung "chuyên trách". Việc quy định quá nhiều cơ quan chuyên trách (đặc biệt là việc quy định một đơn vị thuộc cơ quan điều tra là cơ quan chuyên trách) sẽ không đảm bảo tính chuyên nghiệp, độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện.¹⁰

Việc quy định cụ thể các cơ quan chuyên trách như tại Thông tư số 11 đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Các cơ quan chuyên trách này được đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại đã được kiểm duyệt để ghi âm, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật, thu thập dữ liệu điện tử.

Như vậy, để đảm bảo thi hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Công an nhân dân, Quân đội nhân dân thành lập Cơ quan chuyên trách tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Cơ quan chuyên trách được biên chế cán bộ kỹ thuật đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại đã được kiểm duyệt để ghi âm, ghi hình bí mật, nghe lén điện thoại bí mật, thu thập dữ liệu điện tử bí mật. Những người trong Cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân khi thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải giữ bí mật. Nếu những thông tin về việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt biết tới đối tượng bị áp dụng trong vụ án sẽ khiến chúng cảnh giác, tìm cách đối phó, tạo ra thông tin sai đánh lạc hướng

⁹ Điều 5 Thông tư 11/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

¹⁰ Tài liệu tập huấn Thông tư 11/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, trang 7.

Cơ quan tố tụng hay có biểu hiện chống đối. Bởi vì biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt liên quan đến quyền bí mật đời tư của cá nhân nên không thể áp dụng tràn lan. Do vậy việc quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt ghi rõ thông tin cần thiết về đối tượng bị áp dụng, tên biện pháp được áp dụng, thời hạn, địa điểm áp dụng, Cơ quan thi hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và các nội dung khác của văn bản tố tụng.

4. Thủ tục và thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

a) Thủ tục áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định tại Điều 223 và Điều 224 Bộ luật Tố tụng hình sự, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên phải có hồ sơ đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên, Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn hoặc có văn bản yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên bổ sung chứng cứ, tài liệu để xét phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm:

+ Văn bản đề nghị xét phê chuẩn nêu rõ lý do, căn cứ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và các thông tin, tài liệu cần thiết thu thập khi áp dụng biện pháp này;

+ Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Các tài liệu khác là căn cứ để Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên đề nghị xét phê chuẩn.

Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp huyện, Cơ quan điều tra quân sự khu vực thụ lý, điều tra mà thấy cần thiết và có căn cứ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự khu vực trao đổi với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự khu vực về căn cứ và biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể áp dụng. Đồng thời, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện,

Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự khu vực có văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu; thời hạn, trình tự, thủ tục đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư liên tịch 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018.

- Trách nhiệm tiên hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

+ *Trách nhiệm của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh khi áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện¹¹*

Trong vòng 03 ngày, sau khi tiếp nhận đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện, Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh xem xét ra quyết định, có văn bản đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt hoặc có văn bản yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu.

Trong vòng 02 ngày, sau khi nhận được tài liệu bổ sung của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện, Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh phải xem xét ra quyết định. Trường hợp không ra Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh phải trao đổi bằng văn bản, nêu rõ lý do để Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện đã đề nghị áp dụng biết.

Về tiếp nhận, bàn giao kết quả: Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, bàn giao ngay kết quả áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt từ Cơ quan chuyên trách cho Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện đã đề nghị áp dụng; đồng thời, thông báo ngay kết quả cho Viện Kiểm sát cấp tỉnh.

Về việc phối hợp với Viện Kiểm sát: Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh tự mình hoặc trên cơ sở đề xuất của Cơ quan điều tra cấp huyện trao đổi, thống nhất với Viện Kiểm sát cấp tỉnh việc sử dụng, xử lý đối với thông tin, tài liệu thu thập được từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Về việc phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện: Thông tư số 11 quy định phải thường xuyên kiểm tra, phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện đánh giá kết quả việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để đảm bảo hiệu quả áp dụng.

¹¹ Điều 7 Thông tư 11/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Đề phù hợp với quy định tại Điều 226 Bộ luật TTHS năm 2015, Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 11/TT-BCA quy định “*Chậm nhất 10 ngày trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nếu xét thấy cần gia hạn, Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện Kiểm sát đã phê chuẩn xem xét, quyết định việc gia hạn. Kịp thời đề nghị Viện Kiểm sát ra quyết định hủy bỏ nếu xét thấy không còn cần thiết*”.

+ *Trách nhiệm của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện trong áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*¹²

Thẩm quyền, trách nhiệm của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện trong áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được quy định tại Điều 225 Bộ luật TTHS năm 2015 và Điều 25 Thông tư liên tịch số 04. Tại Điều 8 Thông tư số 11/TT-BCA đã quy định chi tiết, cụ thể là:

* Về trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: Sau khi ra quyết định khởi tố vụ án và trong quá trình điều tra vụ án thuộc các trường hợp được quy định tại Điều 224 Bộ luật TTHS, nếu thấy cần thiết và có căn cứ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện có trách nhiệm trao đổi với Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện về căn cứ và biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể áp dụng; đồng thời có văn bản đề nghị Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh xem xét ra quyết định áp dụng.

* Trong trường hợp phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh: Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện có trách nhiệm thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh.

* Trong trường hợp phối hợp với Viện Kiểm sát: Có trách nhiệm tiếp nhận thông tin, tài liệu thu thập được từ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt từ Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh; thông báo ngay cho Viện Kiểm sát cấp huyện; nghiên cứu, đánh giá và báo cáo kết quả, đề xuất Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh trao đổi với Viện Kiểm sát cấp tỉnh thống nhất việc sử dụng, xử lý đối với thông tin, tài liệu thu thập được từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

* Về trường hợp cần gia hạn: Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện đánh giá, trao đổi với Viện Kiểm sát cấp huyện để thống nhất và kịp thời đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh ra quyết định gia hạn, quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong trường hợp cần thiết.

¹² Điều 8 Thông tư 11/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Theo Điều 226 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định thời hạn gia hạn chậm nhất là 10 ngày, tuy nhiên để đảm bảo về mặt thời gian, Khoản 4 Điều 8 Thông tư số 11 quy định “*Chậm nhất 12 ngày trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nếu xét thấy cần gia hạn, Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện phải có văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh xem xét việc gia hạn. Kịp thời đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh làm thủ tục hủy bỏ nếu xét thấy không còn cần thiết*”.

+ Trách nhiệm của Cơ quan chuyên trách¹³

Khoản 3 Điều 225 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định “*Cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*”. Để làm rõ nội dung này, tại Điều 9 Thông tư số 11/TT-BCA đã quy định chi tiết và cụ thể trách nhiệm của Cơ quan chuyên trách như sau:

* Ngay sau khi có các quyết định áp dụng; quyết định phê chuẩn; quyết định gia hạn; quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của Viện kiểm sát và của các Cơ quan điều tra cùng cấp, cùng địa bàn hoặc khác cấp, khác địa bàn, Cơ quan chuyên trách có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức thực hiện. Trao đổi với Cơ quan điều tra làm rõ các nội dung trong hồ sơ, thống nhất về thời gian, địa điểm, phương pháp thực hiện.

* Trường hợp không thể thực hiện được, Cơ quan chuyên trách phải kịp thời thông báo cho Cơ quan điều tra bằng văn bản. Thủ trưởng Cơ quan chuyên trách có trách nhiệm bố trí lực lượng, phương tiện và tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo đúng nội dung, biện pháp và thời hạn đã được phê chuẩn.

* Sau khi có kết quả thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Cơ quan chuyên trách có trách nhiệm gửi ngay văn bản thông báo, kèm theo 01 bản tin, tài liệu, dữ liệu điện tử thu thập được và 01 bản đã được chuyển sang dạng có thể đọc, nghe hoặc nhìn được có xác nhận của Thủ trưởng Cơ quan chuyên trách cho Cơ quan điều tra đã ra yêu cầu.

* Quá trình thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nếu phát hiện có dấu hiệu bị lộ biện pháp, lộ, lọt thông tin, tài liệu hoặc có khó khăn, vướng mắc, Cơ quan chuyên trách phải thông báo, phối hợp với Cơ quan điều tra giải quyết kịp thời, đúng quy định.

¹³ Điều 9 Thông tư 11/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

* Trường hợp Thủ trưởng Cơ quan chuyên trách vắng mặt thì có trách nhiệm ủy quyền cho một Phó Thủ trưởng Cơ quan chuyên trách thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan chuyên trách được quy định tại Khoản 2 Điều 9. Phó Thủ trưởng Cơ quan chuyên trách chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng về nhiệm vụ được ủy quyền.

b) Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Điều 226 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định:

“1. Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không quá 02 tháng kể từ ngày Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn. Trường hợp phức tạp có thể gia hạn nhưng không quá thời hạn điều tra theo quy định của Bộ luật này.

2. Chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nếu xét thấy cần gia hạn thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn xem xét, quyết định việc gia hạn”.

Để tránh việc lạm dụng hay áp dụng quá lâu ảnh hưởng tới đời tư của cá nhân, Điều 226 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định chi tiết về thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là khoảng thời gian tối đa mà pháp luật cho phép để tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được quy định như sau: Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không quá 02 tháng kể từ ngày Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn.

Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ áp dụng ở giai đoạn điều tra và sau khi khởi tố vụ án nên trong trường hợp vụ án phức tạp đòi hỏi cần thời gian để tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ thì có thể gia hạn nhưng không quá thời hạn điều tra theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015. Chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nếu xét thấy cần gia hạn thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn xem xét, quyết định việc gia hạn.

Về thời hạn áp dụng, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được thực hiện không quá 02 tháng kể từ ngày Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn. Trường hợp phức tạp có thể gia hạn nhưng không quá thời hạn điều tra theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015.

5. Sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và hủy bỏ việc áp dụng

a) Sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Điều 227 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như sau:

“1. Thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự; thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời. Nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác.

2. Thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể dùng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

3. Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo ngay kết quả việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cho Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn”.

Khi áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, dựa vào các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, các loại thông tin, tài liệu có thể thu thập được bao gồm tệp tin hình ảnh, âm thanh và các dữ liệu điện tử khác. Theo quy định, các tài liệu, thông tin được thu thập từ các biện pháp này sẽ được xử lý theo hai hướng:

Thứ nhất, các tài liệu, thông tin có liên quan đến vụ án có thể được sử dụng làm chứng cứ trong khởi tố, điều tra, truy tố, và xét xử vụ án hình sự.

Thứ hai, các tài liệu, thông tin không liên quan đến vụ án phải được tiêu hủy kịp thời. Có thể thấy rằng, thông tin, tài liệu thu thập được từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được quản lý rất chặt chẽ vì nó liên quan tới bí mật đời tư của cá nhân. Những chứng cứ nếu có liên quan đến vụ án thì chỉ được sử dụng trong quá trình tố tụng, những chứng cứ không liên quan thì sẽ buộc phải tiêu hủy để tránh việc thông tin bị phát tán, rò rỉ ra bên ngoài. Nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác hoặc các hành vi bị nghiêm cấm như: Tự ý chỉnh sửa, cắt, ghép, giả mạo, hủy trái phép, làm sai lệch, làm hư hỏng, làm thất lạc dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sao chép, phát tán, khai thác, sử dụng kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh làm lộ, lọt thông tin vụ án hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp, uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể dùng làm chứng cứ bởi vì chứng cứ là yếu tố quan trọng, giữ vai trò mấu chốt trong quá trình giải quyết một vụ án hình sự. Việc quy định về chứng cứ không chỉ có ý nghĩa pháp lý mà còn góp phần quan trọng vào thực tiễn đấu tranh tội phạm. Hơn nữa, đây được coi là một trong những nguồn chứng cứ mới hết sức quan trọng có giá trị trực tiếp chứng minh tội phạm. Cơ quan tiến hành tố tụng và Cơ quan thi hành quyết định phải phân tích, đánh giá, chọn lọc những

thông tin, tài liệu có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội, ngăn chặn người phạm tội bỏ trốn, truy tìm tài sản bị tội phạm chiếm đoạt... và sử dụng làm chứng cứ phục vụ việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Để phát huy vai trò kiểm sát trong hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt và có cơ sở đánh giá chính xác biện pháp điều tra tố tụng trong giải quyết vụ án, Bộ luật quy định Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo ngay kết quả việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cho Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn.

Ngoài ra, để đảm bảo tính thống nhất trong việc sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được quy định tại Điều 227 Bộ luật TTHS năm 2015, Điều 12 Thông tư số 11/TT-BCA đã quy định như sau:

- Thông tin, tài liệu thu thập được từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án; được đưa vào hồ sơ vụ án và được lưu giữ, bảo quản theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về công tác hồ sơ, thống kê nghiệp vụ.

- Thông tin, tài liệu thu thập được qua các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải đảm bảo khách quan, chính xác, kịp thời; chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

- Những thông tin, tài liệu thu thập được từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không liên quan đến vụ án phải được tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

b) Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Điều 228 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về hủy bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt:

“Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải hủy bỏ quyết định đó khi thuộc một trong các trường hợp:

- 1. Có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thẩm quyền;*
- 2. Có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt;*
- 3. Không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt”.*

Quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng phải thường xuyên kiểm tra chặt chẽ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Trong trường hợp không cần thiết phải áp dụng hay có vi phạm trong việc thi hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hủy bỏ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Đối với những vụ án mà Cơ quan điều tra cấp huyện, Cơ quan

điều tra quân sự khu vực thụ lý áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt khi muốn hủy bỏ phải có văn bản đề nghị Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan Điều tra quân sự cấp quân khu đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp hủy bỏ. Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải kịp thời hủy bỏ quyết định đó khi thuộc một trong các trường hợp: có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thẩm quyền; có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Cần lưu ý, điều luật quy định rằng khi thuộc một trong ba trường hợp trên, Viện trưởng Viện kiểm sát phải ra quyết định hủy bỏ, nghĩa là đây là nghĩa vụ bắt buộc chứ không phải quyền tùy nghi.

Trong các trường hợp cần hủy bỏ, trường hợp có vi phạm trong quá trình áp dụng khá mơ hồ về nội hàm. Bởi lẽ, luật không quy định quá nhiều về quá trình thực hiện các biện pháp đó, mà chỉ quy định chung là Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, và người thi hành có nghĩa vụ giữ bí mật trong quá trình thực hiện. Trong khi đó, có vẻ như vi phạm theo quy định về các trường hợp phải hủy bỏ có nội hàm rộng hơn nghĩa vụ giữ bí mật, nếu không thì các nhà làm luật đã quy định trực tiếp về việc vi phạm giữ bí mật. Có lẽ, các trường hợp vi phạm này sẽ được quy định cụ thể hơn trong các văn bản phối hợp liên ngành dưới luật để phù hợp và uyển chuyển với tình hình thực tế.

Trong trường hợp khi không cần thiết phải tiếp tục áp dụng hay có vi phạm trong việc thi hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt hoặc khi có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thẩm quyền thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hủy bỏ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Đối với những vụ án mà Cơ quan điều tra cấp huyện, Cơ quan điều tra quân sự khu vực thụ lý áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt khi muốn hủy bỏ phải có văn bản đề nghị Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan Điều tra quân sự cấp quân khu đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hủy bỏ.

- Hồ sơ đề nghị Viện Kiểm sát hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm¹⁴:

“a) Văn bản đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh trở lên;

¹⁴ Điều 11 Thông tư 11/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

b) Thông tin, tài liệu liên quan làm căn cứ hủy bỏ; văn bản đề nghị hủy bỏ kèm theo thông tin, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện làm căn cứ đề ra quyết định hủy bỏ (nếu có).”

6. Quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát là mối quan hệ quan trọng trong tố tụng hình sự nói chung và việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nói riêng, là một trong những biểu hiện cụ thể của nguyên tắc phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động điều tra vụ án hình sự. Mối quan hệ này sẽ phát sinh khi Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trên cơ sở quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phục vụ quá trình điều tra đối với những loại tội phạm như tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã nêu rõ.

- Theo Quyết định số 03/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong hoạt động kiểm sát việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Kiểm sát viên cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

Một là, kiểm sát chặt chẽ nguyên tắc, căn cứ, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, việc sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Hai là, trường hợp Cơ quan điều tra đề nghị phê chuẩn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì Kiểm sát viên yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu gửi kèm văn bản đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Sau khi nghiên cứu, Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét, quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Thứ ba, trường hợp có căn cứ và xét thấy cần thiết mà Cơ quan điều tra không ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện kiểm sát ra văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; nếu Cơ quan điều tra không thực hiện thì Lãnh đạo Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị theo quy định của pháp luật.

- Vai trò của Viện kiểm sát trong áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Đảm bảo thực hiện tốt hoạt động kiểm sát trong quá trình tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt góp phần giúp hoạt động này diễn ra khách quan, đúng quy định của pháp luật, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (viết tắt là TTLT số 04/2018), đã quy định cụ thể hoạt động của Viện kiểm sát đối với hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt từ khi Cơ quan điều tra ra quyết định áp dụng, gia hạn áp dụng, sử dụng tài liệu, kết quả đến khi huỷ bỏ.

+ Phê chuẩn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định tại Điều 223 và Điều 224 Bộ luật Tố tụng hình sự, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên phải có hồ sơ đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên, Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn hoặc có văn bản yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên bổ sung chứng cứ, tài liệu để xét phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Theo đó, Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm tra căn cứ, điều kiện, thẩm quyền, đối tượng bị áp dụng, thời hạn, địa điểm áp dụng... xem xét, đánh giá tính chất, mức độ cần thiết phải áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, tính khả thi, hiệu quả của việc áp dụng để ra quyết định phê chuẩn kịp thời, chính xác.

Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp huyện, Cơ quan điều tra quân sự khu vực thụ lý, điều tra mà thấy cần thiết và có căn cứ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự khu vực trao đổi với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự khu vực về căn cứ và biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể áp dụng. Đồng thời, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự khu vực có văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 225 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải được Viện trưởng

Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành, có nghĩa là, nếu Viện kiểm sát cùng cấp không phê chuẩn thì Cơ quan điều tra không được áp dụng các biện pháp này.

+ Kiểm sát chặt chẽ điều kiện áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan điều tra chủ động thu thập chứng cứ xác định điều tra các vụ án phức tạp, có tổ chức, đặc biệt nghiêm trọng. Do tính đặc biệt nên không phải mọi tội phạm đều được áp dụng biện pháp điều tra này mà chỉ áp dụng trong một số loại tội phạm đặc biệt với phạm vi áp dụng tương đối hạn chế như: Các tội xâm phạm an ninh quốc gia; tội phạm về ma túy; tội phạm về tham nhũng; tội khủng bố; tội rửa tiền; tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Bên cạnh đó, quy định quy trình chặt chẽ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cũng như cơ chế phê chuẩn của Viện kiểm sát. Viện kiểm sát kiểm tra kỹ quyết định khởi tố vụ án, đối chiếu dấu hiệu của tội phạm với tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự làm căn cứ phê chuẩn.

Để tránh việc áp dụng tràn lan, không phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, có thể xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thư tín, điện tín, đời tư cá nhân.... vì vậy, Viện kiểm sát phải kiểm sát chặt chẽ mức độ áp dụng, thời điểm áp dụng, thời hạn áp dụng, trường hợp và loại biện pháp điều tra đặc biệt áp dụng, đảm bảo mỗi biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải được áp dụng phù hợp, hiệu quả đối với từng vụ án hình sự cụ thể.

Do việc thu thập chứng cứ thu thập được từ áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt tồn tại dưới dạng âm thanh, hình ảnh, dữ liệu điện tử nên yêu cầu về bảo quản chứng cứ đòi hỏi phải theo quy trình đặc biệt. Trước tiên, các phương tiện ghi âm, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật phải đảm bảo chất lượng và có độ ổn định cao giúp cho hoạt động này được tiến hành khách quan, khoa học, phục vụ thu thập thông tin, tài liệu cho quá trình chứng minh tội phạm. Đối với âm thanh thu được, phải đủ các điều kiện về âm lượng, giảm thiểu tối đa độ nhiễu, ồn, phải có căn cứ để khi giám định xác định được vận tốc, cường độ, trường độ, nhịp cộng hưởng, âm sắc... Đối với hình ảnh, Viện kiểm sát phải kịp thời nhắc nhở Cơ quan điều tra đảm bảo chất lượng hình ảnh, kích thước, độ rõ nét, góc quay... và đặc biệt, phải đảm bảo về thời lượng của đoạn ghi âm, ghi hình để thuận lợi trong việc so sánh với các mẫu so sánh khi tiến hành giám định. Đối với việc thu thập bí mật dữ liệu điện tử, cần đảm bảo kiểm sát để khẳng định dữ liệu là có thật, tồn tại khách quan, có nguồn gốc rõ ràng, không bị làm cho sai lệch, biến dạng, đã được tìm thấy và đang lưu trên máy tính, điện thoại di động, máy tính

bảng, USB, ổ cứng di động, đĩa quang, email, website, điện toán đám mây, account (tài khoản), nickname (bí danh) của đối tượng, server (máy chủ) của nhà cung cấp dịch vụ internet...¹⁵ Viện kiểm sát theo dõi, tham gia thực hiện ngay khi các thao tác nghiệp vụ về ghi âm bí mật, ghi hình bí mật, thu thập bí mật dữ liệu điện tử được tiến hành nhằm đảm bảo thu thập chứng cứ tiến hành khách quan, đúng quy định của pháp luật.

+ Kiểm sát việc thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Quá trình thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên phải thường xuyên kiểm tra việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, thông báo thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cho Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp và thống nhất việc sử dụng, xử lý đối với thông tin, tài liệu thu thập được theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của Cơ quan điều tra phải đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình nghiệp vụ. Viện kiểm sát phải thường xuyên kiểm tra, xác định thông tin, tài liệu mà Cơ quan điều tra thu thập được là loại thông tin nào, có liên quan, có ý nghĩa chứng minh tội phạm không? Nếu thông tin, tài liệu thu thập được không liên quan đến vụ án thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra huỷ bỏ. Nếu thông tin, tài liệu thu thập được còn thiếu thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra tiếp tục thu thập bổ sung.

Trường hợp xét thấy cần gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, thì trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt 10 ngày, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên phải có văn bản nêu rõ lý do kèm theo chứng cứ, tài liệu là căn cứ đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp xem xét, quyết định việc gia hạn. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo chứng cứ, tài liệu của Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên, Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phải ra quyết định gia hạn hoặc không gia hạn hoặc có văn bản yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên bổ sung chứng cứ, tài liệu để xét gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

+ Huỷ bỏ, kết thúc việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

¹⁵ Nguyễn Xuân Hương (2019), Tạp chí kiểm sát số 01 (tháng 01/2019), *Bàn về hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*, tr 49.

Khi xét thấy không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Khi thấy có căn cứ để hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự, Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn ra quyết định hủy bỏ quyết định đó và gửi cho Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã ra quyết định trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định hủy bỏ để chuyển ngay quyết định đó đến cơ quan tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để kết thúc ngay việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Theo đó, Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp tố tụng đặc biệt phải kịp thời hủy bỏ quyết định đó khi thuộc một trong các trường hợp: Có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thẩm quyền; có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Đây là quy định mang tính bắt buộc, không mang tính tùy nghi khi Viện kiểm sát xét thấy có căn cứ hủy bỏ.

+ Yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Trường hợp có căn cứ và xét thấy cần thiết mà Cơ quan điều tra không ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì Viện kiểm sát ra văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; nếu Cơ quan điều tra không thực hiện thì Viện kiểm sát có quyền kiến nghị theo quy định của pháp luật.

III. QUY ĐỊNH TRONG VĂN BẢN PHÁP LÝ QUỐC TẾ VÀ MỘT SỐ NƯỚC VỀ BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỐ TỤNG ĐẶC BIỆT

1. Quy định trong văn bản pháp lý quốc tế về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Nghiên cứu các văn bản pháp lý quốc tế liên quan đến điều tra vụ án hình sự, nhóm tác giả nhận thấy có một số văn bản điều chỉnh một số vấn đề liên quan đến biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như:

Năm 2000, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Công ước Quốc tế của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) cùng các Nghị định thư kèm theo, và Công ước đã có hiệu lực vào năm 2003. Với 186 quốc

gia thành viên, Công ước UNTOC là một trong những hiệp ước được phê chuẩn rộng rãi nhất về vấn đề pháp luật hình sự quốc tế. Việt Nam trở thành thành viên của Công ước vào ngày 8-6-2012. Theo Điều 20 Công ước quy định về Các kỹ thuật điều tra đặc biệt như sau:

“1. Nếu các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật trong nước cho phép, trong phạm vi khả năng của mình và phù hợp với các quy định của pháp luật trong nước, mỗi Quốc gia thành viên sẽ thực thi các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền trong lãnh thổ của mình áp dụng hợp lý việc vận chuyển có kiểm soát và, nếu thích hợp, áp dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt khác, như điện tử hoặc các hình thức giám sát và hoạt động đặc tình khác nhằm đấu tranh chống tội phạm có tổ chức được hiệu quả.

2. Nhằm mục đích điều tra các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này và nếu cần thiết, các Quốc gia thành viên được khuyến khích ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương thích hợp để sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt khi hợp tác ở cấp quốc tế. Các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy sẽ được ký kết và thực hiện phù hợp với nguyên tắc bình đẳng chủ quyền của các Quốc gia và sẽ được thực hiện hoàn toàn phù hợp với các quy định của các hiệp định hoặc thoả thuận đó.

3. Nếu không có một hiệp định hay thoả thuận như được nêu trong Khoản 2 của Điều này, quyết định sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt ở cấp độ quốc tế nói trên sẽ được đưa ra trên cơ sở từng vụ việc và, nếu cần có thể xem xét các thoả thuận về tài chính liên quan đến việc thực hiện quyền tài phán của các Quốc gia thành viên liên quan.

4. Các quyết định sử dụng biện pháp vận chuyển có kiểm soát ở mức độ quốc tế, theo sự đồng ý của các Quốc gia thành viên liên quan, sẽ bao gồm các phương pháp như chặn lại và cho phép hàng hoá tiếp tục được giữ nguyên hoặc huỷ bỏ hoặc thay thế toàn bộ hay một phần.”¹⁶

Năm 2009, Liên Hợp Quốc thông qua Công ước về chống tham nhũng, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Công ước vào năm 2009. Điều 50 của công ước quy định về Kỹ thuật điều tra đặc biệt như sau:

“1. Để chống tham nhũng có hiệu quả, trong phạm vi cho phép của các nguyên tắc căn bản của hệ thống pháp luật nước mình và theo các điều kiện được quy định trong pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi có thể nhằm cho phép các cơ quan chức năng sử

¹⁶ Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

dụng hình thức vận chuyển có kiểm soát và khi thích hợp sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt, chẳng hạn như giám sát điện tử hoặc các hình thức giám sát khác, hoạt động chìm, trong lãnh thổ nước mình để đảm bảo chứng cứ thu được từ việc áp dụng các kỹ thuật này được chấp nhận tại tòa án.

2. Với mục đích điều tra các tội phạm được quy định theo Công ước này, các quốc gia thành viên được khuyến khích ký kết, khi cần thiết, các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương phù hợp để sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt trên khi hợp tác ở cấp độ quốc tế. Các hiệp định hoặc thoả thuận này phải được ký kết và thực hiện trên cơ sở tuân thủ đầy đủ nguyên tắc bình đẳng chủ quyền quốc gia và các điều khoản của những hiệp định hoặc thoả thuận này phải được tuyệt đối tuân thủ.

3. Trong trường hợp không có một hiệp định hoặc thoả thuận như đã nói tại khoản 2 của Điều này, việc sử dụng những kỹ thuật điều tra đặc biệt trên ở cấp độ quốc tế sẽ được quy định trên cơ sở từng vụ việc một và khi cần thiết có thể tính đến các thoả thuận và bản ghi nhớ về tài chính đối với việc thực hiện quyền tài phán của những quốc gia thành viên liên quan.

4. Các quyết định về áp dụng biện pháp vận chuyển có kiểm soát ở cấp độ quốc tế có thể bao gồm các biện pháp như chặn đứng và cho phép hàng hoá được tiếp tục toàn vẹn, hoặc bị tháo dỡ hoặc thay thế toàn bộ hay một phần.”¹⁷

Các công ước này đều quy định đều khuyến nghị các nước tham gia tiến hành các biện pháp khác nhau, như: vận chuyển có kiểm soát, các hình thức giám sát điện tử, hoạt động sử dụng lực lượng bí mật...

Theo Khuyến nghị số 10 năm 2005 của Hội đồng Châu Âu về “các kỹ thuật điều tra đặc biệt” liên quan đến các tội phạm nghiêm trọng bao gồm những hành vi khủng bố¹⁸ thì: “Kỹ thuật điều tra đặc biệt là những kỹ thuật được áp dụng bởi cơ quan có thẩm quyền trong điều tra án hình sự nhằm phát hiện và điều tra những tội phạm nghiêm trọng và người bị tình nghi, hướng đến việc thu thập thông tin theo một cách thức không để cho đối tượng mục tiêu biết được” (đoạn thứ nhất, Chương I). Các cơ quan có thẩm quyền đề cập trong khái niệm này bao gồm Tòa án, cơ quan công tố, cơ quan điều tra có liên quan đến việc quyết định, giám sát hoặc sử dụng các kỹ thuật đặc biệt theo quy định của pháp luật quốc gia (đoạn thứ hai, Chương I). Các quốc gia thành viên, trên cơ sở tuân thủ yêu cầu của Công ước Châu Âu về quyền con người, nên quy định trong pháp luật quốc

¹⁷ Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

¹⁸ Council of Europe, *Recommendation Rec(2005)10 of the Committee of Ministers to member states on “special investigation techniques” in relation to serious crimes including acts of terrorism.*

gia về trường hợp, điều kiện được phép áp dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt và phải bảo đảm có sự kiểm soát đầy đủ bởi các cơ quan tư pháp hoặc cơ quan độc lập khác thông qua quy định về thẩm quyền phê chuẩn, giám sát trong quá trình điều tra và xem xét lại việc áp dụng (các đoạn 1, 3 Chương II).

Quan trọng hơn, Khuyến nghị số 10 còn đưa ra các điều kiện để áp dụng kỹ thuật điều tra đặc biệt (các đoạn 4-7). Theo đó, chúng chỉ được sử dụng khi có đủ lý do để tin rằng một tội phạm nghiêm trọng đã hoặc chuẩn bị được thực hiện, hoặc đang chuẩn bị thực hiện, bởi một hoặc nhiều người cụ thể hoặc chưa xác định được (nhóm) người nào. Sự tương xứng giữa hiệu quả của việc sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt và mục tiêu xác định nên được đảm bảo. Về khía cạnh này, khi quyết định sử dụng, cần phải đánh giá tính nghiêm trọng của tội phạm và tính chất xâm phạm của các kỹ thuật điều tra đặc biệt. Các quốc gia thành viên nên bảo đảm rằng cơ quan có thẩm quyền áp dụng những phương pháp điều tra ít xâm phạm hơn so với các kỹ thuật điều tra đặc biệt nếu những phương pháp đó cho phép phát hiện, ngăn ngừa hoặc buộc tội một cách hiệu quả đối với tội phạm. Các quốc gia thành viên, về nguyên tắc, nên có các biện pháp lập pháp cho phép viện dẫn chứng cứ thu được từ các kỹ thuật điều tra đặc biệt trước Tòa án. Các quy tắc tố tụng về việc viện dẫn và chấp nhận loại chứng cứ này phải đảm bảo quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

Trước khi có Khuyến nghị số 10, Châu Âu cũng đã ban hành nhiều văn kiện trong đó quy định về các kỹ thuật điều tra đặc biệt như vận chuyển có kiểm soát (controlled delivery), điều tra bí mật (covert investigations). Các văn kiện này bao gồm: Công ước về rửa tiền, khám xét, thu giữ và tịch thu tiền do phạm tội mà có (Điều 14);¹⁹ Công ước luật hình sự về tham nhũng (khoản 1 Điều 23);²⁰ Nghị định thư bổ sung thứ hai Công ước Châu Âu về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự (Điều 18, 19);²¹ Công ước về tội phạm sử dụng công nghệ cao.²²

Từ phân tích trên cho thấy, pháp luật quốc tế và pháp luật Châu Âu thường sử dụng thuật ngữ “kỹ thuật điều tra đặc biệt” (special investigative techniques) thay vì thuật ngữ “biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt” như trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Bộ luật TTHS năm 2015) của Việt Nam, đồng thời pháp luật quốc tế không đưa ra khái niệm kỹ thuật điều tra đặc biệt mà chỉ ghi nhận việc sử dụng chúng để phát hiện và chứng minh một số loại tội phạm phức tạp như tội phạm về

¹⁹ Convention on Laundering, Search, Seizure and Confiscation of the Proceeds from Crime of 8 November 1990 (ETS No. 141).

²⁰ Criminal Law Convention on Corruption of 27 January 1999 (ETS No. 173).

²¹ The Second Additional Protocol to the European Convention on Mutual Assistance in Criminal Matters of 8 November 2001 (ETS No. 182).

²² Convention on Cybercrime of 23 November 2001 (ETS No. 185).

ma túy, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm về tham nhũng. Điều 11 Công ước Liên hợp quốc (LHQ) về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần đã sớm quy định vận chuyển có kiểm soát là một trong những kỹ thuật điều tra đặc biệt. Tiếp đến khoản 1 Điều 20 Công ước LHQ về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNCTOC) bổ sung một số kỹ thuật điều tra đặc biệt khác, cụ thể đó là: “*Nếu các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật trong nước cho phép, trong phạm vi khả năng của mình và phù hợp với các quy định của pháp luật trong nước, mỗi Quốc gia thành viên sẽ thực thi các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền trong lãnh thổ của mình áp dụng hợp lý việc vận chuyển có kiểm soát²³ và, nếu thích hợp, áp dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt khác, như điện tử hoặc các hình thức giám sát và hoạt động đặc tình khác nhằm đấu tranh chống tội phạm có tổ chức được hiệu quả.*”

Khoản 1 Điều 50 Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) cũng có quy định tương tự. Việc sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt thường làm nảy sinh vấn đề nhạy cảm về quyền con người và quyền hiến định, nên cần phải đặc biệt lưu ý để bảo đảm có sự giám sát thích hợp, trách nhiệm giải trình và tôn trọng các nguyên tắc của luật pháp quốc tế như suy đoán vô tội và quyền được tôn trọng cuộc sống riêng tư.²⁴ Ví dụ hành vi của một mật vụ khi điều tra tội phạm phải tuân thủ quy định của luật (như thẩm quyền nghe trộm) và giới hạn hành động trong phạm vi có được cơ hội và những điều kiện thuận lợi bởi một người đã có ý định phạm tội; không thể sử dụng biện pháp gài bẫy bất hợp pháp như xúi giục (instigating) hoặc tiếp tay (abetting) cho một tội phạm để gài bẫy người phạm tội.²⁵

Văn phòng Liên hợp quốc về ma túy và tội phạm (UNODC) đã đưa ra những hướng dẫn chi tiết về một số nội dung của UNCAC nói chung và biện pháp điều tra đặc biệt nói riêng, cụ thể bao gồm: Hướng dẫn về công tác lập pháp đối với việc thực thi UNCAC (2006); và Hướng dẫn kỹ thuật đối với UNCAC (2009). Hướng dẫn về lập pháp nhấn mạnh rằng những kỹ thuật đặc biệt như giám sát điện tử hoặc hoạt động bí mật được khuyến khích áp dụng bởi khoản 1 Điều 50 Công ước có thể là cách thức thực thi pháp luật duy nhất nhằm thu thập chứng cứ cần thiết để gây trở ngại cho những hoạt động bí mật nhất của các chủ thể và mạng

²³ Theo giải thích tại điểm i khoản 2 UNCTOC, vận chuyển có kiểm soát “là việc cho phép những hàng hóa ký gửi bất hợp pháp hoặc bị nghi ngờ được chuyển qua hoặc vào lãnh thổ của một hay nhiều nước nhưng đặt dưới sự theo dõi hoặc giám sát của các cơ quan có thẩm quyền những nước đó, nhằm điều tra một hành vi phạm tội và xác định những người liên quan trong việc thực hiện hành vi phạm tội đó.”

²⁴ UNDP-UNODC (2009), *International Cooperation: The Pacific’s Implementation of Chapter IV of the UN Convention against Corruption*, tr. 59.

²⁵ Conference of the States Parties to UNCAC, *State of Implementation of the United Nations Convention Against Corruption: Criminalization, Law Enforcement and International Cooperation*, CAC/COSP/2013/CRP.7, 2013, tr. 132, trích dẫn trong UNDP-UNODC, tldđ (chú thích số 7), tr. 59.

lưới tham nhũng.²⁶ Trong khi đó, Hướng dẫn về kỹ thuật đưa ra giải thích chi tiết hơn về các kỹ thuật điều tra đặc biệt được sử dụng phổ biến trong phát hiện và điều tra tội phạm tham nhũng. Theo Hướng dẫn này, thì kỹ thuật điều tra đặc biệt khá đa dạng bao gồm:²⁷ Giám sát kỹ thuật (technical surveillance) - chặn điện thoại (telephone intercept), ghi âm bí mật (bugging); Theo dõi và giám sát vật chất (physical surveillance and observation); Hoạt động bí mật (undercover operations) và hoạt động nghiệp vụ (sting operations); Người cung cấp tin tức (informants); Kiểm tra liêm chính (integrity testing); Giám sát giao dịch tài chính (financial transaction monitoring).

Như vậy pháp luật Châu Âu đã ghi nhận các kỹ thuật điều tra đặc biệt như vận chuyển có kiểm soát, giám sát điện tử, hoạt động đặc tình và các hình thức giám sát khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc phát hiện và chứng minh một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp. Tuy nhiên nội dung của các văn kiện pháp lý của Châu Âu và quốc tế chỉ dừng lại ở dạng nguyên tắc, những yêu cầu cơ bản của việc áp dụng kỹ thuật điều tra đặc biệt.

2. Quy định của pháp luật một số quốc gia về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

a) Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo pháp luật Trung Quốc

Trong Luật TTHS năm 2018 của Trung Quốc,²⁸ các biện pháp điều tra kỹ thuật (technical investigation measures) được quy định tại mục 8 Chương II Phần 2 (từ Điều 150 đến Điều 154) bao gồm các nội dung chính sau đây:

- *Thời điểm áp dụng (Điều 150):* sau khi cơ quan điều tra (public security) khởi tố vụ án hình sự (file a case).

- *Trường hợp áp dụng (Điều 150):*

(i) Tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, các hoạt động khủng bố, tội phạm có tổ chức mang tính chất mafia, tội phạm ma túy nghiêm trọng hoặc các tội phạm khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến xã hội;

(ii) Tội phạm lợi dụng chức vụ quyền hạn xâm hại các quyền của công dân;

(iii) Trong trường hợp truy bắt người bị tình nghi (suspect), bị cáo đang bị truy nã hoặc đã có quyết định bắt được phê chuẩn nhưng đang bỏ trốn.

²⁶ UNODC (2006), *Hướng dẫn về công tác lập pháp đối với việc thực thi UNCAC*, tr. 165.

²⁷ UNODC (2009), *Hướng dẫn kỹ thuật đối với UNCAC*, tr. 185-186. Tham khảo thêm UNODC (2004), *Chương trình toàn cầu về chống tham nhũng: Bộ công cụ chống tham nhũng của LHQ*, tr. 423-425.

²⁸ China Laws Portal, *Criminal Procedure Law of China (2018)* <https://www.chinajusticeobserver.com/law/x/criminal-procedure-law-of-china-20181026>, truy cập ngày 21/3/2023.

- *Thẩm quyền, thủ tục áp dụng (Điều 150, 152):*

Theo quy định của Luật TTHS Trung Quốc cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có quyền áp dụng biện pháp điều tra kỹ thuật. Cơ quan điều tra chỉ được áp dụng các biện pháp này sau khi đã hoàn thành các thủ tục phê chuẩn chặt chẽ. Các cơ quan có thẩm quyền trong Viện kiểm sát nhân dân cũng được áp dụng những biện pháp này trong các trường hợp liệt kê tại điểm (ii) phần trên.

Về nguyên tắc, việc tiến hành các biện pháp điều tra kỹ thuật phải tuân thủ chặt chẽ loại biện pháp, đối tượng (target) và thời hạn đặt ra trong quyết định phê chuẩn.

- *Thời hạn áp dụng (Điều 151):* Quyết định phê chuẩn việc áp dụng biện pháp điều tra kỹ thuật có hiệu lực trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ký và ban hành. Khi không cần thiết tiếp tục được áp dụng, các biện pháp này phải nhanh chóng bị hủy bỏ. Đối với vụ án phức tạp và cần thiết tiếp tục áp dụng các biện pháp điều tra kỹ thuật thì có thể gia hạn nhưng mỗi lần gia hạn không quá 03 tháng và phải được phê chuẩn.

- *Giá trị chứng minh và việc sử dụng các tài liệu thu thập được (Điều 154):*

Các tài liệu thu thập được từ biện pháp điều tra kỹ thuật theo quy định tại mục 8 Bộ luật TTHS có thể được sử dụng làm chứng cứ buộc tội. Trường hợp việc sử dụng chứng cứ có ảnh hưởng đến sự an toàn của người có liên quan hoặc có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác thì phải áp dụng các biện pháp không làm lộ danh tính của người có liên quan, hoặc các biện pháp bảo vệ kỹ thuật và khi cần thiết, có thể đề nghị thẩm phán thụ lý (adjudicatory personnel) xác thực chứng cứ bên ngoài phiên tòa.

Những tài liệu thu thập được từ các biện pháp điều tra kỹ thuật chỉ có thể sử dụng cho việc điều tra, truy tố và xét xử; không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

- *Trách nhiệm của những người có liên quan (Điều 152, 153):*

Điều tra viên biết được bí mật nhà nước, bí mật thương mại hoặc thông tin cá nhân trong quá trình tiến hành các biện pháp điều tra kỹ thuật phải có trách nhiệm giữ bí mật. Thông tin không liên quan đến vụ án có được từ việc sử dụng các biện pháp điều tra này phải nhanh chóng bị hủy bỏ.

Khi cơ quan điều tra tiến hành các biện pháp điều tra kỹ thuật, những nơi làm việc và cá nhân phải hợp tác và giữ bí mật những tình tiết có liên quan.

Những người có liên quan có thể che giấu danh tính của họ để tiến hành các biện pháp điều tra với sự cho phép của người có trách nhiệm trong cơ quan điều

tra khi cần thiết để làm rõ tình tiết của vụ án. Tuy nhiên, họ không được xúi giục người khác phạm tội và không được sử dụng các phương pháp xâm hại đến an toàn công cộng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng đến sự an toàn cá nhân.

Đối với những tội phạm liên quan đến buôn bán ma túy hoặc những chất cấm khác và tài sản, cơ quan điều tra có thể tuân thủ (follow) những quy định về việc tiến hành biện pháp chuyển giao có kiểm soát theo yêu cầu điều tra.

b) Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo pháp luật Nga

Bộ luật tố tụng hình sự Liên bang Nga quy định (Chương III. Điều tra, thuộc Phần thứ hai. Thủ tục tố tụng trước khi xét xử) các biện pháp điều tra đặc biệt gồm: Giám sát và ghi âm các cuộc trao đổi qua điện thoại hoặc bằng các hình thức khác (Điều 186); thu thập thông tin và liên lạc giữa những người thuê bao và các thiết bị thuê bao

Mục đích của việc sử dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Để quyết định về tội lỗi hay vô tội của bị cáo trong việc thực hiện tội phạm chỉ dưới hình thức gián tiếp;

Để xác minh các bằng chứng thu được bằng cách chuyển đổi (trung gian) kết quả điều tra bí mật - chủ yếu ở dạng gián tiếp. Có bằng chứng là kết quả của hoạt động điều tra bí mật chỉ có thể được sử dụng trong khả năng này theo sáng kiến của quốc phòng;

Để xác minh thông tin về sự hiện diện, vắng mặt của các dấu hiệu khiêu khích cả dưới hình thức trực tiếp và gián tiếp, nhưng chỉ khi người bào chữa đã đưa ra tuyên bố về hành động khiêu khích.

c) Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo pháp luật Cộng hòa Liên bang Đức

Trong Bộ luật TTHS năm 1987 (sửa đổi năm 2022) của Cộng hòa Liên bang Đức (gọi tắt là Bộ luật TTHS năm 1987),²⁹ các biện pháp điều tra có sử dụng thiết bị kỹ thuật được quy định tại các điều luật bao gồm: Điều 100 (100a - 100k), 101 (101a - 101b), 110 (110a - 110d). Theo đó, nhiều loại biện pháp điều tra khi tiến hành có sử dụng thiết bị kỹ thuật như:

- Giám sát viễn thông (telecommunications surveillance);
- Tìm kiếm từ xa bí mật hệ thống công nghệ thông tin (covert remote search of information technology systems);

²⁹ Federal Ministry of Justice, *German Code of Criminal Procedure* https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_stpo/englisch_stpo.html, truy cập ngày 21/3/2023.

- Giám sát âm thanh nhà ở cá nhân (acoustic surveillance of private premises);
- Giám sát âm thanh ngoài nhà ở cá nhân (acoustic surveillance outside of private premises);
- Thu thập dữ liệu giao thông (traffic data capture);
- Yêu cầu về dữ liệu của người thuê bao (subscriber data request);...

Đối với từng loại biện pháp điều tra trên, Bộ luật TTHS năm 1987 có quy định cụ thể về các căn cứ và trường hợp áp dụng. Ngoài ra, Điều 101 quy định rất chi tiết, chặt chẽ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp điều tra đặc biệt này. Khoản 1 Điều 100e quy định đối với biện pháp giám sát viễn thông, Tòa án có thể ra lệnh áp dụng trên cơ sở đề nghị của Văn phòng công tố (public prosecution office). Trong trường hợp khẩn cấp, Văn phòng công tố cũng có thể ra lệnh, tuy nhiên lệnh này sẽ không có hiệu lực nếu không được xác nhận bởi Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc. Lệnh áp dụng các biện pháp điều tra này có thời hạn tối đa là 03 tháng và có thể được gia hạn (mỗi lần không quá 03 tháng) nếu thông tin thu được từ việc điều tra cho thấy các điều kiện để ra lệnh vẫn tiếp tục tồn tại.

Trong khi đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 100e thì việc áp dụng biện pháp tìm kiếm từ xa bí mật hệ thống công nghệ thông tin và biện pháp giám sát âm thanh nhà ở cá nhân được thực hiện theo lệnh của bộ phận thuộc Tòa án khu vực quy định tại khoản 4 Điều 74a của Luật Hiến pháp Tòa án (Courts Constitution Act) tại quận nơi đặt trụ sở của Văn phòng công tố, trên cơ sở đề nghị của Văn phòng công tố. Trong trường hợp khẩn cấp, lệnh cũng có thể được đưa ra bởi Thẩm phán chủ tọa. Tuy nhiên lệnh này sẽ mất hiệu lực nếu không được xác nhận bởi bộ phận hình sự của tòa trong 03 ngày làm việc. Thời hạn tối đa áp dụng hai biện pháp này là 01 tháng và có thể được gia hạn (mỗi lần không quá 01 tháng) nếu các điều kiện áp dụng vẫn còn tồn tại dựa trên những thông tin thu được từ việc điều tra. Nếu tổng thời hạn áp dụng lệnh đã là 06 tháng thì việc tiếp tục gia hạn phải do Tòa án khu vực cấp cao hơn quyết định.

Đặc biệt hơn, Bộ luật TTHS năm 1987 còn quy định về những vấn đề liên quan đến Điều tra viên bí mật (undercover investigators) bao gồm: các trường hợp sử dụng (Điều 110a), thủ tục tiến hành (Điều 110b), và quyền hạn của họ (Điều 110c).

d) Biện pháp điều tra tổ tụng đặc biệt theo pháp luật Nam Úc

Nam Úc là một trong số ít các tiểu bang của Úc sở hữu một luật riêng về các hoạt động điều tra hình sự bí mật (Criminal Investigation (Covert Operations) Act

2009).³⁰ Luật này cho phép việc sử dụng các hoạt động bí mật và danh tính giả tạo (assumed identities) với mục đích điều tra và thu thập tin tức tình báo hình sự trong và ngoài tiểu bang; thiết lập kế hoạch xác nhận (certification scheme) để bảo vệ danh tính của các nhân chứng nhất định; sự thừa nhận xuyên biên giới các hoạt động bí mật, danh tính giả tạo và kế hoạch xác nhận; cũng như những mục đích khác.

Phần 2 của Luật có những quy định chi tiết về thẩm quyền phê chuẩn, căn cứ và trường hợp áp dụng các hoạt động bí mật. Theo đó, một nhân viên cảnh sát cao cấp (giữ chức vụ từ Superintendent trở lên) có thể phê chuẩn các hoạt động bí mật nhằm thu thập chứng cứ của những tội phạm nghiêm trọng (serious criminal behaviour). Ngoài ra, một Điều tra viên theo Luật Cao ủy độc lập chống tham nhũng năm 2012 (Independent Commissioner Against Corruption Act 2012) có thể đệ trình lên cơ quan này để phê chuẩn các hoạt động bí mật với mục đích điều tra việc tham nhũng trong lĩnh vực quản lý công theo quy định tại Luật này khi việc tham nhũng bị nghi ngờ có liên quan hoặc có khả năng liên quan đến tội phạm nghiêm trọng. Việc phê chuẩn các hoạt động bí mật không được thực hiện trừ khi người có thẩm quyền:

(i) có căn cứ hợp lý để nghi ngờ những cá nhân (danh tính của họ có thể, nhưng không bắt buộc, biết bởi người phê chuẩn) đã, đang hoặc sẽ tham gia vào tội phạm nghiêm trọng mà các hoạt động bí mật được đề xuất áp dụng đang hướng đến; và

(ii) thỏa mãn dựa trên những căn cứ hợp lý rằng phạm vi của các hoạt động bí mật được đề xuất không quá rộng so với tính chất và quy mô của tội phạm nghiêm trọng bị nghi ngờ; và

(iii) thỏa mãn dựa trên những căn cứ hợp lý rằng các hoạt động bí mật được đề xuất tương xứng với tác hại đối với xã hội của tội phạm nghiêm trọng; và

(iv) thỏa mãn dựa trên những căn cứ hợp lý rằng các hoạt động bí mật được thiết kế hợp lý để tạo ra cho người đã, đang và sẽ tham gia thực hiện tội phạm nghiêm trọng một cơ hội bộc lộ hành vi phạm tội đó hoặc cung cấp các chứng cứ khác cho hành vi phạm tội, với điều kiện không đặt những cá nhân chưa hề có ý định phạm tội vào nguy cơ bị khuyến khích thực hiện tội phạm nghiêm trọng.

Luật cũng quy định trước khi phê chuẩn, người có thẩm quyền cần kiểm tra lại việc các biện pháp bí mật tương tự trước đây đã được đề xuất hay chưa và nếu đã bị từ chối phê chuẩn thì lý do là gì. Hình thức và nội dung của quyết định phê

³⁰ South Australian Current Acts, *Criminal Investigation (Covert Operations) Act 2009* http://classic.austlii.edu.au/au/legis/sa/consol_act/cioa2009442/, truy cập ngày 21/3/2023.

chuẩn được quy định khá chi tiết bao gồm thời hạn áp dụng, những người tham gia, các hoạt động cụ thể. Thông thường thời hạn áp dụng các hoạt động này là 03 tháng kể từ ngày phê chuẩn và có thể gia hạn một hoặc nhiều lần. Sau 14 ngày kể từ ngày phê chuẩn hoặc gia hạn, người có thẩm quyền phải gửi bản sao các quyết định này đến Tổng chưởng lý (Attorney-General).

Bên cạnh đó, Luật quy định một người có thẩm quyền tham gia vào các hoạt động bí mật đã được phê chuẩn không phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thực hiện các hoạt động này theo các điều khoản trong quyết định phê chuẩn.

3. Giá trị tham khảo của các quy định trong văn bản pháp lý quốc tế quốc tế và một số nước trên thế giới về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Qua nghiên cứu quy định trong các văn bản pháp lý quốc tế và luật TTHS của một số quốc gia, như Trung Quốc, Nga, Đức, Nam Úc... cho thấy tất cả các quốc gia này đều có quy định biện pháp điều tra đặc biệt. Đó là các biện pháp theo dõi bí mật; ghi âm, ghi hình bí mật; chặn và ghi âm các cuộc liên lạc viễn thông; thu thập bí mật dữ liệu điện tử; khám bí mật chỗ ở; sử dụng trinh sát hoặc cộng tác viên bí mật; kiểm tra giấy tờ; lập chốt giả để kiểm tra giao thông... Việc áp dụng các biện pháp này vẫn được cảnh báo là cần thận trọng để tránh vi phạm quyền con người và đảm bảo giá trị về mặt chứng cứ của các dữ liệu thu được. Vì vậy, việc áp dụng các biện pháp này chỉ giới hạn đối với một số nhóm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, kèm theo là quy định chặt chẽ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, cũng như có cơ chế kiểm soát như phê chuẩn của viện kiểm sát hoặc của tòa án, cụ thể:

- Về tên gọi của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Tên gọi, số lượng và kỹ thuật thể hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong luật TTHS các nước không giống nhau phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng quốc gia. Hầu hết các nước đều quy định các biện pháp như: giám sát, chặn nghe các cuộc trao đổi qua điện thoại, các phương tiện viễn thông (Nga, Anh, Hoa Kỳ, Pháp, Đức) và biện pháp xâm nhập người (sử dụng mạng lưới bí mật) để theo dõi, thâm nhập điều tra (Trung Quốc, Anh, Đức, pháp):

+ Ở Trung Quốc: quy định biện pháp điều tra trinh sát bí mật và các biện pháp giám sát nói chung nhưng không quy định cụ thể các biện pháp điều tra đặc biệt mà dành cho văn bản dưới luật quy định. Cụ thể như Bộ luật TTHS Trung Quốc quy định ở Mục 8 (Chương II. Điều tra: Kỹ thuật điều tra đặc biệt), trong đó, ngoài ba điều là Điều 148, Điều 149, Điều 150 về kỹ thuật điều tra đặc biệt, Điều 151 còn quy định về biện pháp che giấu thân phận để thực hiện điều tra (lực lượng bí mật) và thực hiện chuyên giao có giám sát.

+ Ở Nga: quy định biện pháp giám sát, ghi âm các cuộc trao đổi điện thoại, thu thập thông tin từ các cuộc liên lạc giữa những người thuê bao và các thiết bị thuê bao thông qua việc yêu cầu cơ quan, tổ chức dịch vụ thông tin liên lạc cung cấp thông tin (Điều 186.1).

+ Ở Nam Úc: quy định hoạt động điều tra hình sự bí mật (Criminal Investigation (Covert Operations) Act 2009).

+ Ở Pháp: quy định các biện pháp theo dõi bí mật, xâm nhập nhà riêng, chặn đường liên lạc viễn thông, cài đặt thiết bị ghi âm và ghi hình tại một số địa điểm hoặc trong một số phương tiện đi lại, truy cập dữ liệu tin học (Điều 706- 80; Điều 706-73 và 706-81; Điều 706-95; Điều 706-96 đến 706-101, Điều 100).

+ Ở Đức: Bộ luật tố tụng hình sự Cộng hòa Liên bang Đức quy định các biện pháp điều tra đặc biệt gồm: nghe lén và ghi âm điện thoại; nghe lén và ghi âm thông tin viễn thông; nghe lén và ghi âm các cuộc nói chuyện riêng; khai thác thông tin kết nối viễn thông; đặt các thiết bị kỹ thuật giám sát; dò tìm IMS (tìm ID của một thiết bị đầu cuối kết nối điện thoại di động và số của thẻ được sử dụng; tìm vị trí của một thiết bị đầu cuối kết nối điện thoại di động để xác định tình tiết hoặc xác định nơi ở của người bị buộc tội); điều tra trinh sát bí mật (nhân viên cảnh sát hoạt động bí mật với căn cước giả và họ được quyền tham gia các giao dịch pháp lý với căn cước đó); thâm nhập vào nhà riêng với căn cước giả; thiết lập chốt kiểm tra giao thông.

+ Ở Hoa Kỳ: ngoài quy định biện pháp giám sát nghe bí mật các cuộc trao đổi qua điện thoại và các thiết bị điện tử khác thì còn sử dụng biện pháp điều tra đặc biệt của FBI - sử dụng nguồn nhân lực bí mật để điều tra đối với quan chức hoặc ứng viên chính trị liên quan tới tham nhũng hoặc khủng bố, hoặc một tổ chức tôn giáo hoặc chính trị hay cá nhân có ảnh hưởng trong tổ chức đó.

- Về phạm vi áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Các nước trên đều quy định các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không được áp dụng rộng rãi đối với tất cả các tội phạm mà chỉ giới hạn ở một số loại tội đó là: loại tội phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, nhạy cảm, tội phạm có tổ chức, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự xã hội, an ninh quốc gia và chỉ áp dụng khi thật cần thiết. Có thể hiểu đó là khi người có thẩm quyền tố tụng cho rằng không còn cách nào khác có hiệu quả hơn để phát hiện, ngăn chặn, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội, cụ thể như:

+ Trung Quốc quy định phạm vi áp dụng đối với tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, khủng bố, tội phạm có tổ chức mang tính chất xã hội đen, tội phạm ma túy nghiêm trọng hoặc các vụ án khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn xã

hội; Trong trường hợp truy bắt bị can, bị cáo đang bị truy nã hoặc đã có phê chuẩn, quyết định bắt giam nhưng đang bỏ trốn; Tội phạm tham ô, hối lộ nghiêm trọng hoặc các vụ án lợi dụng chức vụ quyền hạn xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của công dân (Điều 148);

+ Nga quy định rõ việc áp dụng biện pháp điều tra đặc biệt khi có căn cứ nghi ngờ đối tượng phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng;

+ Anh áp dụng khi xét thấy cần thiết vì lợi ích an ninh quốc gia hoặc để ngăn ngừa, phát hiện tội phạm nghiêm trọng;

+ Pháp quy định điều tra đặc biệt đối với trọng tội (Điều 706 -73 Bộ luật TTHS Pháp: 18 loại tội);

+ Đức quy định cụ thể căn cứ áp dụng đối với tội phạm nghiêm trọng liên quan đến buôn bán ma túy, vũ khí, tiền giả hoặc tội phạm liên quan đến an ninh quốc gia, thương mại, tội phạm băng nhóm mà việc sử dụng các biện pháp khác sẽ không có khả năng thành công hoặc gặp nhiều khó khăn;

+ Hoa Kỳ quy định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với quan chức hoặc ứng viên chính trị liên quan tới tham nhũng hoặc khủng bố, hoặc một tổ chức tôn giáo hoặc chính trị hay cá nhân có ảnh hưởng trong tổ chức đó.

-. Về chủ thể có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Đa số các nước quy định chủ thể có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thuộc về Thẩm phán hoặc Công tố viên và ủy quyền cho cảnh sát viên thực hiện, như:

+ Trung Quốc quy định cơ quan điều tra có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; Nhưng đối với tội tham ô, hối lộ nghiêm trọng hoặc các vụ án lợi dụng chức vụ quyền hạn xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích của công dân thì do Viện kiểm sát quyết định (Điều 148 Bộ luật TTHS Trung Quốc).

+ Pháp thì tùy từng giai đoạn xử lý vụ án mà có thể do thẩm phán điều tra, thẩm phán phụ trách giam giữ quyết định theo yêu cầu của Công tố viên hoặc Công tố viên giám sát, giao việc thực hiện cho dự thẩm viên hoặc cán bộ cảnh sát tư pháp, lập biên bản và thông báo kết quả thực hiện cho Thẩm phán (Điều 706-95; Điều 706-96-98 Bộ luật TTHS pháp).

+ Hoa Kỳ quy định các biện pháp điều tra đặc biệt của FBI được rà soát, phê chuẩn rất kỹ và phải được giám sát định kỳ bởi một ủy ban các Điều tra viên giám sát cao cấp và các Công tố viên tại FBI và Bộ tư pháp.

- Về thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt tùy từng nước có thể được quy định chung hoặc quy định cụ thể đối với từng biện pháp.

+ Ở Trung Quốc quy định thời hạn áp dụng là không quá 3 tháng, có thể gia hạn mỗi lần 03 tháng nếu vụ án phức tạp, phải kịp thời xóa bỏ việc áp dụng kỹ thuật điều tra đặc biệt khi không còn cần thiết (Điều 149, 150 Bộ luật TTHS Trung Quốc).

+ Ở Nga quy định thời hạn áp dụng là 06 tháng nhưng không quá thời hạn điều tra, truy tố.

+ Ở Anh không quy định thời hạn áp dụng mà quy định nguyên tắc dừng ngay việc áp dụng khi xét thấy biện pháp này không còn cần thiết.

+ Ở Pháp quy định thời hạn áp dụng tối đa là 4 tháng đối với biện pháp chặn nghe bí mật phương tiện liên lạc viễn thông, cài đặt phương tiện ghi âm và ghi hình ảnh tại một số địa điểm hoặc một số phương tiện đi lại, nếu theo lệnh của Thẩm phán giám giữ Tòa thượng thẩm thì thời hạn áp dụng tối đa là 01 tháng, có thể gia hạn 01 lần (Điều 100-7; Điều 706-96 đến 706-101 Bộ luật TTHS Pháp)

+ Ở Hoa Kỳ quy định cụ thể thời hạn được áp dụng, ngừng việc áp dụng đối với từng biện pháp như thời gian giám sát, thiết bị điện tử để theo dõi không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày ban hành lệnh. Tòa án có thể gia hạn, mỗi lần không quá 45 ngày, việc cài đặt phải hoàn toàn không vượt quá 10 ngày.

Như vậy, có thể thấy rằng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đã được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới, trong đó các vấn đề cơ bản về áp dụng biện pháp này được quy định rất chặt chẽ, đảm bảo việc thực thi dưới sự kiểm soát của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và phục vụ tối ưu nhất cho quá trình điều tra vụ án hình sự, ưu tiên làm rõ tội phạm cũng như bảo vệ quyền về bí mật đời tư của công dân. Mặc dù, các biện pháp điều tra đặc biệt trong TTHS ở nước ta là một chế định mới, nhưng về cơ bản được quy định tương đối rõ ràng và cụ thể về đối tượng, thủ tục, thẩm quyền áp dụng. Từ việc nghiên cứu quy định của các nước trên thế giới cho thấy đây là biện pháp điều tra có ý nghĩa quan trọng trong TTHS, từ đó rút ra nhiều giá trị tham chiếu cho Việt Nam khi xây dựng chế định biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, cụ thể như sau:

- Một là, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt mang lại tính chính xác cao và là biện pháp bí mật nên nó hoàn toàn khách quan, có thể thu được những tài liệu thể hiện được rõ bản chất của đối tượng nên cũng có thể được áp dụng để kiểm tra hành động của người bị áp dụng biện pháp. Cơ sở thực hiện các biện pháp đều sử dụng phương tiện chuyên dụng nên hoàn toàn có thể so sánh được các nguồn

thông tin thu thập được có trùng khớp với nhau không; để có thể đưa ra kết luận một cách chính xác nhất về di biến động của đối tượng;

- *Hai là*, do hoạt động của các loại tội phạm nguy hiểm hoạt động bí mật, gây nguy hại cho an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, mà các biện pháp điều tra để làm rõ tội phạm này cũng phải được tiến hành bí mật mới có thể đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm. Mặt khác, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được tiến hành một cách độc lập bởi cơ quan nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân dưới sự phối hợp nhuần nhuyễn của các phương tiện khoa học kỹ thuật;

- *Ba là*, thực tiễn điều tra, chứng minh tội phạm thấy rằng các nhóm tội phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là một việc hết sức khó khăn, đây là một thách thức đối với các cơ quan tiến hành tố tụng. Bởi vì, trong điều tra tội phạm có một nguyên tắc là phải xử lý đúng người đúng tội và đúng pháp luật; phải có tài liệu chứng cứ chứng minh một cách chắc chắn, chứ không phải sự suy diễn hay nhận định. Do đó những tài liệu chứng cứ thu được từ các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là những chứng cứ có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của các đối tượng có liên quan, có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết vụ án hình sự.

- *Bốn là*, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt khi đã được áp dụng sẽ được tiến hành liên tục 24/24 giờ đảm bảo không sót lọt bất cứ hoạt động nào của đối tượng để từ đó có thể nhận biết được mọi hành động, âm mưu, thủ đoạn của đối tượng đã, đang và sắp tiến hành. Đồng thời, do việc giám sát được tiến hành liên tục nên sẽ phát hiện những tài liệu, chứng cứ quan trọng để có thể kịp thời ngăn chặn mọi hành động của đối tượng nhất là những đối tượng tội phạm manh động, liêu lĩnh như khủng bố, gián điệp... nếu không kịp thời phát hiện những âm mưu, hành động tiếp theo của chúng để kịp thời ngăn chặn thì chắc chắn sẽ xảy ra hậu quả khôn lường.

- *Năm là*, tiến hành các biện pháp tố tụng đặc biệt được Cơ quan điều tra thực hiện và chỉ thực hiện khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chỉ lực lượng chuyên trách mới được tiến hành các biện pháp tố tụng đặc biệt. Cán bộ thực hiện biện pháp đặc biệt chỉ biết về đối tượng mình tiến hành và không được cho người không liên quan biết về những việc mình đã và đang tiến hành nhằm bảo mật thông tin... đảm bảo yếu tố an toàn, bí mật cả về biện pháp và con người luôn được đặt lên hàng đầu. Thực hiện tốt yếu tố an toàn, bí mật sẽ giúp cho việc đảm bảo bí mật được tài liệu đấu tranh, tiến tới đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỔ TỤNG ĐẶC BIỆT VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN

1. Khái quát về tình hình tội phạm ở Việt Nam thời gian qua

Trong thập niên qua, thế giới và khu vực đã chứng kiến nhiều sự kiện quan trọng, tình hình kinh tế - xã hội toàn cầu diễn ra phức tạp. Đặc biệt chiến dịch quân sự đặc biệt giữa Nga và Ukraine; các cuộc xung đột sắc tộc, ly khai dân tộc, diễn ra ở nhiều khu vực với nhiều hình thức mới đã tác động sâu sắc làm thay đổi cục diện tình hình an ninh, chính trị thế giới. Tình trạng khủng bố xảy ra ở nhiều quốc gia với tính chất và quy mô khác nhau. Lợi dụng chiêu bài chống khủng bố, Mỹ và các nước đồng minh tăng cường các hoạt động can thiệp vào công việc nội bộ các nước làm cho tình hình ngày càng phức tạp, tác động ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh trật tự nước ta. Dịch bệnh Covid 19 hoành hành ở nhiều nơi, giá cả các mặt hàng chiến lược không ổn định và tăng cao đã gây ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội nhiều nước trong khu vực và trên thế giới trong đó có Việt Nam. Ở trong nước, các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chiến lược diễn biến hoà bình; lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, kích động bạo loạn và các đối tượng cực đoan tăng cường các hoạt động chống phá, chia rẽ đoàn kết dân tộc, làm cho tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, ngoại giao... Cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội được đẩy mạnh; an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thế và lực của Việt Nam ngày càng được củng cố, vững mạnh hơn bao giờ hết, vị trí Việt Nam ngày càng được khẳng định trên trường thế giới, hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện.

Tuy nhiên, tình hình tội phạm ở nước ta vẫn còn diễn biến phức tạp. Những năm gần đây, mỗi năm phát hiện trung bình trên 70 ngàn vụ phạm tội các loại, trong đó khoảng 50 ngàn vụ phạm tội về trật tự xã hội, trên 10 ngàn vụ phạm tội về kinh tế và gần 10 ngàn vụ phạm tội về ma túy. So với các nước trên thế giới và trong khu vực thì tình hình tội phạm ở Việt Nam chỉ ở mức trung bình thấp, nhưng tính chất phức tạp. Đáng lưu ý, tỷ lệ tội phạm ẩn ở nước ta cao, đặc biệt là trong lĩnh vực tội phạm về kinh tế, ma túy.³¹

³¹ <https://hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/tinh-hinh-toi-pham-o-viet-nam-9625-8.html>

Tội phạm tập trung chủ yếu ở các thành phố, thị xã, thị trấn (chiếm 70%). Các tuyến, địa bàn tội phạm xảy ra nhiều: năm thành phố lớn là Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ (chiếm 25% - 30% tổng số vụ phạm tội trên toàn quốc hàng năm); các tuyến Hà Nội và các tỉnh Đông Bắc (Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Giang...), thành phố Hồ Chí Minh - các tỉnh miền Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu...), các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (An Giang, Kiên Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang...), các tỉnh miền Trung - Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hoà, Bình Định...).

Các loại tội phạm hình sự nguy hiểm, sử dụng bạo lực, hình thành các băng, ổ nhóm, hoạt động có tổ chức phức tạp, tính chất, mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng, có sự móc nối với một số cán bộ công chức nhà nước, hoạt động lưu động, công khai, trắng trợn, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong nhân dân và thường tập trung vào một số loại tội phạm như: giết người; cướp tài sản; cố ý gây thương tích, giết người thuê; bảo kê nhà hàng, khách sạn, vũ trường, tổ chức các sòng bạc, cá độ, ma túy, mại dâm...

Xu hướng liên kết hình thành các băng, nhóm tội phạm ngày càng gia tăng rõ rệt, hoạt động có tính chất lưu động ở nhiều địa bàn khác nhau, gây nhiều loại án khác nhau. Ở một số địa phương xuất hiện loại tội phạm có tổ chức, hoạt động theo kiểu xã hội đen núp dưới nhiều vỏ bọc công khai như khách sạn, nhà hàng, nghiệp đoàn, doanh nghiệp tư nhân... Với tính chất côn đồ hung hãn, thủ đoạn tinh vi như bảo kê nhà hàng, cho vay nặng lãi, xiết nợ thuê, đâm thuê, chém mướn... hoạt động ngang nhiên, trắng trợn, táo bạo, thách thức pháp luật như: ở TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Quảng Ninh, Nam Định, Nghệ An, Khánh Hoà, Bình Thuận...

Tội phạm xuyên quốc gia, có tính quốc tế, tội phạm có yếu tố nước ngoài có chiều hướng gia tăng, đã xuất hiện một số băng nhóm tội phạm là người nước ngoài, hoặc các đối tượng là người Việt Nam câu kết với các đối tượng người nước ngoài để thực hiện các hành vi phạm tội như giết người, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép các chất ma túy, đưa người ra nước ngoài bất hợp pháp.... Từ sau khi đẩy mạnh điều tra triệt phá một số băng, nhóm tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu xã hội đen lớn, tình hình các băng, nhóm tội phạm có xu hướng “co lại” không còn hoạt động công khai, trắng trợn, thách thức pháp luật như trước nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Gần đây, đã phát hiện sự móc nối giữa các băng nhóm hoạt động trên nhiều tuyến, địa bàn, lĩnh vực; nổi lên một số băng, nhóm thanh, thiếu niên tụ tập, ăn chơi mêu thuẫn dẫn đến dùng dao, mã tấu đâm, chém lẫn nhau diễn ra phức tạp ở nhiều địa phương.

Cũng đã xuất hiện một số băng, nhóm tội phạm là người nước ngoài, hoặc các đối tượng là người Việt Nam câu kết với các đối tượng người nước ngoài để thực hiện các hành vi phạm tội như giết người, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép các chất ma túy, đưa người ra nước ngoài bất hợp pháp...

Các loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có giảm, nhưng còn diễn biến phức tạp Tội phạm giết người, trung bình mỗi năm xảy ra khoảng 1.000 vụ. Mặc dù số vụ án giết người đã được kiểm chế và có xu hướng giảm, nhưng tính chất ngày càng nghiêm trọng, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, gây ra tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Trong các vụ án giết người, giết người do nguyên nhân xã hội chiếm tỷ lệ cao (90%), có nhiều vụ nguyên nhân rất đơn giản chỉ vì mâu thuẫn, cãi, chửi nhau dẫn đến phạm tội. Đáng chú ý, tình trạng người thân trong gia đình giết nhau, như vợ giết chồng, chồng giết vợ, bố giết con, con giết bố, cháu giết ông... có xu hướng tăng. Số vụ giết người để cướp tài sản chỉ chiếm khoảng 10%. Tội phạm chống người thi hành công vụ gia tăng, xảy ra nghiêm trọng ở nhiều địa phương. Trong đó một số loại tội phạm tăng mạnh, như: số vụ giết người tăng 12,65%, cướp tài sản tăng 44,4%, cướp giật tăng 17,68%, lừa đảo chiếm đoạt tài sản tăng 61,52%, cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tăng 67,85%, gây rối trật tự công cộng tăng 80,75%..³²

Tội cướp tài sản trung bình mỗi năm xảy ra khoảng 1.600 vụ. Tuy nhiên, những vụ cướp đặc biệt nghiêm trọng, có sử dụng vũ khí nóng xảy ra nhiều, có những vụ diễn ra công khai, trắng trợn tại trung tâm thành phố, thị xã, thị trấn, đặc biệt là tình trạng dùng súng cướp các tiệm vàng giữa ban ngày ở khu vực đông dân cư và sẵn sàng chống trả quyết liệt khi bị phát hiện, truy bắt. Tình trạng cướp xe ô-m, cướp xe tắc xi xảy ra nhiều ở một số địa phương. Đặc biệt là các vụ cướp xe máy bằng thủ đoạn sử dụng thuốc mê; dùng gậy, vật cứng, bất ngờ tấn công chủ phương tiện rồi cướp xe, nhất là ở các địa bàn giáp ranh Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và một số địa phương khác. Đáng lưu ý là xu hướng hình thành các băng, nhóm tội phạm cướp mang tính tổ chức, hoạt động lưu động ở nhiều tỉnh, có nhiều đối tượng tham gia (làm quen qua chat, hoặc lập kế hoạch rủ nhau đi cướp thông qua mạng..).

Tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên tăng cao trong những năm gần đây, thậm chí hình thành những băng nhóm học sinh dùng dao lê, côn, kiếm... đâm chém, sát phạt lẫn nhau. Hoạt động cờ bạc, cá độ bóng đá xảy ra phức tạp, đã phát

³² <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/nam-2023-kho-khan-ve-kinh-te-lam-tang-dieu-kien-phat-sinh-toi-pham-139868.html#:~:text=Theo%20b%C3%A1o%20c%C3%A1o%20c%E1%BB%A7a%20Ch%C3%ADnh%20ph%E1%BB%A7%2C%20n%C4%83m%202023%2C%20t%C3%ACnh%20h%C3%ACnh,nhi%E1%BB%81u%20%C6%A1n%2051%2C63%25.>

hiện một số đường dây cá độ bóng đá lớn (vụ cá độ bóng đá ở TP. Hồ Chí Minh do Hồ Thị Ngọc Lan cầm đầu với số tiền 2,3 tỷ đồng và 903.870 USD; vụ cá độ, dàn xếp tỷ số liên quan đến nhiều trọng tài, cầu thủ, huấn luyện viên...).

Tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em (PNTE) có chiều hướng gia tăng và ngày càng nghiêm trọng. Tại Việt Nam, theo báo cáo của các đơn vị, địa phương, từ năm 2010 đến tháng 6/2023, đã phát hiện xảy ra gần 3.500 vụ, với 5.000 đối tượng, lừa bán gần 7.500 nạn nhân. Riêng từ năm 2019 đến nay, đã phát hiện xảy ra hơn 370 vụ, với gần 500 đối tượng, lừa bán hơn 550 nạn nhân. Tội phạm mua bán người đã xuất hiện trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố.³³ Nạn nhân không chỉ là phụ nữ, trẻ em, mà đã xuất hiện tình trạng mua bán nam giới, mua bán trẻ sơ sinh, bào thai, mua bán nội tạng, đẻ thuê... Trong đó, có nhiều vụ mua bán trẻ sơ sinh, bào thai sang Trung Quốc; mua bán nội tạng; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. Đáng chú ý, gần 85% số vụ mua bán người ra nước ngoài, tập trung chủ yếu qua các tuyến biên giới giữa Việt Nam với Campuchia, Lào và Trung Quốc, trong đó, sang Trung Quốc chiếm 75%.

Tình hình tội phạm tham nhũng, kinh tế, buôn lậu còn diễn biến rất phức tạp; số vụ phạm tội về trật tự quản lý kinh tế được phát hiện nhiều hơn 11,69%; số vụ phạm tội về tham nhũng và chức vụ được phát hiện nhiều hơn 51,63%. Tội phạm về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm còn xảy ra phổ biến trên nhiều lĩnh vực, địa bàn; số vụ được phát hiện nhiều hơn 18,87%.³⁴ Tội phạm tham nhũng, tình trạng tiêu cực xảy ra ở nhiều cấp, nhiều ngành, nhất là trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư, xây dựng cơ bản, vi phạm quản lý đất đai..., gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Có một số vụ án lớn, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng như: vụ Kist test Việt Á, chuyên bay giải cứu... gây thiệt hại hàng ngàn tỷ đồng. Nguy hiểm hơn là chúng đã làm tha hoá một bộ phận cán bộ công chức trong các cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang... làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Trong những năm qua, mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều giải pháp đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, nhưng hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện, đưa ra ánh sáng còn ít. Gần đây xuất hiện loại tội phạm làm giả cổ phiếu chứng khoán, lừa đảo trong đầu tư chứng khoán, lừa đảo qua mạng, thâm nhập vào mạng để lấy cắp tiền ở tài khoản của cá nhân hoặc của ngân hàng, lấy cắp thông tin cá nhân để làm thẻ tín dụng giả hoặc bán cho đối tượng phạm tội khác... Điển hình như vụ Trịnh Văn Quyết, Tân Hoàng Minh...

³³ https://congan.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/wbj7qfWZntAi/content/id/7012400

³⁴ <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/tinh-hinh-toi-pham-tham-nhung-kinh-te-buon-lau-con-dien-bien-rat-phuc-tap-752385>

Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại và lợi dụng chính sách hoàn thuế VAT vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Các vụ buôn lậu xảy ra nhiều ở khu vực biên giới, tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia qua các đường buôn bán tiểu mạch, tại các cửa khẩu, đường biển, đường hàng không vào Việt Nam xảy ra rất nghiêm trọng mà chưa có giải pháp hữu hiệu để giải quyết tình trạng này. Tội phạm buôn lậu thường kéo theo cùng với một số loại tội phạm khác như kinh doanh trái phép, làm hàng giả, trốn thuế và đi cùng với tội đưa và nhận hối lộ làm tha hoá một số lớn đội ngũ cán bộ công chức nhà nước trong các ngành thuế vụ, hải quan, công an v.v... Điển hình như vụ án Nguyễn Thị Kim Hạnh(Mười Tường), truy tố 24 bị can, trong đó có một số bị can là cán bộ Công an; vụ buôn lậu xăng, dầu ở Đồng Nai cũng tương tự.

Tình hình sản xuất, buôn bán hàng giả; vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ tiền giả diễn ra phức tạp ở hầu hết các vùng, miền trong cả nước. Hình thành những tổ chức, đường dây sản xuất, vận chuyển ở thôn Thống Nhất xã Thủ Sỹ tiêu thụ tiền giả mang tính chuyên nghiệp ở từng cung đoạn khác nhau. Bên cạnh tiền Đồng Việt Nam giả, các loại ngoại tệ, séc, thẻ tín dụng giả xuất hiện và có chiều hướng gia tăng. Tội phạm lừa đảo trong lĩnh vực đưa người đi xuất khẩu lao động, tội phạm tẩy rửa tiền, tội phạm sử dụng công nghệ cao,... đã xuất hiện trong những năm gần đây.

Tội phạm về ma túy ngày càng diễn biến phức tạp. Tính riêng năm 2023, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đã khám phá thành công 26.469 vụ, bắt giữ 41.419 đối tượng phạm tội về ma túy, trong đó có 26 đối tượng là người nước ngoài. Thu giữ 512kg heroin, 5,3 tấn ma túy tổng hợp, 500kg cần sa, 330kg cocain. Triệt xóa 79 điểm, 11 tụ điểm phức tạp về ma túy. Bắt, vận động đầu thú; thanh loại: 379 đối tượng truy nã về ma túy³⁵. Nguồn ma túy từ nước ngoài vào Việt Nam chưa giảm, tập trung trên các tuyến biên giới, phần lớn là các tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy (chiếm 71%); tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy chiếm 12%. Thành phần người phạm tội ma túy cũng rất phức tạp: Thanh thiếu niên học sinh, sinh viên, đảng viên, công nhân viên chức, người nước ngoài, nông dân, phụ nữ, thậm chí có cả trẻ em phạm tội. Thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm ma túy thường rất tinh vi, xảo quyệt, được tổ chức một cách chặt chẽ, sẵn sàng sử dụng bạo lực, tấn công, chống trả quyết liệt với các lực lượng đấu tranh chống tội phạm ma túy.

³⁵ <https://nhandan.vn/5-dau-an-noi-bat-nam-2023-cua-luc-luong-can-sat-dieu-tra-toi-pham-ve-ma-tuy-post789899.html#:~:text=N%C4%83m%202023%2C%20%E1%BB%B1c%20%C6%B0%E1%BB%A3ng%20C%E1%BA%A3nh,500kg%20c%E1%BA%A7n%20sa%2C%20330kg%20cocain.>

Tình hình tội phạm xảy ra như trên đã tác động làm xuất hiện một số vấn đề xã hội bức xúc như mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân tuy đã được tập trung giải quyết, nhưng vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt là tình hình khiếu kiện, tranh chấp đất đai hình thành điểm nóng, ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở một số địa phương. Các loại tệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc... chưa giảm, hoạt động dưới nhiều hình thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi. Tội phạm vi phạm trật tự an toàn giao thông, đua xe trái phép, vấn đề tai nạn giao thông đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội.

Đấu tranh phòng chống tội phạm là nhiệm vụ vô cùng quan trọng nhằm ổn định chính trị, tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, đạt mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh”. Để đạt được điều đó đòi hỏi phải đấu tranh kiên quyết với tất cả các loại tội phạm, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, từng bước loại bỏ chúng ra khỏi đời sống xã hội. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của mọi cấp, mọi ngành, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đại hội XIII của Đảng.

Từ thực tiễn trên đề nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm thì việc nâng cao hiệu quả công tác điều tra khám phá tội phạm là cần thiết, trong đó có việc nâng tầm hiệu quả việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt vào quá trình điều tra giải quyết vụ án hình sự, tuy nhiên khi đánh giá khảo sát việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt ở các địa phương thì có thể nhận thấy, Cơ quan điều tra ở địa phương hạn chế áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt vì còn một số khó khăn, vướng mắc trong các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự cũng như về trang thiết bị, phương tiện khi áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong thực tiễn.

2. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

- Một là, về tên gọi và số lượng các biện pháp điều tra đặc biệt quy định tại Điều 223, Bộ luật TTHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021 quy định:

“Điều 223. Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Sau khi khởi tố vụ án, trong quá trình điều tra, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt:

1. Ghi âm, ghi hình bí mật;
2. Nghe điện thoại bí mật;
3. Thu thập bí mật dữ liệu điện tử.”

Như vậy, theo quy định của Bộ luật TTHS hiện nay có ba biện pháp: Ghi âm, ghi hình bí mật; Nghe điện thoại bí mật; Thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Theo tác giả, trong giai đoạn hiện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra rất mạnh mẽ, “theo nhận định của nhiều chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trên thế giới, loài người hiện nay đang bước vào một giai đoạn phát triển mới có sự thay đổi toàn diện về nền tảng công nghệ, cách thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, phương thức sinh hoạt và quản trị xã hội”³⁶ là điều kiện để phát triển mọi mặt kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, bên cạnh đó cũng phát sinh nhiều loại tội phạm mới, với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi và phức tạp đòi hỏi phải có nhiều biện pháp điều tra đặc biệt nhằm xử lý các loại tội phạm này. Do đó, cần mở rộng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phù hợp với sự phát triển của xã hội, nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý tội phạm trong tình hình mới. Ngoài ra, trong nền tảng công nghệ thông tin hiện nay thì ngoài việc sử dụng điện thoại để liên lạc, mọi người còn sử dụng máy tính, ipad hoặc các phương tiện điện tử khác để truyền tải thông tin, vậy nghe và ghi nhận các thông tin này có được xác định là nghe điện thoại bí mật hay không? Đây cũng là vấn đề nhà làm luật cần nghiên cứu và lưu ý.

- Hai là, việc quy định các trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, quy định tại Điều 224 Bộ luật TTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021:

“Điều 224. Trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Có thể áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các trường hợp:

1. Tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền;
2. Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.”

Từ thực tiễn, cũng như nhận thức chúng ta thấy rõ việc áp dụng các biện pháp điều tra đặc biệt dễ dẫn đến tình trạng xâm phạm quyền con người, quyền công dân, nên sẽ phải quy định rất chặt chẽ, và trong việc thực hiện pháp luật phải luôn chú trọng đến vấn đề này. Do đó, việc hạn chế các trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là cần thiết, tuy nhiên cần đánh giá tính chất mức độ, hậu quả của các loại tội phạm để có quy định phù hợp, đồng bộ. Theo quy định tại Điều 224, Bộ luật TTHS 2015, sửa đổi bổ sung 2021, cơ quan điều tra chỉ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các tội phạm thuộc trường hợp: Tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt

³⁶ TS. Phan Chí Hiếu – TS. Nguyễn Văn Cương, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2019, tr. 9.

ngghiêm trọng.” Quy định như vậy phù hợp với với các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, tránh tình trạng áp dụng tràn lan, xâm phạm quyền con người, quyền công dân. **Tuy nhiên**, theo tác giả, Điều 224, Bộ luật TTHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021 quy định chưa đủ các tội phạm thuộc trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC)³⁷ xác định hồi lộ, môi giới hồi lộ... là các hành vi tham nhũng và được sử dụng “kỹ thuật điều tra đặc biệt”, cụ thể:

“Điều 50. Kỹ thuật điều tra đặc biệt

1. Để chống tham nhũng có hiệu quả, trong phạm vi cho phép của các nguyên tắc căn bản của hệ thống pháp luật nước mình và theo các điều kiện được quy định trong pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi có thể nhằm cho phép các cơ quan chức năng sử dụng hình thức vận chuyển có kiểm soát và khi thích hợp sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt, chẳng hạn như giám sát điện tử hoặc các hình thức giám sát khác, hoạt động chìm, trong lãnh thổ nước mình để đảm bảo chứng cứ thu được từ việc áp dụng các kỹ thuật này được chấp nhận tại tòa án.”³⁸

Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS) không coi Tội đưa hối lộ, Tội môi giới hối lộ và Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi là các tội phạm về tham nhũng ở Mục 1 Chương XXIII BLHS, quy định tại Mục 2 - Các tội phạm khác về chức vụ. Tuy nhiên, các tội phạm này có mối quan hệ và thường xảy ra cùng với các tội phạm về tham nhũng, nếu không áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng và sẽ khó thực hiện được việc thu thập thông tin, tài liệu để đấu tranh chống tham nhũng trong tình hình hiện nay.

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 224, Bộ luật TTHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định Tội khùng bớ³⁹ thuộc trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố

³⁷ Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) là văn kiện quốc tế đầu tiên có hiệu lực đối với các thành viên ở phạm vi toàn cầu trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng. Công ước có hiệu lực kể từ ngày 14-12-2005. Nội dung của Công ước bao gồm 8 chương, 71 điều quy định về các biện pháp mang tính phòng ngừa và xử phạt, hợp tác quốc tế và thu hồi tài sản tham nhũng nhằm tạo ra một khuôn khổ pháp lý toàn diện thúc đẩy công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở tất cả các thành viên. Việc đàm phán, ký kết và thông qua Công ước khẳng định quyết tâm và sự đồng thuận cao về sự cần thiết phải có những nỗ lực chung nhằm giải quyết thách thức do tham nhũng gây ra đối với tất cả các quốc gia. Tính đến ngày 6-2-2020, Công ước đã có 187 thành viên, trong đó có 181 quốc gia là thành viên của Liên hợp quốc (trên tổng số 193 quốc gia là thành viên của Liên hợp quốc). Công ước đang ngày càng trở thành một trong các điều ước quốc tế phổ cập khi được dẫn chiếu trong nhiều điều ước quốc tế song phương và đa phương, đặc biệt là trong những cam kết về chống tham nhũng trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Ngày 30-6-2009, Chủ tịch nước ký Quyết định số 950/2009/QĐ-CTN, “Về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng”

³⁸ Khoản 1, Điều 50, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng

³⁹ Điều 299, BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

tụng đặc biệt, nhưng không quy định Tội tài trợ khủng bố⁴⁰. Tội tài trợ khủng bố cũng không phải là “tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” để áp dụng biện pháp điều tra theo quy định của Bộ luật TTHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021. Thực tiễn cho thấy, hành vi khủng bố và tài trợ khủng bố, có mối quan hệ chặt chẽ, hành vi tài trợ khủng bố thường đi liền và tạo điều kiện thuận lợi để hành vi khủng bố được thực hiện.

Do vậy, Bộ luật TTHS 2015, sửa đổi bổ sung 2021 không quy định Tội tài trợ khủng bố, tội rửa tiền thuộc trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cũng là bất cập chưa phù hợp, do vậy cần nghiên cứu sửa đổi trong thời gian tới, bổ sung cái trường hợp được áp dụng các biện pháp điều tra đặc biệt với các tội này..

- Ba là, về thẩm quyền quyết định áp dụng, thẩm quyền yêu cầu quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Thẩm quyền quyết định áp dụng, thẩm quyền yêu cầu quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được quy định tại khoản 1 Điều 225 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), cụ thể:

“Điều 225. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định và thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên tự mình hoặc theo yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp huyện, Cơ quan điều tra quân sự khu vực thụ lý, điều tra thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự khu vực đề nghị Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu xem xét, quyết định áp dụng.”

Việc quy định như trên, làm phát sinh vướng mắc sau:

+ Điều luật chỉ quy định Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh và Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên có quyền quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, mà *không quy định Thủ trưởng Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Thủ trưởng Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự Trung ương*. Do đó, Thủ trưởng Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Thủ trưởng CQĐT Viện kiểm sát quân sự Trung ương không có quyền áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các tội phạm thuộc trường hợp

⁴⁰ Điều 300, BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

quy định tại Điều 224 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), trong đó có tội phạm về tham nhũng. Trong khi đó, khoản 3 Điều 163 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định CQĐT Viện kiểm sát nhân dân tối cao và CQĐT Viện kiểm sát quân sự Trung ương có thẩm quyền điều tra các tội phạm về tham nhũng khi các tội phạm này xảy ra trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc CQĐT, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp. Quy định như vậy không tương thích với quy định khác của Bộ luật TTHS và làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

+ **Về thẩm quyền yêu cầu quyết định áp dụng:** khoản 1 Điều 225 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, *không quy định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương*. Như vậy, nếu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Bộ Công an hoặc Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng thì *Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương không có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*. Trong khi đó, khoản 3 Điều 225 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) lại quy định: *“Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành”*. Quy định như vậy chưa hợp lý và đồng bộ, bởi Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên không có quyền yêu cầu, chỉ có quyền phê chuẩn, trong khi Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới có cả quyền yêu cầu và quyền phê chuẩn.

- *Bốn là, về sử dụng thông tin, tài liệu thu thập còn những bất cập, hạn chế:*

Cụ thể, theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật TTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, quy định:

“Điều 227. Sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

1. Thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự; thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời.

Nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác.”

Điều luật chỉ quy định thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được *“sử dụng vào việc khởi tố”*, mà không quy định rõ là

khởi tố vụ án hay khởi tố bị can. Do vậy, “việc khởi tố” được hiểu là khởi tố vụ án và khởi tố bị can. Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể được tiến hành trước khi khởi tố vụ án để thu thập thông tin, tài liệu phục vụ việc khởi tố. Tuy nhiên, nếu hiểu như vậy sẽ mâu thuẫn với quy định “sau khi khởi tố vụ án, trong quá trình điều tra, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt” tại Điều 223 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Vì biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được áp dụng sau khi đã khởi tố vụ án, nên khi chưa có quyết định khởi tố vụ án thì chưa có biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và cũng chưa thu thập được các thông tin, tài liệu thông qua biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nên các thông tin, tài liệu thu thập được thông qua biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ có thể được sử dụng vào việc khởi tố bị can, điều tra, truy tố và xét xử.

Như vậy, khoản 1 Điều 227 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) còn thiếu sót khi không quy định rõ thông tin, tài liệu *chỉ được sử dụng vào khởi tố bị can, không được sử dụng vào việc khởi tố vụ án*.

+ Bất cập trong việc quy định về sử dụng và tiêu hủy thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Khi áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Cơ quan điều tra có thể thu thập được thông tin, tài liệu liên quan đến *tội phạm khác không thuộc vụ án đang điều tra*. Những thông tin, tài liệu nếu có đủ cơ sở để khởi tố vụ án, khởi tố bị can về một tội phạm khác thì Cơ quan điều tra cũng không được sử dụng, do khoản 1 Điều 227 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định: “*Thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời*”.

Quy định này không hợp lý, không cần thiết phải tiêu hủy những thông tin, tài liệu nêu trên, về bản chất, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là biện pháp điều tra được Cơ quan điều tra tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật TTHS qua việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật. Khi Cơ quan điều tra tiến hành thì đã được Viện kiểm sát phê chuẩn.

Những thông tin, tài liệu thu thập được qua tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt hoàn toàn khách quan, đúng với những gì xảy ra trên thực tế. Nếu tiêu hủy những thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án đang điều tra nhưng liên quan đến tội phạm khác chưa được khởi tố có thể dẫn đến bỏ lọt tội phạm vì CQĐT không thu thập lại được những thông tin, tài liệu khác có giá trị chứng minh, vì đối tượng có thể chỉ thực hiện tội phạm một lần hoặc đã kịp thời che giấu tội phạm, mà CQĐT không thể mở rộng điều tra.

Bên cạnh đó nếu có thể thu thập lại những thông tin, tài liệu khác liên quan đến tội phạm chưa được khởi tố, Cơ quan điều tra sẽ phải quyết định áp dụng lại biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt sau khi đã khởi tố vụ án, trong khi không thể sử dụng những thông tin, tài liệu thu thập được từ lần áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trước để làm căn cứ khởi tố, do Bộ luật TTHS không cho phép và đã tiêu hủy. Việc tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nhiều lần như vậy sẽ không bảo đảm tính nhanh chóng, toàn diện của hoạt động điều tra, mất thời gian, tốn kém kinh phí, trong khi trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật hiện nay chưa đủ đáp ứng yêu cầu của hoạt động điều tra.

Hoặc đối với những trường hợp thay đổi sang tội danh khác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nhưng không thuộc nhóm tội theo quy định tại Điều 224 Bộ luật TTHS năm 2015 (Tội xâm phạm An ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng).

Thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, đặc biệt các tội phạm xâm phạm ANQG, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác, việc xác định trên thực tế có hành vi phạm tội xảy ra hay không chỉ là bước thu thập tài liệu, chứng cứ và căn cứ ban đầu để khởi tố vụ án hình sự. Để làm rõ hành vi phạm tội, ai là người phạm tội, các tình tiết khác xung quanh vụ án hình sự đòi hỏi Cơ quan điều tra cần phải tiến hành hàng loạt các biện pháp điều tra khác nhau để kiểm tra, xác minh cũng như kết luận các vấn đề xung quanh vụ án. Một số trường hợp thu thập được thêm các tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi tội danh ban đầu, Cơ quan điều tra phải ra quyết định thay đổi tội danh khởi tố. Hoặc trong trường hợp vì yêu cầu chính trị, pháp luật, nghiệp vụ cần thiết phải chuyển đổi tội danh đối với tội phạm An ninh quốc gia sang tội phạm hình sự thường.

Như vậy, nếu chỉ quy định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các nhóm tội như quy định tại Điều 224 là khó khăn cho Cơ quan điều tra. Kết quả của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trước đó có được sử dụng làm chứng cứ chứng minh đối với tội phạm theo tội danh đã thay đổi hay không. Do đó, cần phải có những phương án linh hoạt trong các trường hợp này.

Trong trường hợp phát hiện tội phạm mới (không thuộc nhóm tội như quy định tại Điều 224) thì Cơ quan điều tra phải ra quyết định khởi tố bổ sung, trong trường hợp này Cơ quan điều tra có được sử dụng kết quả của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đã áp dụng làm căn cứ khởi tố, điều tra hay không hoặc có được áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với tội phạm mới xảy ra hay không. Đây là vấn đề đòi hỏi cần phải có sự tính toán, nghiên cứu một cách kỹ lưỡng.

- *Thứ năm*, hạn chế khó khăn về thời hạn áp dụng. Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành, đồng thời Viện kiểm sát cũng là cơ quan xem xét, quyết định việc gia hạn hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp này. Tuy nhiên, trong Bộ luật TTHS năm 2015 chưa đề cập đến thời hạn xem xét quyết định phê chuẩn để áp dụng, lý do từ chối phê chuẩn, gia hạn hoặc căn cứ hủy bỏ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Những vấn đề này cần phải được cụ thể hóa trong thông tư liên tịch để đảm bảo việc tổ chức thực hiện được thuận lợi.

Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đòi hỏi phải chặt chẽ và tiến hành cấp bách, tuy nhiên trong Bộ luật TTHS lại chưa quy định trong khoảng thời gian bao lâu thì quyết định áp dụng biện pháp điều tra đặc biệt của thủ trưởng Cơ quan Điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp quân khu trở lên được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn để thi hành.

Thứ sáu, hạn chế khó khăn về thông tin, tài liệu thu thập được: Điều 223 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được áp dụng sau khi khởi tố vụ án. Đây cũng là một vấn đề khó khăn vì sau khi khởi tố vụ án để điều tra công khai, việc áp dụng biện pháp này mặc dù là bí mật song các đối tượng đã biết trước nên có sự đề phòng, có thủ đoạn đối phó và thông tin thu được sẽ ít có giá trị chứng minh tội phạm, thậm chí là thông tin giả gây nhiễu cho quá trình điều tra, chứng minh vụ án hình sự.

Mặt khác, Điều 227 Bộ luật TTHS năm 2015 cũng quy định Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo ngay kết quả áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cho Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn. Như vậy, thông tin tài liệu thu được bằng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được ít nhất 3 cơ quan nắm giữ đó là cơ quan điều tra, viện kiểm sát và cơ quan chuyên trách. Do đó, việc quản lý, tiêu hủy để tránh làm lộ, xâm phạm quyền bí mật đòi tư là rất phức tạp.

Trong trường hợp các thông tin, tài liệu được thu thập từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được sử dụng làm chứng cứ thì thuộc nhóm chứng cứ nào theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015. Căn cứ theo Bộ luật Tố tụng hình sự, chứng cứ được sử dụng trong tố tụng hình sự gồm có 7 loại.

Đối với biện pháp thu thập dữ liệu điện tử, thì tài liệu, thông tin thu thập được có thể được xếp vào nhóm chứng cứ là dữ liệu điện tử. Nhưng với ba biện pháp còn lại gồm bí mật ghi âm, bí mật ghi hình, và nghe điện thoại bí mật thì tài liệu, thông tin được thu thập là các tệp hình ảnh, âm thanh thì nên được xếp vào loại chứng cứ nào thì vẫn là câu hỏi mở. Bởi lẽ, nếu xếp các loại thông tin

đó vào dữ liệu điện tử thì không phù hợp với sự phân loại về biện pháp thu thập khi các nhà làm luật đã quy định thu thập bí mật dữ liệu điện tử là một hoạt động riêng biệt với các hoạt động khác. Mặt khác, nếu xếp vào nhóm tài liệu, đồ vật khác thì không phù hợp với định nghĩa của luật. Cụ thể, Điều 104 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định những tình tiết liên quan đến vụ án ghi trong tài liệu, đồ vật do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp có thể được coi là chứng cứ. Có nghĩa là nhóm chứng cứ các tài liệu, đồ vật khác phải được cung cấp bởi cơ quan, tổ chức, cá nhân chứ không phải ời hoạt động thu thập chủ động của cơ quan điều tra. Như vậy, tính chất pháp lý của các tài liệu, thông tin được sử dụng làm chứng cứ chưa được xác định rõ.

Trong trường hợp nào thì các tài liệu, thông tin này được trở thành chứng cứ, và quy trình để các tài liệu, thông tin này trở thành chứng cứ cũng không được luật đề cập đến. Điều 227 Bộ luật TTHS năm 2015 chỉ quy định thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án thì phải được tiêu hủy kịp thời và thông tin, tài liệu (có liên quan) có thể được sử dụng làm chứng cứ. Như vậy, để một tài liệu, thông tin được dùng làm chứng cứ thì phải có hai thuộc tính là “có liên quan vụ án” và “được sử dụng”. Hai thuộc tính trên là rất mơ hồ và chưa rõ ràng, đồng thời, việc chưa minh định hóa quy trình chuyển hóa các tài liệu, thông tin trở thành chứng cứ sẽ dẫn đến việc xử lý các tài liệu, thông tin này trở nên khó khăn.

Có một khoảng hở về hướng xử lý các thông tin, tài liệu được thu thập từ các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Một mặt, các thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ án có thể được sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án hình sự. Mặt khác, các thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án cần phải được tiêu hủy kịp thời. Như vậy, hướng xử lý đối với các thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ án, nhưng không được người có thẩm quyền sử dụng như là chứng cứ trong vụ án thì chưa được đề cập đến. Liệu các tài liệu, thông tin đó có thể được lưu trữ như một phần của hồ sơ vụ án hay phải bị tiêu hủy để đảm bảo các quyền tự do về đời tư của cá nhân vẫn là câu hỏi mở.

Do cơ sở pháp lý trong tố tụng hình sự của các biện pháp nghiệp vụ trình sát chưa được chặt chẽ nên khi áp dụng để hỗ trợ điều tra vụ án hình sự với tư cách là các biện pháp điều tra đặc biệt có thể gặp phải những rủi ro nhất định đối với chủ thể tiến hành, có thể xảy ra tình trạng lạm dụng, lộ bí mật nghiệp vụ, xâm phạm đến quyền được bảo vệ bí mật đời tư của công dân. Hơn nữa, không phải trường hợp nào cũng dễ dàng chuyển hóa các thông tin, tài liệu thu được thành chứng cứ. Trong những trường hợp không chuyển hóa được thì việc điều tra gặp rất nhiều khó khăn. Điển hình như các vụ án liên quan đến sử dụng mạng Internet hoạt động

phạm tội xâm phạm An ninh quốc gia gần đây (vụ Nguyễn Hữu Vinh, Trương Duy Nhất, Nguyễn Văn Hải, Trần Huỳnh Duy Thức...) việc Cơ quan điều tra chuyên hóa thông qua tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố của công ty cung cấp dịch vụ mạng FPT, VDC là chưa thuyết phục (vì đối tượng sử dụng dịch vụ của các công ty nước ngoài như Google, Facebook...) và cũng không phải dễ dàng trong hợp tác.

- Bốn là, về thực tiễn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Qua nghiên cứu và trao đổi với một số lãnh đạo của một số đơn vị Công an địa phương như Đắk Lắk, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tây Ninh... thì hiện nay trong quá trình điều tra đối với các loại tội phạm đủ điều kiện để áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, các địa phương không lựa chọn sử dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt mà thường ưu tiên sử dụng biện pháp nghiệp vụ trinh sát vì trong quá trình tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thường gặp nhiều khó khăn trong công tác phối hợp lực lượng, thủ tục tiến hành và đặc biệt trong việc báo cáo với Viện kiểm sát trong việc sử dụng kết quả việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt...

3. Đánh giá thực tiễn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

a) Ưu điểm

- Một là, Bộ luật TTHS năm 2015 đã xây dựng hệ thống cơ sở pháp lý làm căn cứ cho việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thống nhất, đồng thời liên ngành tư pháp trung ương cũng đã có hướng dẫn cụ thể về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như Thông tư liên tịch 04/TTLT năm 2018 hoặc Thông tư 11/TT-BCA năm 2020 hướng dẫn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với Cơ quan điều tra của Công an nhân dân.

- Hai là, Vai trò, tầm quan trọng của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong phát hiện, điều tra tội phạm đã và đang ngày càng được khẳng định. Việc ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nhằm phát hiện, điều tra tội phạm đã ngày càng được chú trọng, được xem như là một trong những giải pháp nhằm nâng cao năng lực công tác của lực lượng cũng như trong phát hiện, điều tra các loại tội phạm.

- Ba là, thông qua tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt sẽ giúp Cơ quan điều tra thu được nhiều thông tin, tài liệu về hoạt động của nhiều đường dây, ổ nhóm tội phạm, trong đó có nhiều đường dây, ổ nhóm hoạt động mang tính quốc tế từ đó chủ động xác lập nhiều chuyên án đấu tranh kịp thời bắt giữ các đối tượng, thu giữ các chất ma túy, tài sản tham nhũng, hoạt động xâm hại và đe dọa đến An ninh quốc gia.

- Bốn là, Quá trình tổ chức tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chấp hành đúng các quy định của Đảng, Nhà nước và ngành Công an, chưa để xảy ra vi phạm gì. Bảo đảm an toàn bí mật trong quá trình thực hiện, không để lộ biện pháp nghiệp vụ với đối tượng, quan hệ đối tượng trong vụ án, không để phương tiện nghiệp vụ rơi vào tay các đối tượng.

- Năm là, Cơ quan điều tra đã linh hoạt, sáng tạo trong quá trình tổ chức tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Bên cạnh việc khai thác, sử dụng một cách hiệu quả các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong phát hiện, điều tra vụ án, Cơ quan điều tra, cơ quan chuyên trách có thẩm quyền tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt còn chú trọng củng cố, mở rộng quan hệ phối hợp với các lực lượng trong và ngoài ngành Công an nhất là lực lượng KTNVI, KTNVII, ngoại tuyến và các nhà cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông... nhằm khai thác thế mạnh về khoa học công nghệ và phương tiện kỹ thuật của các lực lượng trong tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Qua đó, nâng cao chất lượng, hiệu quả tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cũng như hiệu quả công tác phát hiện, điều tra vụ án.

b) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên quá trình tổ chức tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt vẫn còn một số tồn tại hạn chế sau:

Thứ nhất, Việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nhìn chung mới chỉ phát huy vai trò trong điều tra tội phạm, vai trò trong phòng ngừa phát hiện tội phạm của hoạt động này chưa rõ nét. Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được tiến hành nhìn chung còn đơn giản, ngoài một số hoạt động giám sát điện thoại di động, kiểm soát Internet, giám sát di động GMS... nhìn chung việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của các cơ quan điều tra đặc biệt là cấp tỉnh, huyện chủ yếu hỗ trợ cho các biện pháp nghiệp vụ khác, phổ biến là theo dõi, giám sát và trinh sát nội tuyến, đặc tình.

Thứ hai, trong phối hợp với các lực lượng nghiệp vụ khác để tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

- Quá trình phối hợp với các lực lượng chuyên trách của Bộ Công an, lực lượng Cảnh sát điều tra chưa khai thác được hết các thế mạnh của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong phát hiện, điều tra tội phạm. Nhìn chung, lực lượng Cảnh sát điều tra mới chỉ chú trọng khai thác ưu thế của biện pháp kiểm tra đối tượng qua viễn thông mà chủ yếu là hoạt động liên lạc bằng điện thoại qua các tổng đài trong nước và một số ít qua cổng quốc tế. Việc khai thác thế mạnh của các điều tra tố tụng đặc biệt nhìn chung hiệu quả chưa cao. Trong mối quan hệ

này, Cơ quan điều tra chưa chủ động trong thiết lập quan hệ phối hợp hoặc tổ chức triển khai hiệu quả quan hệ phối hợp trong quá trình tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Còn có đơn vị chưa quan tâm trao đổi thông tin về đặc điểm, thói quen, diễn biến vụ án liên quan trực tiếp đến đối tượng để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát tiếp theo về hoạt động của đối tượng.

Thứ ba, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra trong áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chưa thường xuyên, liên tục, cụ thể chưa quan tâm chỉ đạo việc sử dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong điều tra vụ án hình sự; chưa chủ động chỉ đạo phối hợp với các lực lượng trong và ngoài ngành Công an để tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phục vụ hoạt động phát hiện, điều tra tội phạm trong các trường hợp luật định...

Thứ tư, quản lý, khai thác sử dụng tài liệu từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong phát hiện, điều tra còn hạn chế

Việc quản lý, khai thác sử dụng tài liệu khi tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt ngoài những khó khăn do quy định của Bộ luật TTHS thì còn tình trạng giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa có sự thống nhất khi sử dụng kết quả từ hoạt động này làm chứng cứ, dẫn đến khi báo cáo kết quả từ việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt Viện kiểm sát thường yêu cầu làm rõ thêm về trình tự tiến hành hoặc yêu cầu phải tiến hành chuyển hóa thành chứng cứ, dẫn đến mất đi tính kịp thời trong quá trình chứng minh vụ án hình sự.

Các tài liệu thu được từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt tiến hành chưa được lưu giữ, quản lý khoa học, tiềm ẩn nguy cơ bị mất, thất lạc và phát tán ra bên ngoài cao. Ngoài ra, thực tiễn cũng cho thấy biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt hiện nay mới chỉ phát huy vai trò của mình trong điều tra tội phạm, trong phòng ngừa, phát hiện tội phạm vai trò của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chưa cao, chưa tương xứng với vai trò, vị trí, tác dụng của biện pháp này trong phòng, chống tội phạm.

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Qua nghiên cứu cho thấy nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên bao gồm:

Một là, nhận thức của một số Điều tra viên, cán bộ điều tra về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chưa đúng, nhiều người vẫn nhầm lẫn đây là biện pháp nghiệp vụ trinh sát. Một số cán bộ điều tra được đào tạo chuyên ngành Điều tra hình sự tại các trường Công an nhân dân trước khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được ban hành và có hiệu lực thi hành có nhận thức rất sâu sắc về các biện pháp điều

tra thông thường. Tuy nhiên, trong thời gian học tập tại các Trường, họ được xác định các biện pháp ghi âm, ghi hình bí mật; nghe bí mật điện thoại hay thu thập bí mật dữ liệu điện tử, tức là có yếu tố “bí mật” thuộc về các biện pháp nghiệp vụ trinh sát và những thông tin, tài liệu thu thập được từ các hoạt động đó bắt buộc phải chuyển hóa mới sử dụng được cho hoạt động tố tụng. Một số cán bộ điều tra mà trước đó họ được đào tạo các chuyên ngành thuộc ngành Trinh sát Cảnh sát thì vẫn luôn nghĩ các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nêu trên là các biện pháp nghiệp vụ trinh sát. Tư duy này chủ yếu xuất hiện ở những cán bộ làm công tác điều tra nhưng chưa kịp cập nhật các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và chưa được tham gia huấn luyện tại các lớp tập huấn về các biện pháp này.

Chính điều này đã làm xuất hiện ở một số cán bộ điều tra tư duy sai lệch về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong thẩm quyền áp dụng biện pháp, quy trình, thủ tục áp dụng cũng như hoạt động xử lý, sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được. Cá biệt có cán bộ điều tra cho rằng có thể kiến nghị áp dụng các biện pháp ghi âm, ghi hình bí mật; nghe bí mật điện thoại; thu thập bí mật dữ liệu điện tử đến các cơ quan chuyên trách như đơn vị Ngoại tuyến hay đơn vị Kỹ thuật nghiệp vụ theo thủ tục của đơn vị trinh sát rồi sau đó gửi văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn việc tiến hành nhằm hợp pháp hóa kết quả thu thập được từ các biện pháp đã thực hiện. Đây là nhận thức sai lầm và không phù hợp với trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

- Chưa thấy được vai trò, vị trí, tác dụng của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong phát hiện, điều tra do đó nhiều đơn vị chưa chủ động sử dụng biện pháp này trong đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như phối hợp với các lực lượng chuyên trách để tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Hai là, quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt còn chưa đầy đủ và hoàn thiện, nhiều nội dung liên quan đến thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng, sử dụng thông tin, kết quả từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự còn hạn chế.

Ba là, lực lượng Cảnh sát điều tra hiện nay còn thiếu một đội ngũ cán bộ chiến sĩ có trình độ khoa học công nghệ để phối hợp với lực lượng chuyên trách trong quá trình tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, vì vậy việc quản lý, vận hành khai thác hiệu quả hệ thống phương tiện kỹ thuật đã được Nhà nước và ngành Công an trang bị dẫn đến nhiều đơn vị phương tiện sau khi được trang

bị không có người vận hành hoặc phương tiện vận hành, khai thác không hết tính năng, tác dụng, khi hỏng hóc, gặp sự cố kỹ thuật không có người khắc phục, xử lý.

Bốn là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, tổ chức triển khai thực hiện phối hợp giữa Điều tra viên với các lực lượng chuyên trách chưa sát sao, còn bị buông lỏng. Biểu hiện:

- Chưa quan tâm nghiên cứu, chủ động phát hiện tài liệu làm căn cứ tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt kịp thời, việc xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chưa kịp thời.

- Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra chưa sát sao trong kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, tổ chức thực hiện phối hợp với lực lượng chuyên trách trong quá trình tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt dẫn đến tình trạng khi phối hợp chưa phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, quá trình tổng kết không đánh giá đúng thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình phối hợp cũng như những biểu hiện nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để có cách khắc phục, tháo gỡ và chấn chỉnh kịp thời.

Năm là, kinh phí dùng cho quá trình tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt hiện chưa có quy định cụ thể dẫn đến thiếu kinh phí hoạt động, nhiều đơn vị chưa quan tâm đề xuất kinh phí hỗ trợ cho việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thường diễn ra liên tục trong một thời gian dài, cần có nguồn kinh phí để phục vụ. Tuy nhiên, do mật phí có hạn, các đơn vị lại chưa chủ động đề xuất các cấp có thẩm quyền cấp thêm kinh phí từ ngân sách nhà nước dùng để hỗ trợ cho hoạt động này. Vì vậy, khi có yêu cầu phối hợp thường nảy sinh tư tưởng “ngại phối hợp” giữa các bên.

4. Điều kiện bảo đảm áp dụng và một số định hướng áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Từ những nghiên cứu cả về phương diện lý luận, pháp lý, chính trị và thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật TTHS 2015 về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, thời gian tới để nâng cao hơn nữa hiệu quả biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, chúng tôi cho rằng phải đảm bảo một số điều kiện sau đây:

- *Bảo đảm điều kiện trang bị cơ sở vật chất*

Khi cơ quan chuyên trách tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đều phải sử dụng các phương tiện kỹ thuật như:

Thiết bị, phần mềm để “ghi âm, ghi hình bí mật”;

Thiết bị, phần mềm “nghe điện thoại bí mật”;

Thiết bị, phần mềm trích xuất dữ liệu điện tử, phục hồi dữ liệu điện tử để “bí mật thu thập dữ liệu điện tử”

Vì vậy, yêu cầu cơ bản đặt ra khi tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là phải có các thiết bị và phần mềm nêu trên để tiến hành.

Quá trình tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, các thông tin, hình ảnh, âm thanh, dữ liệu... cần được lưu trữ trên các phương tiện điện tử hoặc thiết bị lưu giữ điện tử. Do đó bên cạnh phương tiện, thiết bị, phần mềm để tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đòi hỏi còn phải có phương tiện, thiết bị lưu giữ các thông tin phù hợp.

Khi tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, không phải tất cả các thông tin thu thập được đều dùng làm chứng cứ mà còn có cả quá trình khai thác, kiểm tra, đánh giá. Việc khai thác, kiểm tra, đánh giá phải tuân thủ nguyên tắc không được thay đổi trạng thái ban đầu, không để lộ bí mật, để rò rỉ thông tin. Vì vậy, điều kiện đặt ra cho việc khai thác, đánh giá thông tin thu thập từ biện pháp điều tra bí mật là các phương tiện, thiết bị và phần mềm chỉ được đọc mà không được ghi. Đây là yêu cầu cơ bản khi khai thác, đánh giá kết quả thu thập được từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Kết quả thu thập các thông tin từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không phải tất cả đều dùng làm chứng cứ mà còn có khâu trích xuất để không xâm phạm các quyền tự do cá nhân và các yêu cầu bí mật khác. Từ đó đòi hỏi việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải có phương tiện, phải có phần mềm cắt, trích những thông tin cần thiết để dùng làm chứng cứ. Vì vậy, việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cần phải có các phương tiện, thiết bị và phần mềm phù hợp đảm bảo cho việc trích xuất, phục hồi dữ liệu.

Như vậy, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật tối thiểu cho việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải có thiết bị, phần mềm để tiến hành “ghi âm, ghi hình bí mật”, “nghe điện thoại bí mật”, “bí mật thu thập dữ liệu điện tử”. Đồng thời đó là thiết bị, phần mềm để lưu giữ, để khai thác, đánh giá và để trích xuất dùng làm chứng cứ.

- Bảo đảm các điều kiện về kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn cho lực lượng tham gia tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đã quy định chi tiết về trình tự, thủ tục khi áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt tại các điều 224, 225, 226, 227, 228. Trước hết, chỉ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các loại tội phạm

quy định tại Điều 224 Bộ luật TTHS năm 2015. Đồng thời, quá trình tiến hành cần đảm bảo đúng thẩm quyền, trách nhiệm quyết định và thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của các cơ quan và người tiến hành tố tụng có liên quan. Bên cạnh đó, cần chú ý mối quan hệ phối hợp trong việc phê chuẩn quyết định và thực hiện quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt giữa CQĐT và Viện kiểm sát; mối quan hệ phối hợp trong việc tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt giữa CQĐT và cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân.

Trong hoạt động chuyên môn của các lực lượng tham gia điều tra tố tụng đặc biệt cần đảm bảo yếu tố bí mật⁴¹. Khi xem xét áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt tại Điều 223 Bộ luật TTHS năm 2015 (như ghi âm, ghi hình, nghe điện thoại, thu thập dữ liệu điện tử) đều phải được đảm bảo bí mật. Các trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt bao gồm: Tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tham nhũng, khủng bố, rửa tiền, tội phạm khác có tổ chức thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng. Đây đều là những loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng với phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, ảnh hưởng đặc biệt lớn đến nền an ninh quốc gia, chế độ chính trị, kinh tế của đất nước. Đa số các đối tượng phạm tội đều cấu kết hình thành băng nhóm, đường dây, gây khó khăn, cản trở cho hoạt động điều tra. Xét thấy trong quá trình tiến hành điều tra làm rõ các vụ án trên, nếu chỉ sử dụng các biện pháp điều tra tố tụng công khai thì không đạt hiệu quả cao, thậm chí nhiều vụ án có thể rơi vào bế tắc, không chứng minh được hành vi phạm tội, đối tượng phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải tiến hành các biện pháp điều tra bí mật để thu thập thông tin, tài liệu về hoạt động phạm tội của các đối tượng. Khoản 1 Điều 227 Bộ luật TTHS năm 2015 cũng quy định: “Thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời. Nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác”. Quy định này thể hiện tính bí mật của các thông tin, tài liệu thu thập được từ việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Nguồn nhân lực chất lượng, đủ năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác để tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là yêu cầu hết sức quan trọng. Yếu tố con người trong quá trình tiến hành hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt được hiểu là những người có thẩm quyền trong hoạt động này, bao gồm: Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh trở lên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu trở lên, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cùng cấp; cán bộ thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt;

⁴¹ Đỗ Văn Chiến & Nguyễn Hà Bích, Điều kiện đảm bảo cho hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt, Trang thông tin điện tử Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, ngày 13/10/2021.

cán bộ kỹ thuật tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Những người tham gia hoạt động tố tụng này đều phải đảm bảo nắm vững quy định của pháp luật, tinh thông nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị vững vàng, được đào tạo bài bản, tinh nhuệ, hiện đại để thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Trong quá trình tiến hành, cần tránh việc xảy ra sai sót, lộ lọt thông tin, tài liệu. Lưu ý, biện pháp thu thập bí mật dữ liệu điện tử đòi hỏi cơ quan chuyên trách phải cử cán bộ có trình độ chuyên môn về khoa học kỹ thuật, điện tử viễn thông để có thể thực hiện biện pháp này. Đồng thời, việc thực hiện hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan tiến hành tố tụng như: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan chuyên trách thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Việc đảm bảo yếu tố con người góp phần thực hiện có hiệu quả quá trình tiến hành hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt.

Vì vậy, đòi hỏi các chủ thể trong quá trình thực hiện hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt cần nghiêm túc chấp hành quy định pháp luật, có kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, có ý thức giữ gìn bí mật, không để lộ lọt thông tin làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, đến quyền con người và những vấn đề bí mật khác.

- Bảo đảm các điều kiện tương thích về pháp luật quốc gia với pháp luật các nước trong việc tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng 2003 (UNCAC 2003) cũng đòi hỏi mọi quốc gia phải áp dụng các biện pháp cần thiết, đủ mạnh và biện pháp này cũng là một biện pháp đặc biệt. Các biện pháp điều tra đặc biệt được UNCAC nhấn mạnh về tầm quan trọng trong việc đấu tranh phòng, chống các tội phạm, đặc biệt là các tội phạm ma túy, các tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm tham nhũng. Theo thống kê, xu hướng áp dụng các biện pháp này của các quốc gia trên thế giới ngày càng tăng do tính chất, mức độ vi phạm ngày càng nghiêm trọng; thủ đoạn, hành vi phạm tội ngày càng tinh vi; người phạm tội trong các vụ án tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn nên thường tìm mọi cách che giấu hành vi, can thiệp vào quá trình xử lý...⁴². Tất nhiên, cần phải lưu ý rằng việc áp dụng các biện pháp này vẫn được cảnh báo là cần thận trọng để tránh vi phạm quyền con người và đảm bảo giá trị về mặt chứng cứ của các dữ liệu thu được. Bởi vậy, việc áp dụng các biện pháp này chỉ giới hạn đối với một số nhóm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, kèm theo là quy định chặt chẽ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, cũng như có cơ chế kiểm soát như phê chuẩn của viện kiểm sát hoặc của tòa án.

⁴² Hà Thanh, Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, Tạp chí điện tử Ban Nội chính trung ương, ngày 24/03/2016.

Ngoài ra, theo quy định của UNCAC 2003 và kinh nghiệm của nhiều quốc gia thành viên, các biện pháp điều tra đặc biệt bao gồm: kiểm soát vận chuyển (thường áp dụng trong các trường hợp qua biên giới và trong các vụ án ma túy); giám sát, theo dõi điện tử (theo dõi điện thoại, thư điện tử...); giám sát, theo dõi đối tượng (theo dõi đối tượng tình nghi); hoạt động tình báo, hoạt động “chìm”; kiểm tra liên chính; giám sát giao dịch tài chính và một số biện pháp khác. Qua đánh giá không đầy đủ, thì các biện pháp này rất có hiệu quả trong việc thu thập thông tin, đấu tranh phòng, chống tham nhũng tại một số quốc gia. Việc áp dụng các biện pháp này cũng giúp xử lý “sớm” hành vi có dấu hiệu tham nhũng và giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có được thông tin và chủ động trong việc áp dụng các biện pháp phong tỏa, tạm giữ, kê biên để thu hồi tài sản tham nhũng.

5. Định hướng hoàn thiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

- Nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được quy định tại chương XVI từ Điều 223- 228 trong Bộ luật TTHS năm 2015, tại Điều 25, 26 Thông tư liên tịch số: 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của liên ngành tư pháp trung ương quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật TTHS, đối với Cơ quan điều tra của CAND thì biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được Bộ Công an hướng dẫn trong Thông tư số 11/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Công an nhân dân. Như vậy, cơ sở pháp lý để tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đã có căn cứ pháp lý cụ thể về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành nhằm đảm bảo thuộc tính hợp pháp của các tài liệu thu được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Tuy nhiên bên cạnh những vấn đề đã có hướng dẫn cụ thể vẫn còn một số vấn đề liên quan đến điều kiện, thẩm quyền, thủ tục, thời hạn và mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cần được nghiên cứu và sửa đổi, cụ thể:

Một là, nên sửa đổi thời điểm áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt từ giai đoạn “sau khi khởi tố vụ án” sang giai đoạn “tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố”. Sở dĩ như vậy là để cơ quan Cảnh sát điều tra kịp thời thu thập thông tin tài liệu ngay ở giai đoạn điều tra ban đầu, lúc đó đối tượng có thể chưa biết về quá trình điều tra của cơ quan Công an và chưa có thủ đoạn đối phó, tiêu hủy tài liệu, chứng cứ. Và kết quả của các biện pháp điều tra đặc biệt được áp dụng trong giai đoạn này được sử dụng là chứng cứ để làm căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can cũng như giúp cho quá trình điều tra vụ án sau khi khởi tố được thuận lợi hơn.

Hai là, cần mở rộng phạm vi áp dụng đối với các vụ án về trật tự xã hội, tội phạm tham nhũng, tội phạm tài trợ khủng bố. Với nhóm tội về trật tự xã hội không nhất thiết phải là các vụ án dạng tội phạm có tổ chức thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng. Theo đó, cần mở rộng là “các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm sử dụng công nghệ cao để phạm tội”. Quy định như vậy vì trên thực tế, có nhiều vụ án về trật tự xã hội, đối tượng gây án không có tổ chức, không thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng (vì khung hình phạt tối đa chỉ đến 10 năm tù giam) nhưng thiệt hại mà đối tượng gây ra là đặc biệt lớn. Ví dụ như đối tượng sử dụng công nghệ cao để tổ chức đánh bạc hoặc đánh bạc với số tiền lên đến hàng chục, thậm chí hàng trăm tỷ đồng nhưng khung hình phạt cao nhất cho tội danh này là 10 năm tù.

Đối với các tội phạm về tham nhũng, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) xác định hối lộ, môi giới hối lộ, lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi... là các hành vi tham nhũng và được sử dụng “*kỹ thuật điều tra đặc biệt*”. Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 không coi Tội đưa hối lộ, Tội môi giới hối lộ và Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi là các tội phạm về tham nhũng ở Mục 1 Chương XXIII Bộ luật Hình sự (quy định tại Mục 2 - Các tội phạm khác về chức vụ); tuy nhiên, các tội phạm này có mối quan hệ và thường xảy ra cùng với các tội phạm về tham nhũng. Do vậy, nếu không áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong điều tra các tội phạm này sẽ không phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng và không phát huy được tác dụng của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong thu thập thông tin, tài liệu để đấu tranh chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay.

Khoản 1 Điều 224 quy định Tội khủng bố thuộc trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nhưng không quy định Tội tài trợ khủng bố. Tội tài trợ khủng bố cũng không phải là “tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” để áp dụng biện pháp điều tra theo khoản 2 Điều 224. Trong khi đó, hành vi khủng bố và tài trợ khủng bố có mối quan hệ chặt chẽ, hành vi tài trợ khủng bố thường đi liền và tạo điều kiện thuận lợi để hành vi khủng bố được thực hiện, nếu không kịp thời ngăn chặn hành vi tài trợ khủng bố thì hành vi khủng bố có thể xảy ra. Do vậy, việc không quy định Tội tài trợ khủng bố thuộc trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cũng là bất cập.

Vì vậy nên sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 224 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) theo hướng quy định thêm một số tội phạm thuộc trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Cụ thể: “*Tội xâm phạm an ninh*

quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, Tội khủng bố, Tội tài trợ khủng bố, Tội rửa tiền, Tội đưa hối lộ, Tội môi giới hối lộ, Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi, các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm sử dụng công nghệ cao để phạm tội”

Thứ ba, sửa đổi khoản 1 Điều 225 Bộ luật TTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, bổ sung quy định Thủ trưởng Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Thủ trưởng Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự Trung ương có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương có quyền yêu cầu ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, cụ thể:

“Điều 225. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định và thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Thủ trưởng Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự Trung ương, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên tự mình hoặc theo yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt...”

Thứ tư, về các thời hạn trong quy trình ban hành quyết định như thời hạn Thủ trưởng Cơ quan điều tra phải ban hành quyết định sau khi nhận được yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát, thời hạn Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định cần được sớm bổ sung. Đồng thời, cần quy định rõ hơn về các hành vi vi phạm trong khi áp dụng các biện pháp này, để làm cơ sở cho việc hủy bỏ quyết định áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Ngoài ra, cần có hướng dẫn về việc sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được từ việc áp dụng BPĐT TTĐB của Cơ quan Cảnh sát điều tra theo hướng chỉ được sử dụng cho vụ án đã đăng ký hay vụ án khác. Về thành phần người tham gia trong việc trích xuất các thông tin, tài liệu, dữ liệu từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong trường hợp cần thiết có thể cho người bào chữa, người tham gia tố tụng khác được tham gia.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm sát khi tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt ngoài việc có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động điều tra vụ án hình sự thì còn liên quan trực tiếp đến bí mật đời tư cá nhân. Vì vậy, việc đảm bảo hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt chỉ phục vụ quá

trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự là rất cần thiết, tránh việc lợi dụng thực hiện biện pháp này vào mục đích khác. Đảm bảo thực hiện tốt hoạt động kiểm sát trong quá trình tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt góp phần giúp hoạt động này diễn ra khách quan, đúng quy định của pháp luật. Hoạt động kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát được thực hiện từ khi CQĐT ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, gia hạn áp dụng, sử dụng thông tin, tài liệu, kết quả đến khi hủy bỏ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, để thực hiện giải pháp này cần chú ý:

- Thứ nhất, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là biện pháp điều tra mới được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần phối hợp với Cơ quan điều tra Bộ Công an, Bộ Quốc phòng xây dựng chuyên đề về hoạt động biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo hướng chú trọng đến kỹ năng áp dụng, sử dụng kết quả của biện pháp này, kỹ năng giám sát thu thập thông tin, tài liệu, phát hiện vi phạm trong quá trình áp dụng... Đồng thời, cần tổng kết thực tiễn thi hành, giải đáp kịp thời những khó khăn, vướng mắc và phổ biến, nhân rộng kinh nghiệm quý báu khi kiểm sát hoạt động này.

- Thứ hai, Viện kiểm sát cấp trên thường xuyên tiến hành kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ cho Viện kiểm sát cấp dưới về kiểm sát việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Qua công tác kiểm tra, Viện kiểm sát cấp trên kịp thời phát hiện những thiếu sót, tồn tại, hạn chế, từ đó tiến hành rút kinh nghiệm chung mang tính uốn nắn, hướng dẫn Viện kiểm sát cấp dưới để nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát đối với hoạt động này.

- Nghiên cứu xây dựng thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Cục pháp chế và cải cách hành chính tư pháp cần sớm tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Công an phối hợp với Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao khẩn trương ra văn bản hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nhằm thống nhất nhận thức và tạo điều kiện thuận lợi cho các Cơ quan điều tra, cơ quan chuyên trách khi áp dụng. Cần chỉ dẫn kỹ thuật liên quan đến việc áp dụng các biện pháp như tên, đặc điểm, xuất xứ các loại máy móc, thiết bị ghi âm, ghi hình, phần mềm thu thập dữ liệu điện tử được phép sử dụng. Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần sớm ban hành quy định về kiểm sát hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt với tư cách một văn bản riêng để điều chỉnh những nội dung mang tính đặc thù.

Hình thức văn bản là thông tư liên tịch hướng dẫn cụ thể một số vấn đề sau:

Hướng dẫn thống nhất hoặc có quy định hoàn thiện hơn về nguồn chứng cứ từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo hướng các thông tin, tài liệu về âm thanh, hình ảnh thu thập được từ biện pháp ghi âm bí mật, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật cũng được xem là nguồn chứng cứ dữ liệu điện tử.

Quy định thời hạn Viện kiểm sát phê chuẩn Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt từ Thủ trưởng Cơ quan điều tra để bảo đảm tính khẩn trương, kịp thời theo hướng trong điều kiện bình thường không quá 3 ngày, trong tình huống khẩn cấp Cơ quan điều tra cấp tỉnh trở lên ra Quyết định tiến hành và thông báo ngay Viện kiểm sát cùng cấp biết để phê chuẩn trong thời hạn không quá 12 giờ.

Quy định bổ sung thêm về vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của Cán bộ điều tra, Điều tra viên thụ lý vụ án hình sự, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát vụ án hình sự và lực lượng làm công tác chuyên môn có liên quan đến việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Bởi vì những thông tin về việc đang áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt mà để lộ ra tới đối tượng bị áp dụng trong vụ án cũng biết sẽ khiến đối tượng cảnh giác, tìm cách đối phó, tạo ra thông tin sai đánh lạc hướng Cơ quan tố tụng hay có biểu hiện chống đối dẫn tới rất nhiều nguy hiểm.

Cần có hướng dẫn hoặc quy định về việc sử dụng thông tin, tài liệu liên quan tới vụ án khác, có dấu hiệu tội phạm khác được thu thập trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo hướng có thể dùng làm chứng cứ với các loại tội: tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền hoặc tội phạm có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác dù chưa có quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với vụ án đó.

Cần có hướng dẫn về thành phần, quy trình tiến hành việc kiểm tra, cắt, trích, sao chép thông tin về âm thanh, hình ảnh... từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để sử dụng làm chứng cứ theo hướng thành phần tham gia phải có Điều tra viên, Kiểm sát viên, các chuyên gia kỹ thuật có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm liên quan đến biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được áp dụng. Trong trường hợp cần thiết có thể cho người bào chữa, người bị buộc tội, người tham gia tố tụng khác có liên quan cùng tham gia.

Hướng dẫn về trách nhiệm phối hợp của các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ internet, cần cụ thể hóa trách nhiệm phối hợp của các cơ quan này;

Hướng dẫn cụ thể vấn đề tiêu hủy thông tin, tài liệu thu được bằng các biện pháp điều tra đặc biệt nhưng không liên quan đến vụ án. Việc tiêu hủy cần có sự

chứng kiến của đại diện các cơ quan chuyên trách, nhất là cơ quan chuyên trách thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chịu trách nhiệm tiêu hủy. Thời điểm tiêu hủy là thời điểm kết thúc giai đoạn xét xử của vụ án hình sự.

Hướng dẫn cụ thể việc áp dụng hoặc sử dụng kết quả của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt khi chuyển đổi tội danh sang các tội không thuộc nhóm tội quy định tại Điều 224 Bộ luật TTHS năm 2015 theo đó hướng dẫn về việc Cơ quan điều tra thông báo kết quả áp dụng biện pháp điều tra đặc biệt cho Viện kiểm sát về thời điểm thông báo, nội dung thông tin, thủ tục giao nhận.

Hướng dẫn cụ thể việc áp dụng trong trường hợp có nhiều tội phạm đang diễn ra, trong đó có một tội phạm thuộc điều kiện được áp dụng; về các phương tiện ghi âm, ghi hình được phép sử dụng; các phần mềm được phép sử dụng; quy định về trình tự, thủ tục và các thao tác nghiệp vụ liên quan đến các công cụ kiểm sát hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt.

- Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra và người có thẩm quyền tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đồng thời nâng cao trình độ, năng lực và nhận thức và đảm bảo hiệu quả mối quan hệ phối hợp trong quá trình tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Cơ quan điều tra và cơ quan chuyên trách là lực lượng có thẩm quyền tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt với những chiến thuật, phương pháp linh hoạt để giải quyết những yêu cầu, nhiệm vụ của việc thu thập tài liệu chứng cứ. Vì vậy, thành công hay thất bại của việc tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phụ thuộc vào trình độ hiểu biết, năng lực và kinh nghiệm công tác và sự linh hoạt, sáng tạo của các cán bộ trực tiếp tham gia tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cũng như công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt... Trên cơ sở quán triệt nội dung này, lãnh đạo Cơ quan điều tra và cơ quan chuyên trách đã chủ động có kế hoạch, phương hướng chỉ đạo các chủ thể trong quá trình áp dụng, đồng thời đã lựa chọn bố trí các cán bộ có kinh nghiệm, trình độ tham gia quá trình tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Tuy nhiên, trên thực tế lực lượng tiến hành hoạt động này vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: Trình độ của cán bộ chiến sĩ tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt so với yêu cầu về nhiệm vụ còn chưa đồng bộ, lại ít có điều kiện tập huấn nghiệp vụ chuyên môn nên quá trình thực hiện nhiệm vụ còn gặp nhiều khó khăn, nhận thức của một số cán bộ chiến sĩ về vai trò, vị trí của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt còn chưa đầy đủ, có trường hợp vì áp lực công việc nên nhiều đồng chí chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong quá trình tiến hành, công

tác lãnh đạo chỉ đạo của Thủ trưởng Cơ quan điều tra và cơ quan chuyên trách chưa thường xuyên, liên tục. Vì vậy để nâng cao chất lượng và hiệu quả việc tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì việc đổi mới cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, đảm bảo tính chuyên môn và tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tinh thần trách nhiệm đối với lực lượng Điều tra viên, cán bộ chuyên trách tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cũng như nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình tiến hành là yêu cầu cần thiết. Để thực hiện giải pháp này cần tập trung thực hiện một số nội dung:

- Một là, không ngừng đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chiến sĩ.

Lãnh đạo công an các cấp cần tạo điều kiện cho cán bộ chiến sĩ tham gia các lớp học, khóa học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện nay, ở nước ta chỉ có các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an đào tạo bậc Đại học chuyên ngành điều tra hình sự, như: Khoa an ninh điều tra của Học viện ANND, khoa Cảnh sát điều tra của Học viện CSND, khoa An ninh điều tra của Trường Đại học ANND, khoa Cảnh sát điều tra của Trường Đại học CSND. Như vậy, việc đào tạo nguồn cung cấp chủ yếu cho đội ngũ Điều tra viên, Trinh sát viên là do Bộ Công an đảm nhiệm, bên cạnh việc đảm bảo các yêu cầu về phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn theo quy định, quy trình tuyển chọn học viên cho các khoa điều tra của các Học viện, Trường Đại học nhà trường cần lựa chọn các học viên có năng khiếu hoạt động thực tiễn, vừa biết tổ chức hoạt động điều tra, vừa có khả năng tiến hành các biện pháp điều tra. Cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo của Bộ Công an, các cơ sở đào tạo có liên quan cần xây dựng quy trình tuyển chọn phù hợp, thể hiện rõ tính “nghề nghiệp” ngay từ ban đầu.

Tiếp tục nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, bảo đảm nguyên lý gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa nghề điều tra hình sự trong các trường CAND. Bên cạnh các tiêu chí cụ thể về phẩm chất nghề nghiệp và thể lực tốt, đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng phải có kiến thức pháp luật vững vàng, các tri thức khoa học xã hội, tự nhiên phù hợp với hoạt động điều tra hình sự trong thực tiễn; được trang bị kiến thức nghiệp vụ điều tra nhuần nhuyễn, biết tổ chức hoạt động điều tra, có khả năng thực hiện cả điều tra công khai, cả điều tra bí mật. Theo đó, cần rà soát, chỉnh lý, bổ sung, cập nhật kiến thức mới, hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo thiết thực gắn sát với thực tiễn. Các giáo trình, giáo án phải có các tình huống nghiệp vụ sát với thực tế và phải được thực hành một cách thành thạo. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo

của người học, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, các phương tiện và công nghệ thông tin, tận dụng và khai thác tối đa các nguồn tài liệu, giáo trình tiên tiến của các trường Cảnh sát trong khu vực và trên thế giới, chú trọng gắn công tác giảng dạy, học tập với công tác nghiên cứu khoa học của giáo viên và học viên.

Liên hệ, mở các lớp bồi dưỡng pháp luật, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chiến sĩ, đặc biệt là kiến thức pháp luật, nghiệp vụ mới ban hành, sửa đổi; tổ chức cho toàn bộ lực lượng Điều tra viên và cán bộ ở cơ quan chuyên trách tham gia tập huấn về việc tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, trong đó chú trọng đến công tác tổ chức, tiến hành và quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Cơ quan chuyên trách trong quá trình tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Bên cạnh đó, lãnh đạo Cơ quan điều tra và Cơ quan chuyên trách các cấp cần chú trọng tiến hành sơ kết, tổng kết tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Việc sơ kết, tổng kết cần được tiến hành đối với từng từng vụ án và tiến hành theo chuyên đề từng quý, từng năm. Khi tiến hành sơ kết, tổng kết cần đánh giá một cách nghiêm túc các hoạt động điều tra đã thực hiện trong quá trình tổ chức và tiến hành, bên cạnh việc nêu cao các thành tích đạt được thì cũng cần thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khó khăn vướng mắc hoặc những thất bại của việc áp dụng các các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong những vụ án cụ thể. Trên cơ sở đó rút ra các bài học kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy; áp dụng các biện pháp, công tác, chiến thuật; phối hợp với các lực lượng nghiệp vụ khác trong tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

- Ba là, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Để nâng cao hiệu quả tổ chức và tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, trước hết cần thống nhất và nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ về vị trí, vai trò, tác dụng của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong điều tra tội phạm. Nội dung cơ bản cần tập trung ở giải pháp này là:

Nâng cao nhận thức cho các cán bộ, chiến sĩ về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, đó là hình thức tổ chức điều tra đối với vụ án được pháp luật tố tụng hình sự quy định nhằm làm rõ tội phạm và truy bắt người phạm tội. Cần phân biệt biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt với biện pháp nghiệp vụ trinh sát, trong đó biện pháp trinh sát là biện pháp nghiệp vụ của ngành Công an nhằm ngăn chặn, khám phá tội phạm, kết quả từ biện pháp nghiệp vụ trinh sát không được sử dụng là chứng cứ. Còn các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được ghi nhận trong Bộ luật TTHS được tiến hành sau khi khởi tố vụ án hình sự, tài liệu thu được được sử dụng là chứng cứ để chứng minh. Do đó, không được nhầm lẫn hoạt động điều tra vụ án theo TTHS với hoạt động nghiệp vụ trinh sát.

Lãnh đạo các đơn vị cần nâng cao nhận thức cho mỗi cán bộ, chiến sĩ khi tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, đảm bảo các yêu cầu về pháp luật, nghiệp vụ và sự tính toán chiến thuật của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra. Mỗi một mất xích, một nhiệm vụ không hoàn thành hoặc thực hiện không đúng sự chỉ đạo của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra đều có thể làm ảnh hưởng chung đến toàn bộ quá trình tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Cho nên, Điều tra viên phân công thụ lý vụ án khi đề xuất sử dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải luôn chủ động thu thập, phân tích tài liệu, kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định các tình huống phát sinh cũng như xử lý kịp thời các tài liệu thu được.

- Bốn là, trong công tác lãnh đạo chỉ đạo quá trình tiến hành việc thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cần chú ý tập trung vào các nội dung:

+ Thứ nhất, trong chỉ đạo lập kế hoạch tiến hành các việc thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: Căn cứ vào tình hình và diễn biến thực tế trong quá trình điều tra, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra cần tiếp tục chú ý trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chu đáo và có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp lãnh đạo chỉ huy. Do đặc điểm của các biện pháp này là hoạt động bí mật cho nên hoạt động đòi hỏi cần được tính toán kỹ lưỡng, thận trọng đối với từng trường hợp cụ thể. Để đảm bảo yêu cầu trên cần đến sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp chỉ huy. Sự lãnh đạo chặt chẽ thể hiện ở chỗ: Phải có kế hoạch cụ thể, chi tiết cho từng công việc trình sát và phối hợp với cơ quan chuyên trách; tuân thủ nghiêm chỉnh những quy định của Nhà nước và Ngành đặt ra, chấp hành mệnh lệnh của các cấp chỉ huy, chỉ đạo chặt chẽ đối với từng công việc cụ thể cho cán bộ chiến sĩ thực hiện, từng bước có sơ kết, tổng kết công việc và bổ sung điều chỉnh cụ thể phù hợp với tình hình thực tế diễn ra của đối tượng và yêu cầu của quá trình điều tra vụ án hình sự.

+ Thứ hai, chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ khi tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: Trên cơ sở kế hoạch tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đã đề ra, căn cứ vào nhiệm vụ trong từng giai đoạn và từng yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể phát sinh trên thực tế, định kỳ hoặc đột xuất, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cần chủ động trong việc định kỳ hoặc đột xuất tiến hành họp hoặc hội ý để đánh giá, phân tích để đề ra các phương án và chỉ đạo giải quyết; đồng thời có sự điều chỉnh, thay đổi phương án đấu tranh cho phù hợp với thực tế và bổ sung vào kế hoạch tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Quá trình tổ chức các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra phải tổ chức phân công nhiệm vụ hợp lý, đảm bảo sự tập

trung thống nhất và phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các biện pháp nghiệp vụ và kỹ thuật nghiệp vụ, hậu cần; đảm bảo phát huy trí tuệ tập thể, kịp thời đưa ra các quyết định đúng đắn trên cơ sở đã được cân nhắc, tính toán kỹ lưỡng từ những tài liệu, chứng cứ đã thu nhận được. Coi trọng chế độ thông tin, báo cáo, phân công cán bộ có trách nhiệm, năng lực tiếp nhận, tổng hợp, xử lý thông tin, tài liệu phục vụ công tác chỉ đạo và tổ chức tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

+ Thứ ba, chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: Sau khi tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra và cơ quan chuyên trách cần kịp thời tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm để có kế hoạch tiếp tục chỉ đạo, giải quyết các vấn đề phát sinh sau khi tiến hành, đồng thời củng cố và nâng cao trình độ pháp luật, kinh nghiệm tổ chức hoạt động nghiệp vụ, kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo; công tác phối hợp giữa các đơn vị, địa phương, giữa CBCS, giữa lực lượng Công an với các lực lượng liên quan. Kịp thời phát hiện, làm rõ những tồn tại, sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý trật tự an toàn xã hội để tham mưu, đề xuất, kiến nghị các chủ thể có thẩm quyền áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm

- Tăng cường trang bị cơ sở vật chất nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Điều tra trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân với lực lượng chuyên trách trong tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Trong điều kiện các mạng khoa học đang tiến lên như vũ bão đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng phải không ngừng trang bị các loại máy móc, phương tiện phục vụ cho hoạt động điều tra tố tụng đặc biệt được kịp thời. Bởi vì trong giai đoạn hiện nay, về phía người phạm tội cũng không ngừng thay đổi về phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội, tìm mọi cách cản trở việc điều tra. Từ đó đòi hỏi Cơ quan điều tra cần phải có những thiết bị công nghệ hiện đại, phương tiện đủ mạnh để kịp thời đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động phạm tội của các đối tượng. Ngoài ra, tội phạm và đấu tranh phòng, chống tội phạm là vấn đề quan tâm của tất cả các quốc gia, dân tộc, ảnh hưởng tới sự phát triển của nền kinh tế, xã hội. Vì vậy, trên mặt trận này không chỉ nhấn mạnh đến vai trò riêng có của lực lượng nào, mà còn phải có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ với nhau. Triển khai thực hiện các quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là do các lực lượng chuyên trách của Bộ Công an; Bộ Quốc phòng thực hiện. Các lực lượng chuyên trách này đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của người đứng đầu Bộ Công an; Bộ Quốc phòng và lãnh đạo công an

cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, vì vậy nếu không có mối quan hệ phối hợp, quy định, quy chế cụ thể để huy động lực lượng chuyên trách của nhau thì quá trình thực hiện sẽ kéo dài thời gian, và rất khẩn trong việc sử dụng lực lượng của nhau. Do đó phải thiết lập được cơ chế, mối quan hệ công tác, khi Cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an phối hợp với lực lượng chuyên trách của Bộ Quốc phòng và Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân với lực lượng chuyên trách của Bộ Công an trong việc triển khai các quyết định về áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Để thực hiện nội dung trên cần chú ý các vấn đề:

- *Thứ nhất*, Triển khai thực hiện các quy định mới được ban hành về an ninh quốc gia; quốc phòng như Luật An ninh Quốc gia; Luật Quốc phòng; Luật Công an nhân dân; Luật Biên giới quốc gia...

- *Thứ hai*, Các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện tốt các quy định của Nghị định 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng.

- *Thứ ba*, Thiết lập cơ chế để huy động lực lượng của nhau trong việc triển khai thi hành quyết định áp dụng điều tra tố tụng đặc biệt. Theo đó Bộ Công an và Bộ Quốc phòng phải thiết lập cơ chế, quy chế, quy định để khi cần thiết Cơ quan Điều tra trong Quân đội nhân dân có thể đề nghị lực lượng chuyên trách của Bộ Công an thi hành ngay các biện pháp điều tra theo tố tụng do Cơ quan Điều tra trong Quân đội nhân dân thụ lý. Ngược lại Cơ quan Điều tra trong Công an nhân dân có thể huy động lực lượng chuyên trách của Bộ Quốc phòng.

- *Thứ tư*, Các cơ quan điều tra và lực lượng chuyên trách của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng cần thường xuyên trao đổi, tổng kết rút kinh nghiệm về mối quan hệ trong việc thực hiện các quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nói riêng và mối quan hệ phối hợp trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

- *Thứ năm*, các đơn vị chú ý dự kiến kinh phí tài chính để mua sắm, cơ chế để được mua sắm trang bị, phương tiện nói chung và phương tiện điều tra tố tụng đặc biệt. Vì nếu không mua sắm kịp thời thì các cơ quan có thẩm quyền tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt sẽ bị bỏ lại phía sau, sẽ gặp nhiều khó khăn trong hoạt động thu thập chứng cứ làm rõ sự thật khách quan trong quá trình điều tra. Vì vậy, đòi hỏi các cấp lãnh đạo, các nhà khoa học cần có sự nghiên cứu, đánh giá và tạo cơ chế kịp thời để bảo đảm trang bị phương tiện khoa học kỹ thuật tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được kịp thời và đồng bộ.

KẾT LUẬN

Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là một chế định quan trọng bởi trong lịch sử lập pháp TTHS của Việt Nam thì đây là lần đầu tiên chế định này được quy định trong Bộ luật TTHS. Chính vì vậy, việc nghiên cứu, đánh giá những vấn đề phát sinh trong tổ chức thực hiện khi Bộ luật TTHS năm 2015 chính thức có hiệu lực và đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả là vấn đề hết sức cần thiết.

Trong phạm vi nghiên cứu, nhóm tác giả đã đi sâu phân tích sự cần thiết, khái niệm, đặc điểm, cơ sở và nội dung các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015, rút ra những nhận xét, đánh giá về một số vướng mắc và đề xuất một số biện pháp nhằm triển khai thực hiện các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 một cách có hiệu quả trong thực tiễn.

Việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là một công cụ hữu hiệu có vai trò phát huy tác dụng tích cực trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Pháp luật quốc tế

1. Công ước LHQ về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNCTOC)
2. Công ước LHQ về chống tham nhũng (UNCAC)

II. Pháp luật Châu Âu

3. Council of Europe, *Recommendation Rec(2005)10 of the Committee of Ministers to member states on “special investigation techniques” in relation to serious crimes including acts of terrorism*

4. Convention on Laundering, Search, Seizure and Confiscation of the Proceeds from Crime of 8 November 1990 (ETS No. 141)

5. Criminal Law Convention on Corruption of 27 January 1999 (ETS No. 173)

6. The Second Additional Protocol to the European Convention on Mutual Assistance in Criminal Matters of 8 November 2001 (ETS No. 182)

7. Convention on Cybercrime of 23 November 2001 (ETS No. 185)

III. Pháp luật quốc gia

1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.

2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

4. Bộ Chính trị (2008), *Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 26/3/2008 về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới*, Hà Nội.

5. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị Khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

6. Bộ Công an (2020), *Thông tư số 11/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Công an nhân dân*.

7. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, sử dụng, ảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.*

8. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018), *Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQ quy định về phối hợp giữa cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.*

9. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

11. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

12. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy*, Hà Nội.

13. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021), *Luật phòng, chống ma túy*, Hà Nội.

14. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật phòng, chống rửa tiền*, Hà Nội.

15. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật phòng, chống khủng bố*, Hà Nội.

16. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật Bảo vệ bí mật nhà nước*, Hà Nội.

17. Viện ngôn ngữ (2007), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

18. Phan Văn Chánh (2016), “Một số vấn đề về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Bộ luật TTHS năm 2015”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*;

19. Phan Văn Chánh (2018), “*Biện pháp điều tra trinh sát và điều tra tố tụng đặc biệt - Một số vấn đề cần trao đổi*”, Kỷ yếu Hội thảo, Trường Đại học An ninh nhân dân

20. Lê Huỳnh Tấn Duy (2019), “Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong quá trình giải quyết vụ án hình sự về các tội phạm tham nhũng”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 08(129), 79-94

21. Lê Huỳnh Tấn Duy (2023), “Đánh giá khung pháp lý hình sự việt nam về phòng, chống buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã bằng đường biển trên cơ sở các hướng dẫn, chỉ báo quốc tế”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam* (dự kiến đăng trong số 03/2023)

22. Nghĩa Nhân, “Viện trưởng VKSND Tối cao Nguyễn Hòa Bình: Kiểm sát chặt khi điều tra đặc biệt” (30/11/2015), Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh Online <https://plo.vn/phap-luat/vien-truong-vksnd-toi-cao-nguyen-hoa-binh-kiem-sat-chat-khi-dieu-tra-dac-biet-596422.html>

23. UNODC (2012, revised edition), *Wildlife and Forest Crime Analytic Toolkits*

24. UNODC (2004), *Chương trình toàn cầu về chống tham nhũng: Bộ công cụ chống tham nhũng của LHQ*

25. UNDP-UNODC (2009), *International Cooperation: The Pacific's Implementation of Chapter IV of the UN Convention against Corruption*

26. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, “Chuyên đề Quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; việc ghi âm, ghi hình có âm thanh theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 và những vấn đề cần lưu ý khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm sát”

27. VKSNDTC (2015), “Báo cáo tham khảo pháp luật TTHS của một số nước trên thế giới”

28. PGS, TS. Phạm Minh Tuyên, *Một số kiến nghị về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021*, Kỷ yếu hội thảo Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng, Đại học CSND, năm 2023.

29. TS. Lê Đức Xuân, *Vai trò của viện kiểm sát trong kiểm sát điều tra biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. những vấn đề lý luận và thực tiễn trên địa bàn tỉnh Bình Dương*, Kỷ yếu hội thảo Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng, Đại học CSND, năm 2023.

30. PGS.TS. Lê Huỳnh Tấn Duy, *Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: nghiên cứu so sánh và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng, Đại học CSND, năm 2023.

31. Trường Đại học CSND, *Kỷ yếu hội thảo Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng*, Đại học CSND, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023

thuvienso.dhcs.vn

MỤC LỤC

	Trang
Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỔ TỤNG ĐẶC BIỆT	1
I. Nhận thức chung về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	1
1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	1
2. Sự cần thiết và nguyên tắc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	7
II. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	17
1. Quy định chung về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	17
2. Các trường hợp áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	23
3. Thẩm quyền áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	27
4. Thủ tục và thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	30
5. Sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và hủy bỏ việc áp dụng	34
6. Quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	38
III. Quy định trong văn bản pháp lý quốc tế và một số nước trên thế giới về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	42
1. Quy định trong văn bản pháp lý quốc tế về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	42
2. Quy định của pháp luật một số quốc gia về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	47
3. Giá trị tham khảo trong quy định của pháp luật quốc tế và một số nước trên thế giới về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	52
Chương 2 Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và một số định hướng hoàn thiện	57

1. Khái quát về tình hình tội phạm ở Việt Nam thời gian qua	57
2. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	62
3. Đánh giá thực tiễn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	71
4. Điều kiện đảm bảo áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	75
5. Định hướng hoàn thiện việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	79

thuvienso.dhcs.vn